

Báo cáo ngành Ngân hàng

 **MBSecurities**

2022

Vượt qua thử thách – Tăng trong nghi ngờ

| MBS Research



- **Giai đoạn 2002-2010:** Tăng nhanh số lượng ngân hàng và vốn điều lệ, phức tạp tình hình sở hữu chéo
- **Giai đoạn 2011-2016:** Ổn định hoạt động và giữ vững khả năng chi trả trước nhiều thách thức đan xen
- **Giai đoạn 2017-2021:** Cơ cấu lại hệ thống TCTD, nâng cấp chuẩn mực quản trị theo Basel II

Giai đoạn 2002 - 2008

Tình hình chính trị và kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009 và suy thoái kinh tế sau đó đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, trong bối cảnh Việt Nam vừa mới gia nhập WTO (ngày 11/01/2007) và đã hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, đặt hệ thống tài chính - tiền tệ Việt Nam trước nhiều khó khăn và thách thức. Mức vốn điều lệ tăng cao trong một thời gian ngắn, dẫn đến tình trạng các ngân hàng hút vốn bằng nhiều cách, tình trạng sở hữu chéo tăng nhanh.

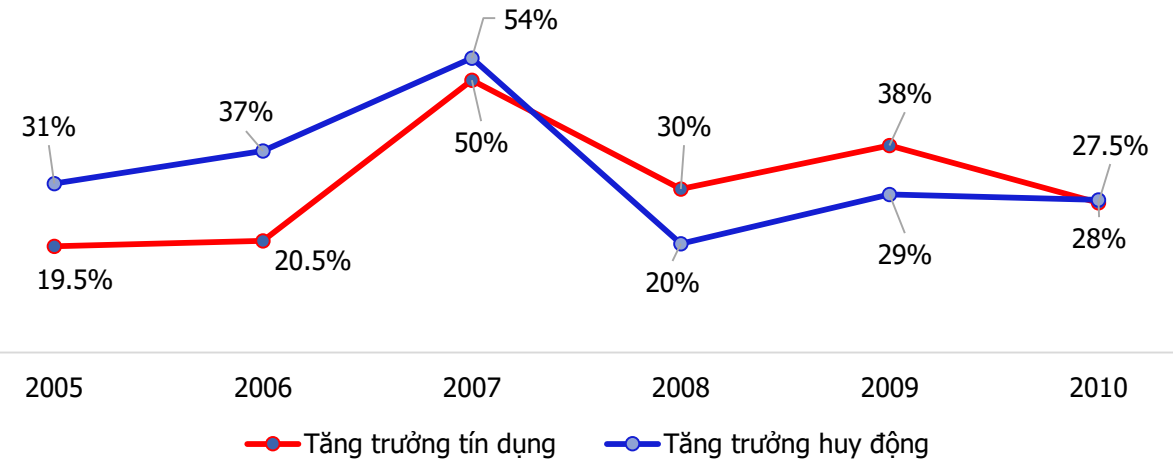
Trước những dấu hiệu gia tăng lạm phát xuất hiện từ cuối năm 2007, ngay từ đầu năm 2008, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt. Những động thái đầu tiên được thực thi trong quý I-2008 gồm:

- Quy định tỷ lệ dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;
- Tăng lãi suất cơ bản lên mức 8.75%/năm (+ 0.5%);
- Phát hành 20,300 tỉ đồng tín phiếu bắt buộc.

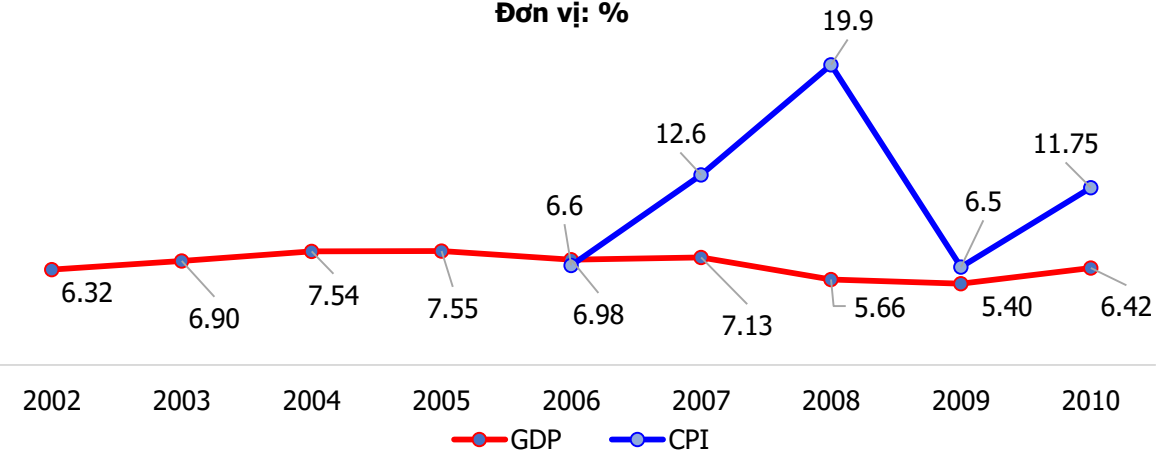
Nhờ những nỗ lực của Chính phủ và NHNN Việt Nam, lạm phát năm 2007 được kiềm chế quanh mức 12.5%; năm 2008 là 19.9% và năm 2010 là 11.75%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng kinh tế.

Kinh tế của Việt Nam trong các năm 2008 - 2010 vẫn tăng trưởng dương (riêng năm 2010 tăng trưởng đạt 6.78%, vượt mục tiêu 6.5% đề ra).

Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động
Đơn vị: %



Tỷ lệ lạm phát – CPI – GDP
Đơn vị: %



Giai đoạn 2002 - 2008

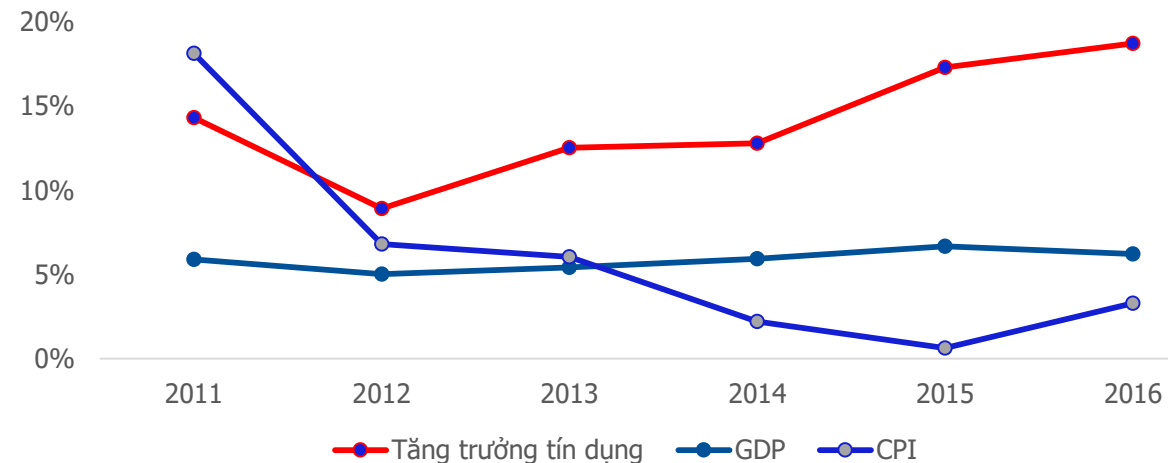
Chịu tác động bất lợi của tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008-2009 và những bất cập nội tại của nền kinh tế, trong giai đoạn 2011-2015, nền kinh tế Việt Nam đứng trước **những thách thức lớn đan xen**:

- Lạm phát tăng cao: từ 11.8% năm 2010 lên đến 18.13% năm 2011.
- Thị trường tiền tệ, ngoại hối và thị trường vàng có nhiều biến động với mặt bằng lãi suất cho vay ở mức cao, lên đến 25%/ năm
- Thanh khoản của hệ thống TCTD căng thẳng
- Việt Nam Đồng chịu sức ép phá giá, dự trữ ngoại hối nhà nước sụt giảm mạnh
- Kỷ luật thị trường chưa được các TCTD tuân thủ nghiêm chỉnh, tiềm ẩn nguy cơ đổ vỡ hệ thống TCTD

Kết quả nổi bật của hệ thống ngân hàng giai đoạn này:

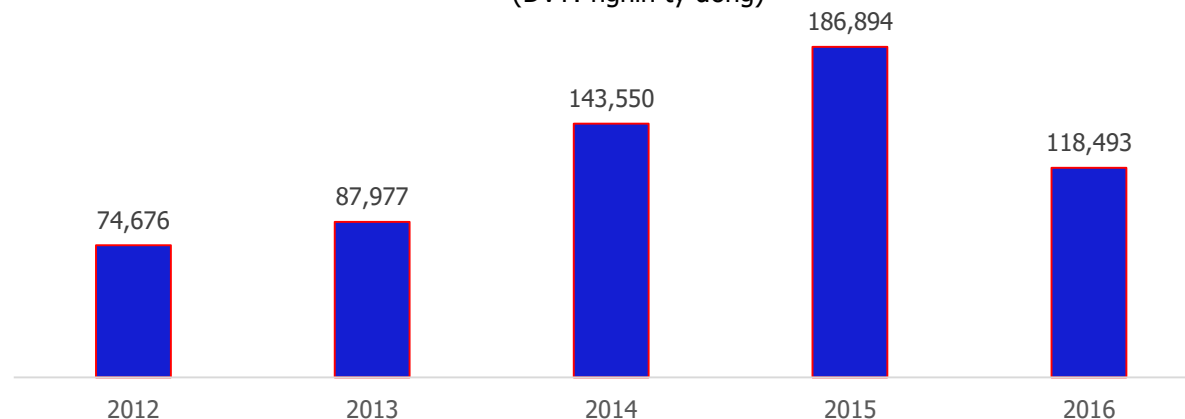
- Lạm phát được kiểm soát và giảm dần
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm mạnh từ mức 18.13% năm 2011 xuống còn 0.63% năm 2015, mức thấp nhất trong 15 năm
- Mặt bằng lãi suất giảm từ mức 20-25%/năm chỉ còn 6-9%/năm
- Thanh khoản hệ thống ngân hàng có sự cải thiện rõ nét và ổn định bền vững
- Tín dụng tăng trưởng ở mức hợp lý, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả
- Tỷ giá và thị trường ngoại hối cơ bản đã ổn định
- Niềm tin vào đồng Việt Nam tăng lên, tình trạng đô la hoá giảm đáng kể
- NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ để tăng mạnh dự trữ ngoại hối nhà nước
- Đáng chú ý, các giải pháp cơ cấu lại và xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ, quyết liệt, công khai, minh bạch theo đúng mục tiêu, định hướng đề ra và theo quy định của pháp luật. Từ năm 2011 - 2015 đã giảm được 19 TCTD yếu kém thông qua hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể và thu hồi giấy phép. Đến cuối tháng 11/2015, tỷ lệ nợ xấu giảm còn 2,72% trên tổng dư nợ.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ



TỔNG NỢ XẤU LŨY KẾ CỦA HỆ THỐNG CÁC TCTD

(ĐVT: nghìn tỷ đồng)



Giai đoạn 2017 - 2021

Những năm gần đây, hoạt động kinh doanh của các ngân hàng đặc biệt khối NHTM tư nhân đã trở nên sôi động và cạnh tranh gay gắt hơn.

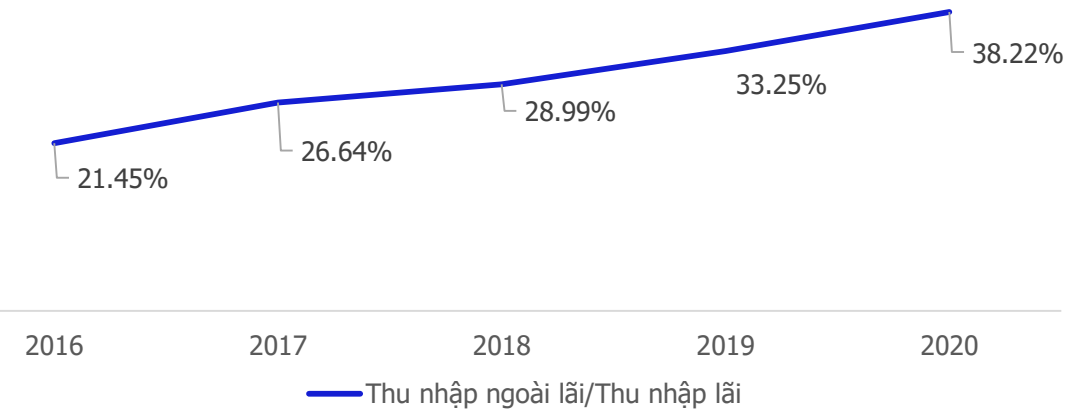
2017

- Trong thời điểm quy mô nợ xấu đã lên tới gần 600 ngàn tỷ đồng, tương đương 13.3% GDP vào cuối năm 2016, nhờ tác động tích cực của nhà nước, một số ngân hàng đã có những bước tiến tích cực trong việc xử lý nợ xấu.
- Cũng trong năm 2017, NHNN đã đưa ra những thông tư nhằm giám sát và quản trị rủi ro tại các NHTM, như định hướng các NHTM giảm cho vay, đầu tư vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao như cho vay để kinh doanh bất động sản, giảm tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn từ 60% về 50% vào năm 2017 và về 40% từ năm 2018. NHNN đã đưa ra thông tư 41/2017/TT-NHNN yêu cầu các ngân hàng áp dụng Basel II chính thức vào năm 2020. Áp dụng Basel cho phép các ngân hàng định lượng được rủi ro cho mọi hoạt động, mọi giao dịch đã và đang phát sinh, cũng như đánh giá sức chịu đựng của ngân hàng bằng stress test. Việc triển khai Basel II giúp chuẩn hóa, cải thiện và lành mạnh hóa lĩnh vực ngân hàng thông qua việc áp dụng các chuẩn mực toàn cầu. Ngoài ra, hiệp ước này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về mức độ công bố thông tin và quy định về định chế có ảnh hưởng lớn trên thị trường, giúp tăng tính minh bạch cho các ngân hàng đang niêm yết.

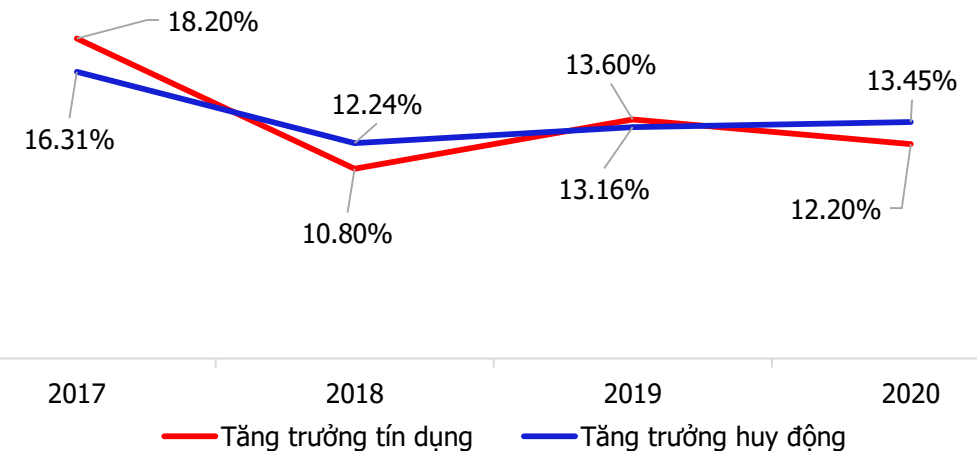
2018

- Thu nhập ngoài lãi bắt đầu gia tăng mạnh từ cuối năm 2017, và đã chiếm tới gần 24% tổng thu nhập hoạt động toàn ngành ngân hàng, trở thành một trong những chiến lược nhằm gia tăng lợi nhuận cho các NHTM khi hạn mức tăng trưởng tín dụng bị hạn chế theo trần của NHNN. Phần lớn lợi thế của việc đi tiên phong trong phát triển thu nhập ngoài lãi thuộc về các NHTM tư nhân. Sự hợp tác giữa các NHTM và công ty bảo hiểm đã đem đến nguồn thu lớn từ phí banca cho ngân hàng.
- Các ngân hàng đầu tư mạnh vào công nghệ số để nâng cao cạnh tranh, gia tăng trải nghiệm khách hàng cũng như thúc đẩy các chương trình tiếp cận khách hàng một cách sâu rộng. Core banking, triển khai hệ thống CRM, ERP cũng như đầu tư vào hệ thống bảo mật, ứng dụng machine learning là những biện pháp được phổ cập ở các NHTM. Mobile banking và internet banking được phát triển ngày càng hiện đại và tiện lợi cho khách hàng với mức phí cạnh tranh, không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn tăng độ bảo mật cho khách hàng.
- Cho vay bán lẻ được đẩy mạnh với sự phát triển của các công ty tài chính tiêu dùng như HD Saison và FE Credit. Tăng trưởng từ cho vay bán lẻ cũng phần nào giải thích được mức tăng của thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi



Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động



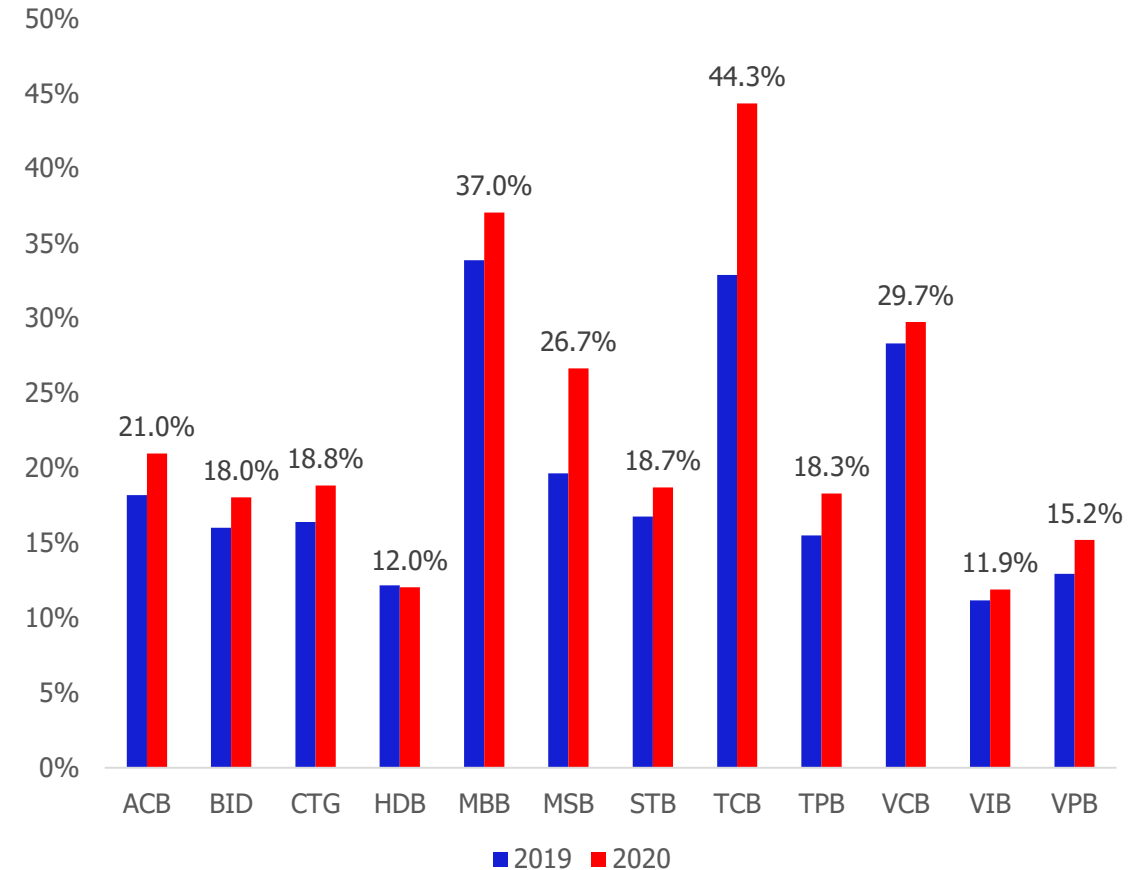
2019

- Từ sau năm này, tăng trưởng tín dụng luôn được NHNN duy trì quanh mức 14-15%, trong bối cảnh tỷ lệ tín dụng/GDP của VN ở mức khá cao so với các nước trong khu vực.
- Cuộc đua về huy động tiền gửi ngày càng gay gắt do yêu cầu nghiêm ngặt hơn về cơ cấu vốn của ngân hàng, cuộc đua về CASA đã được khởi động. Tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn giảm từ 45% năm 2018 xuống 40% từ 01/2019. Nhiều ngân hàng đã đẩy mạnh tăng vốn trung và dài hạn bằng cách tăng lãi suất tiền gửi dài hạn và phát hành thêm trái phiếu cũng như chứng chỉ tiền gửi.
- Nhà nước có xu hướng giữ mặt bằng lãi suất ổn định để hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp SME và duy trì tốc độ phát triển của nền kinh tế nói chung, ngân hàng đã gặp khó khăn trong việc chuyển hết phần tăng của chi phí vốn sang lãi suất cho vay.

2020

- Giãn cách xã hội do dịch Covid-19 đã làm giảm chi tiêu của người dân và gián đoạn hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu. Bản thân các doanh nghiệp SME là lực lượng bị ảnh hưởng lớn nhất của dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh và bán hàng khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động.
- Các NHTM thận trọng hơn và giảm tỷ trọng cho vay phân khúc KHCN và SME, tập trung vào cho vay các doanh nghiệp lớn. Nhu cầu tín dụng suy giảm, mặc dù nhiều gói hỗ trợ tín dụng với gói lãi suất được ưu đãi được đưa ra, do nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh bị hạn chế trong thời điểm dịch. Để đề phòng rủi ro, các ngân hàng không hạ tiêu chuẩn cho vay, siết chặt việc cung ứng vốn ra thị trường để giữ chất lượng tài sản không giảm sút trong thời kỳ khó khăn. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh được kiểm soát khá tốt, không dẫn đến giãn cách kéo dài, tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức khả quan. Lãi suất huy động ở mức thấp khiến NIM các ngân hàng được cải thiện.
- Theo chủ trương của nhà nước, hết năm 2020, tất cả các NHTM sẽ phải đưa cổ phiếu lên niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM. Xu hướng chuyển sàn được đánh giá là xu hướng tích cực nhằm minh bạch hóa thông tin của NHTM, tạo thanh khoản cho cổ phiếu giúp giá trị cổ phiếu đến gần với định giá hơn, cũng như thu hút dòng tiền từ các quỹ đầu tư nước ngoài.
- NHNN thắt chặt việc trả cổ tức bằng tiền mặt, khuyến khích trả cổ tức cổ phiếu, trừ nhóm ngân hàng quốc doanh.
- Năm 2020 cũng là năm ghi dấu cho thu nhập lãi lớn từ hoạt động bancassurance của các ngân hàng, có những ngân hàng như VIB, TPB, SHB, bancassurance chiếm xấp xỉ khoảng trên 50% lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Những hoạt động ký kết hợp tác diễn ra liên tiếp giữa các ngân hàng và công ty bảo hiểm nhân thọ, tiêu biểu phải kể đến VIB và Prudential, ACB và Sun Life, VCB và FWD, VPB và AIA...

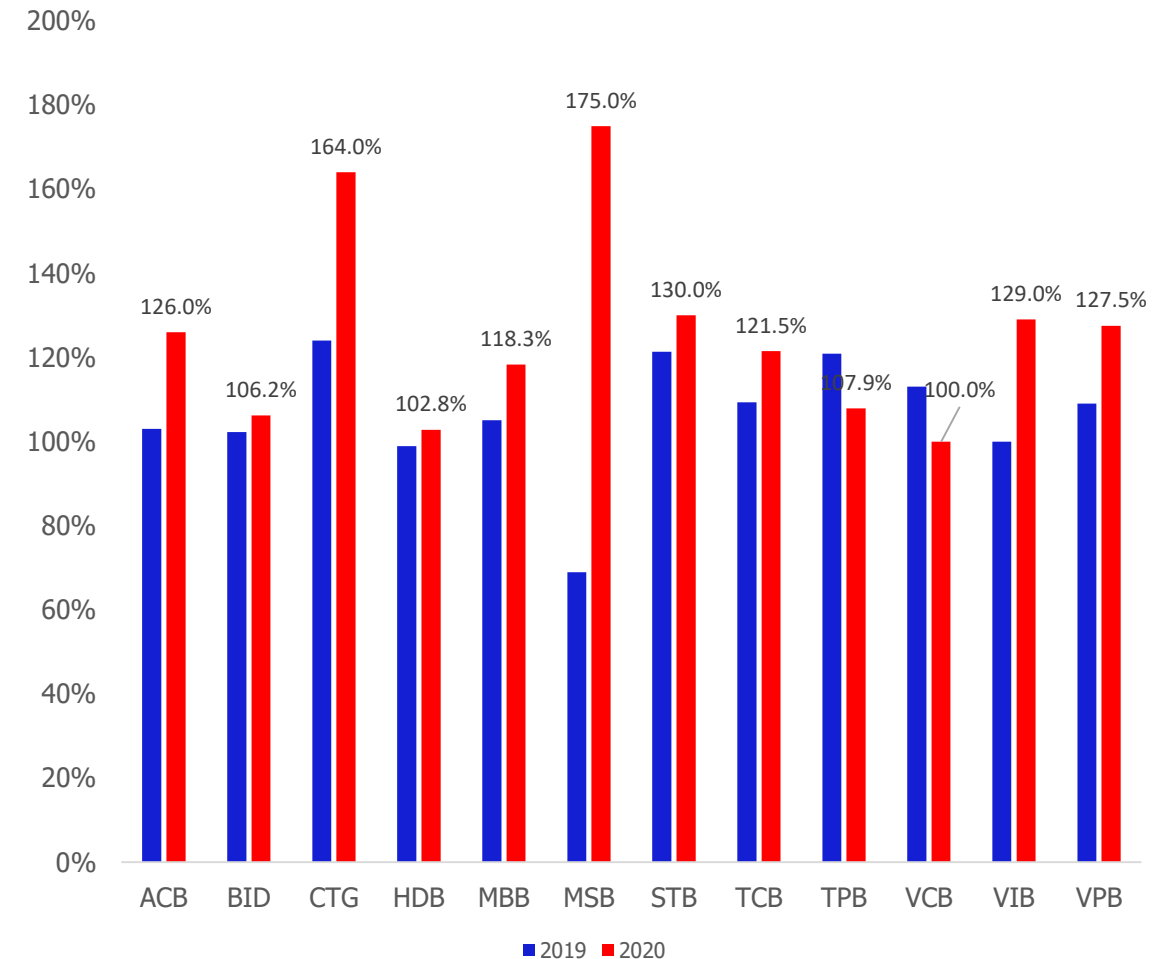
Tỷ lệ CASA qua 2 năm của một số ngân hàng



2021

- Để hỗ trợ doanh nghiệp trong thời điểm dịch bệnh, NHNN đã chỉ đạo các NHTM về tổ chức tín dụng cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí, và giữ nguyên nhóm nợ. Thông tư cũng cho phép các NHTM phân bổ chi phí trích lập dự phòng trong vòng ba năm, thay vì trích lập luôn sau khi tái cơ cấu, giảm áp lực dự phòng và tỷ lệ nợ xấu cho cả giai đoạn 2021-2024.
- Ngành ngân hàng có xu hướng tăng vốn trong năm 2021 để cải thiện các chỉ tiêu an toàn vốn, vẫn đạt được biên độ an toàn vốn lớn bên cạnh duy trì đà tăng trưởng. Theo ước tính, khoảng 75% của hoạt động tăng vốn đến từ chia tách cổ phiếu, 22% thông qua hoạt động phát hành riêng lẻ và phát hành quyền chọn mua cổ phiếu, và khoảng 3% đến từ phát hành ESOP.
- Cơ cấu cho vay tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ các ngành như hàng không và du lịch, khách sạn do ảnh hưởng nặng nề từ đợt bùng dịch Covid-19 bắt đầu từ cuối quý 2/2021.
- NIM tăng mạnh trong nửa đầu 2021, tuy nhiên đã giảm bớt trong nửa cuối 2021 do các NHTM thực hiện giảm lãi suất vay để hỗ trợ khách hàng trong thời điểm đại dịch. Vào đầu 2021 NHNN dự báo khá tích cực về mức tăng trưởng tín dụng của năm 2021 với ước tính lên đến 12%, tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng thực tế có thể sẽ cao hơn.
- Phát triển ngân hàng số, đẩy mạnh số hóa là ưu tiên ở phần lớn các NHTM trong thời kỳ dịch bệnh kéo dài, trong khi hoạt động tại các phòng giao dịch bị hạn chế hơn do nguy cơ bùng phát dịch bệnh diện rộng.

Tỷ lệ thực hiện LNTT của một số ngân hàng



Kinh tế Việt Nam: Gặp nhiều khó khăn trong Quý 3 song vẫn đảm bảo xu hướng phục hồi trong 2022

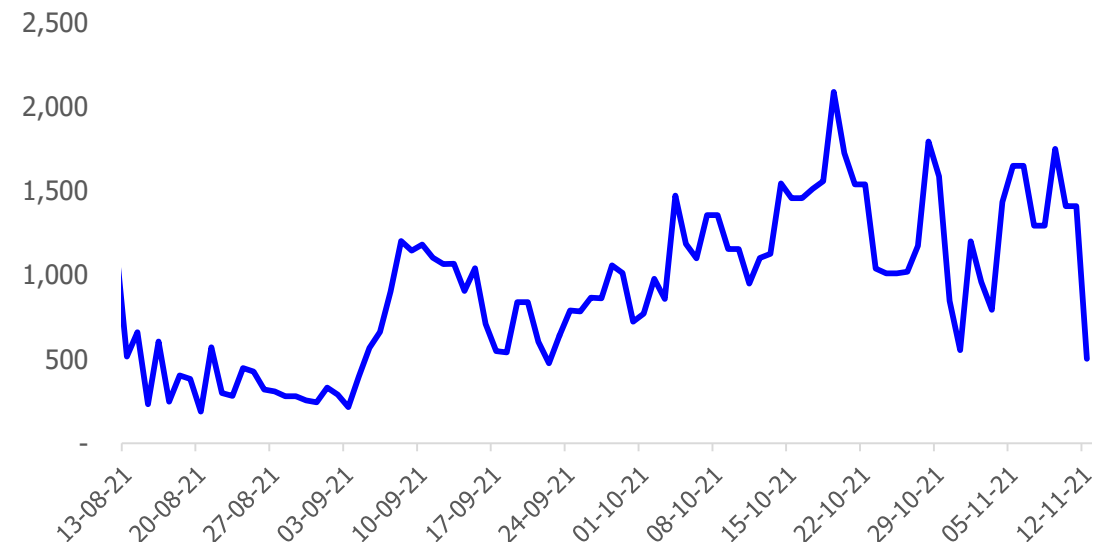
- Kinh tế Việt Nam gặp khó khăn trong Q3 do ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội kéo dài tại các thành phố kinh tế trọng điểm. Triển vọng tăng trưởng GDP giảm xuống mức 3-4% cả năm. Triển vọng GDP của 2022 là 6-6,5%.
- Sản xuất nông nghiệp và xuất khẩu khả quan sẽ là bệ đỡ trong kinh tế năm 2021.
- Lạm phát có khả năng cao hơn trong Q4 2021, tuy nhiên vẫn ở mức dưới 4% cả năm.
- Chính phủ chỉ đạo siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, nhằm đẩy mạnh vốn đầu tư công và đáp ứng nguồn cung vắc-xin.
- NHNN tích cực triển khai tín dụng ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19.

Tình hình dịch bệnh Covid 19 và khả năng chống dịch của Việt Nam

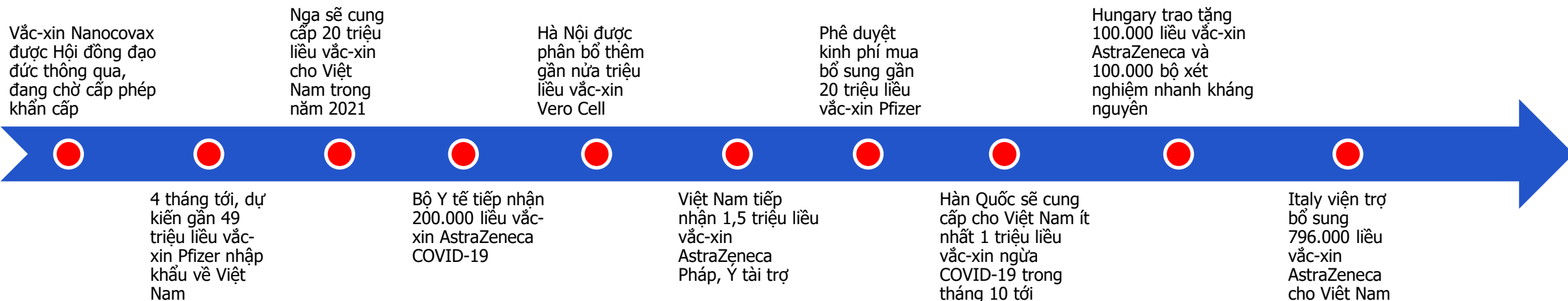
- Tổng số liều vắc-xin đã được tiêm là khoảng 97 triệu liều, trong đó tiêm 1 mũi là 64,3 triệu liều, tiêm mũi 2 là hơn 33 triệu liều. Số ca khỏi bệnh tăng dần theo ngày, cho đến thời điểm hiện tại đã có gần 850 nghìn người bình phục.
- Hà Nội nới lỏng giãn cách và điều chỉnh các biện pháp phòng chống dịch trên địa bàn thành phố theo nguyên tắc Chỉ thị 15/CT-TTg cho đến khi hoàn thành tiêm chủng mũi 2 cho toàn bộ người dân trong độ tuổi tiêm chủng.
- Từ 16/9 – 30/9, TP HCM sẽ thí điểm nới lỏng giãn cách xã hội, ưu tiên mở một số lĩnh vực theo lộ trình mở cửa lại hoạt động kinh tế với các địa phương đã cơ bản kiểm soát dịch.
- Một số tỉnh, thành khác cũng bắt đầu nới lỏng giãn cách như Long An, Tiền Giang, Lào Cai,...

Số mũi vắc-xin tiêm tại Việt Nam theo ngày

Đơn vị: Trăm mũi



Số lượng vắc-xin Việt Nam tiếp nhận trong các tháng tới, quý tới



Quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng

Thủ tướng đặt mục tiêu kiểm chế, kiểm soát dịch bệnh, song cũng xác định cuộc chiến kéo dài, phải sống chung lâu dài với dịch bệnh, không thể khống chế tuyệt đối, phải thích ứng và có cách làm phù hợp.

Từng tỉnh, huyện, xã phải đẩy nhanh lộ trình đạt mục tiêu càng sớm càng tốt để trở lại trạng thái bình thường, tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu kép.

Các địa phương cần xử lý tình hình dịch bệnh ở từng địa bàn và điều kiện cụ thể của từng trường hợp, chủ động cách ly F0, F1 tập trung hoặc tại nhà, không để lây nhiễm chéo và lây ra cộng đồng.

Lộ trình mở cửa trở lại của TP Hà Nội

Thực hiện "mục tiêu kép", đẩy nhanh tiến độ tiêm mũi 2 vaccine cho người dân từ 18 tuổi trở lên hoàn thành dự kiến trong tháng 11/20

Tiếp tục duy trì 22 chốt kiểm soát tại các cửa ngõ của Thủ đô. Nơi nào nguy cơ rất cao, có ca F0 sẽ trở thành điểm đỏ thì phải áp dụng Chỉ thị 16.

Các công trình xây dựng hoạt động với các điều kiện cụ thể để bảo đảm an toàn. Các khu vực điểm đỏ sẽ không được xây dựng hoặc đang triển khai xây dựng mà có F0 thì cũng phải dừng xây dựng.

Lộ trình mở cửa trở lại của TP Hồ Chí Minh

3 giai đoạn thời gian

- Giai đoạn 1: Từ 1/10-31/10
- Giai đoạn 2: Từ 1-11-2021 đến 15-1-2022
- Giai đoạn 3: Sau đó

Chiến lược quan trọng

- Chiến lược y tế: Ngành y tế cần đánh giá điểm mạnh, yếu, thực trạng hệ thống y tế cơ sở từ tổ chức đến đội ngũ, cơ sở vật chất
- Chiến lược an sinh xã hội: Tuyệt đối không để người dân bị thiếu đói, thiếu ăn.

Nhiệm vụ

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch
- Tập trung xét nghiệm trên từng địa bàn và tiếp tục điều trị để giảm tử vong.
- Tiếp tục bảo đảm an sinh xã hội

Lộ trình mở cửa trở lại của Bình Dương

Giai đoạn 1: Từ 15/09 đến 31/10 sẽ ưu tiên phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn các "vùng xanh".

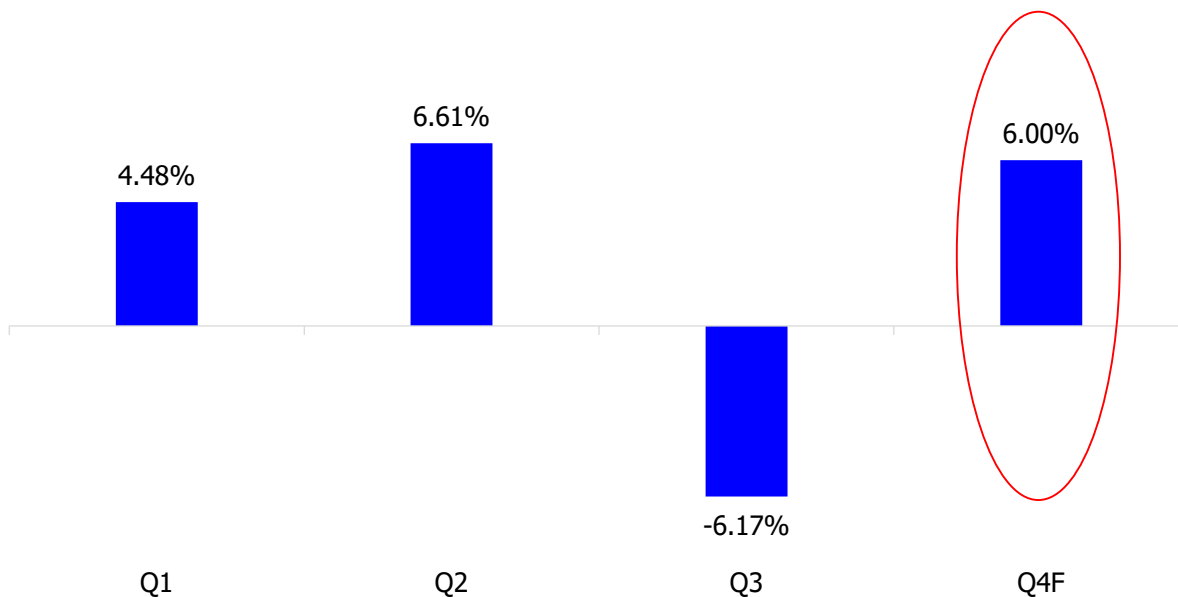
Giai đoạn hai (trong 3 tháng 10,11,12): Bình Dương sẽ mở cửa các hoạt động kinh tế xã hội có chọn lọc, ưu tiên các ngành công nghiệp, dịch vụ, thương mại.

Giai đoạn ba (từ năm 2022 về sau) tỉnh sẽ mở cửa lại toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội.

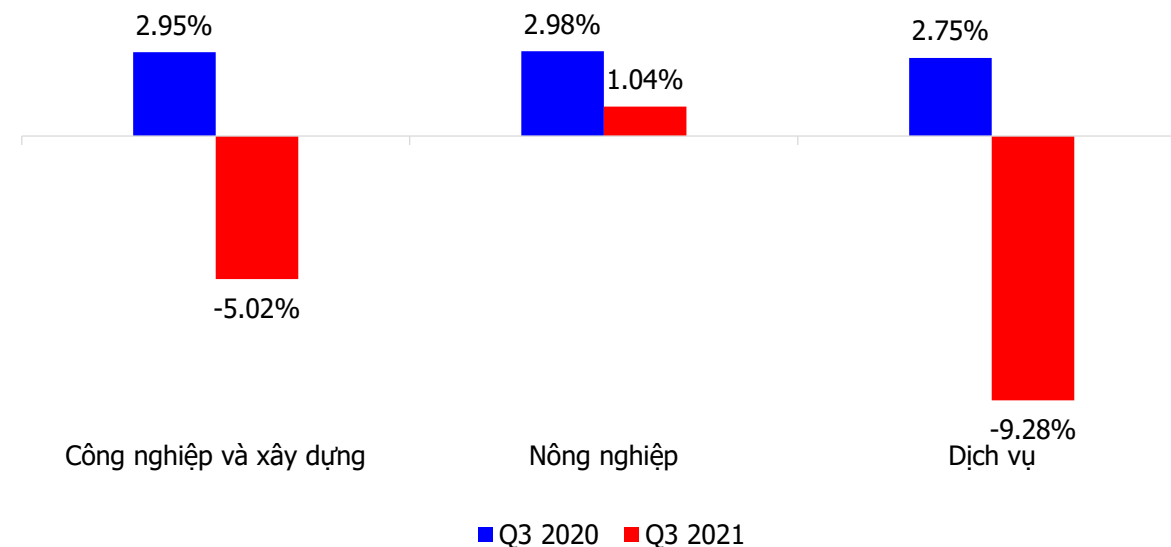
Tăng trưởng Kinh tế Việt Nam khả năng đạt 3-4% cả năm

- Việc phong tỏa các khu vực lớn của nền kinh tế tạo ra những sự sụt giảm thể hiện bởi một số chỉ số mang tính trụ cột của nền kinh tế như sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ,... đã bị giảm mạnh. Dự báo GDP kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 3-4% trong 2021 khi hoạt động kinh tế dự đoán chưa thể trở lại bình thường trong quý IV/2021, quá trình tiêm chủng vaccine được triển khai chậm do thiếu nguồn cung cũng như năng lực của hệ thống y tế.
- Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có khả năng sẽ phục hồi trong năm 2022 và hoạt động thương mại toàn cầu được cải thiện sẽ hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, chúng tôi dự phóng GDP của Việt Nam 2022 sẽ tăng mạnh trở lại ở mức trên 6-6,5% khi toàn bộ nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường, việc mở cửa trở lại nền kinh tế diễn ra thuận lợi để cho phép các doanh nghiệp và nhà máy bắt kịp sản lượng bị mất và tỉ lệ tiêm chủng tăng theo kế hoạch.

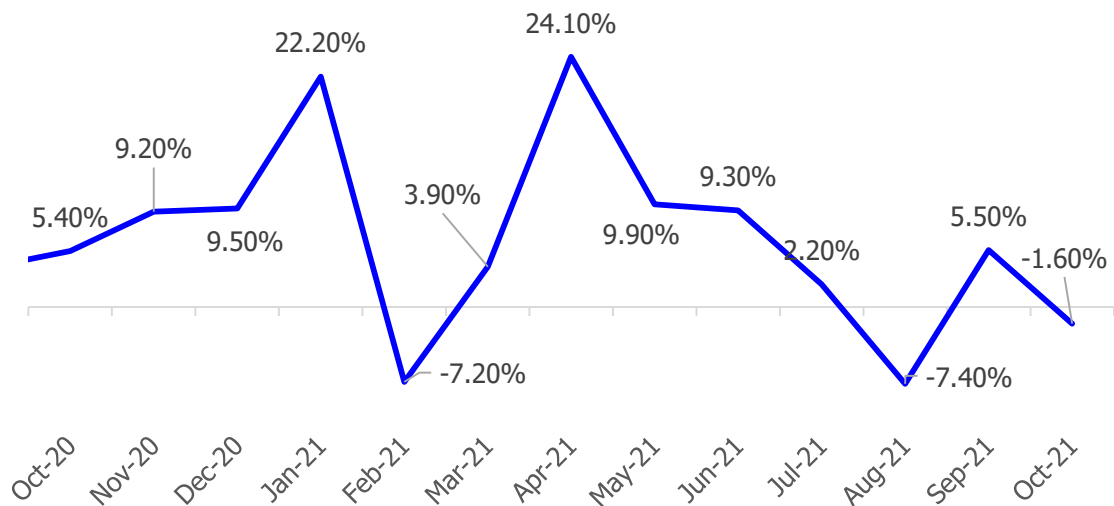
Dự báo tăng trưởng GDP Việt nam



Tăng trưởng các ngành 9 tháng

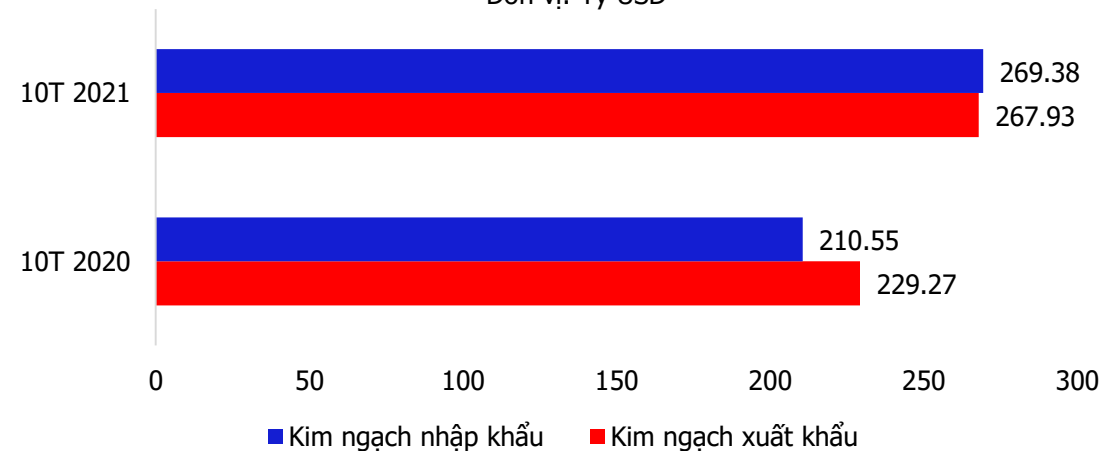


Tăng trưởng sản xuất công nghiệp qua các tháng

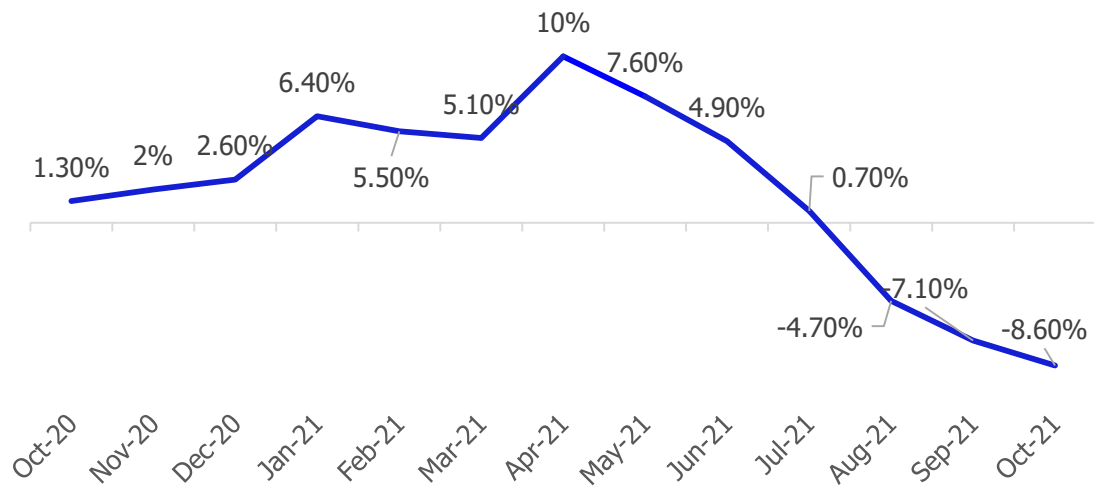


Kim ngạch xuất, nhập khẩu Việt Nam

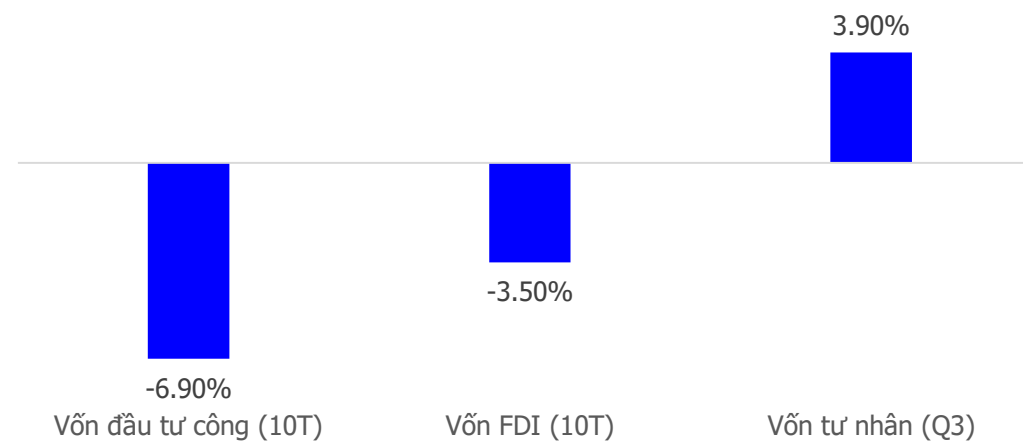
Đơn vị: Tỷ USD



Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng



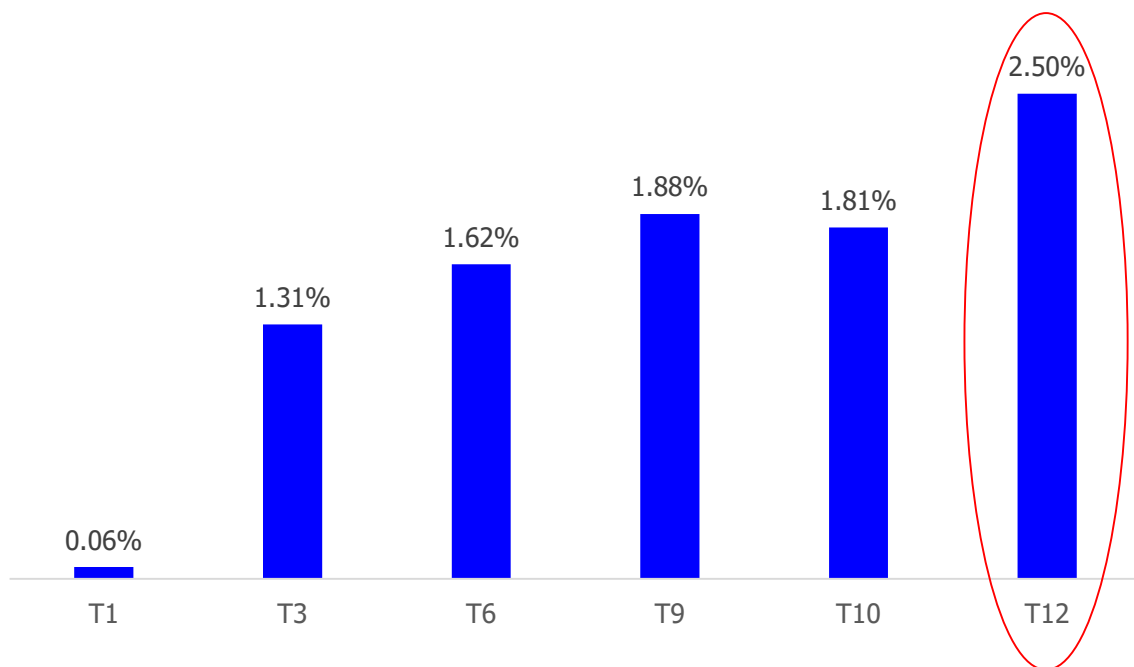
Tăng trưởng vốn đầu tư các khu vực



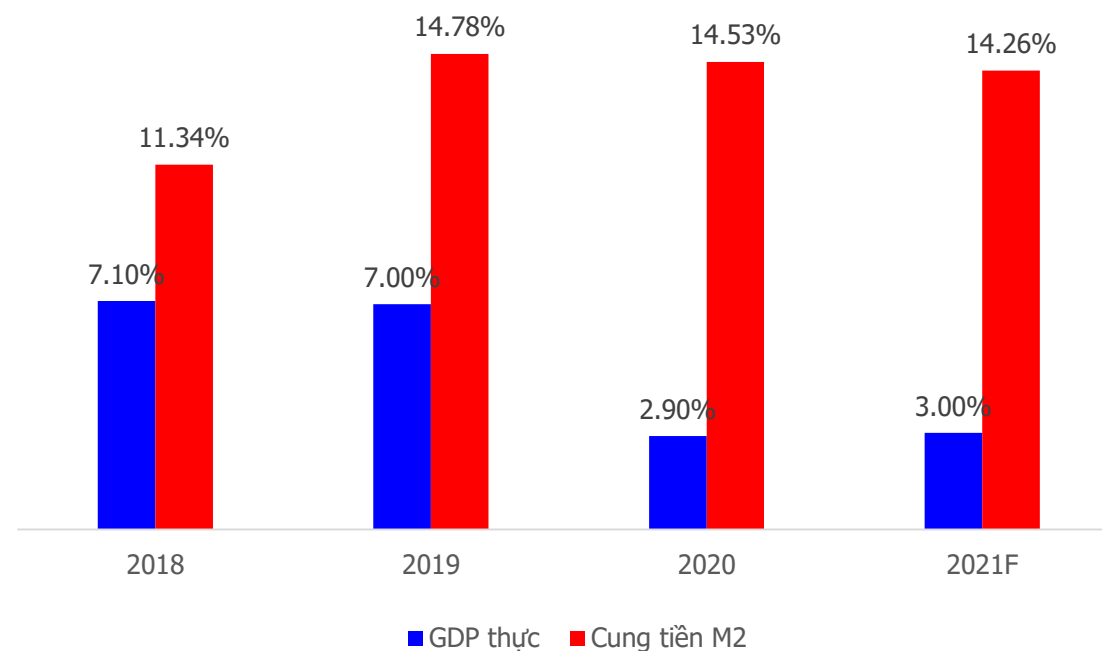
Lạm phát vẫn ở mức dưới 4% năm 2021, tuy nhiên có khả năng cao hơn trong 2022

- Rủi ro áp lực lạm phát tăng cao trong các tháng cuối năm 2021 và cả năm 2022 là hiện hữu. Năm 2022 lạm phát có thể lên tới 4% do tình trạng thiếu hàng hóa, tắc nghẽn chuỗi cung ứng, trong khi nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng mạnh khi hoạt động kinh tế nối lại khiến nguồn cung chưa theo kịp nhu cầu dẫn đến lạm phát tăng. Bên cạnh đó, áp lực rủi ro lạm phát nhập khẩu rất lớn bởi nền kinh tế Việt Nam có độ mở cửa lớn với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 200% GDP
- Tuy nhiên, lạm phát trong năm 2021 sẽ dao động ở mức 2-2,5% vì nhu cầu tiêu dùng giảm sút, Chính phủ thực hiện các gói hỗ trợ và giảm giá một số loại hàng hoá và dịch vụ thiết yếu như điện, cước viễn thông... CPI cơ bản vẫn được kiềm chế đúng mục tiêu.
- Về nguyên nhân tiền tệ, cung tiền M2 đã tăng mạnh hơn đáng kể GDP trong năm 2021 và dự đoán cũng tăng mạnh vào năm 2022, đặt áp lực lên lạm phát trong năm 2022. Tuy nhiên, NHNN đã có các tín hiệu thận trọng như việc định hướng giảm tăng trưởng tín dụng và giảm mua vào USD đảm bảo kiềm chế lạm phát đúng mục tiêu đề ra.

Dự báo tăng trưởng CPI các tháng so với đầu năm



Mức tăng cung tiền và mức tăng GDP thực



Nợ công năm 2021 vẫn ở ngưỡng an toàn, tương đương 43,7% GDP

- Chính phủ cho biết, nợ công vẫn ở ngưỡng an toàn khi tương đương 43,7% GDP, thấp hơn nhiều mức trần dưới 60% GDP Quốc hội cho phép.
- Chi tiết về tình hình vay nợ được Chính phủ nêu trong báo cáo vừa gửi Quốc hội về nợ công năm 2021 và dự kiến năm 2022. Trong đó, nợ Chính phủ khoảng 3,35 triệu tỷ đồng, bằng 39,5% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu ngân sách khoảng 24,8% và nợ nước ngoài quốc gia gần 8,8% GDP.
- Năm nay, tổng mức trả nợ của Chính phủ khoảng 365.932 tỷ đồng, trong đó hơn 92% là trả nợ trực tiếp, khoảng 338.415 tỷ đồng. Số trả nợ nước ngoài của các dự án cho vay lại là 27.517 tỷ đồng.
- Tuy nhiên, tình hình Covid-19 còn diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế quý III giảm sâu và GDP 9 tháng chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ 2020. Chính phủ cho rằng việc hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng năm nay là thách thức. Trường hợp GDP năm 2021 không đạt mức dự báo sẽ tác động đến bội chi ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu an toàn nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia trong năm 2021.

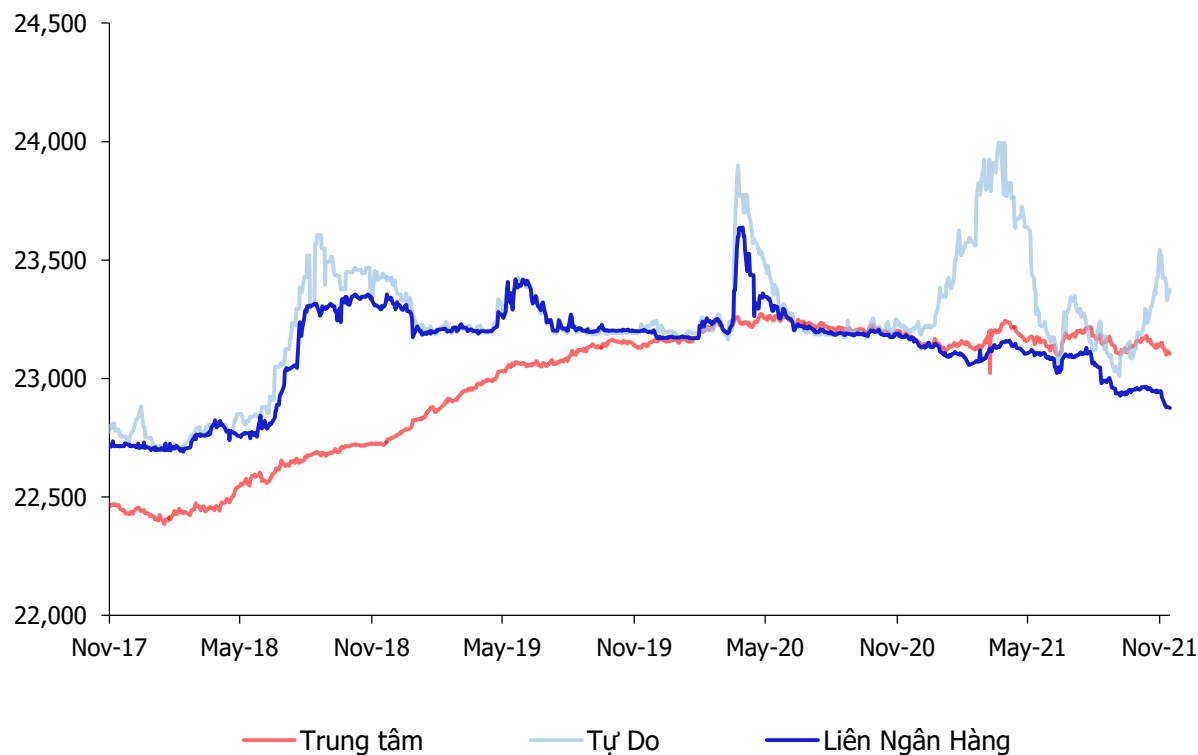
Tình hình thực hiện các chỉ tiêu nợ năm 2021

Chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2025	Dự kiến thực hiện
Nợ công/GDP	≤ 60%	45,6%
Nợ Chỉ phủ/GDP	≤ 50%	39,5%
Nợ nước ngoài quốc gia/GDP	≤ 50%	38,8%
Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp/thu ngân sách	≤ 25%	24,8%
Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài/kim ngạch xuất khẩu	< 25%	5,8%
Kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân (năm)	9 -11 năm	Khoảng 12,5 năm

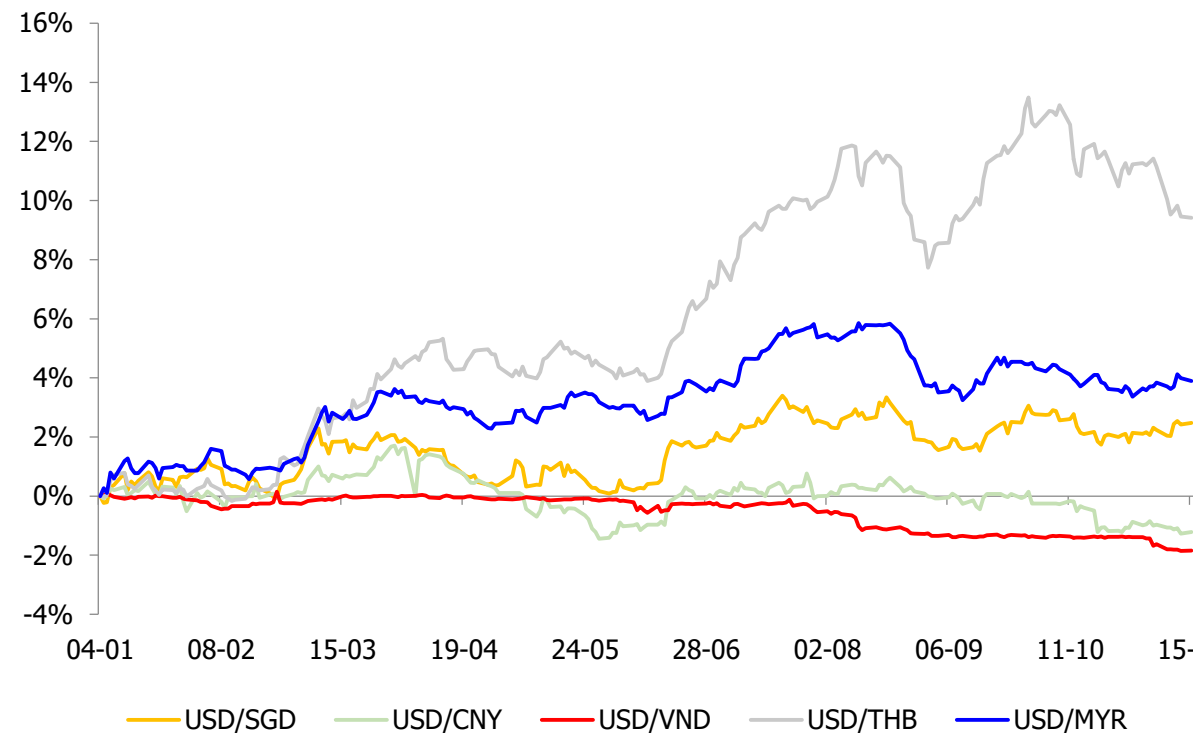
Các cân đối vĩ mô của Việt Nam như tỷ giá hối đoái và lạm phát vẫn được duy trì ổn định

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND nhìn chung ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt. Từ đầu năm đến nay, NHNN điều chỉnh giảm giá mua ngoại tệ 3 lần trong năm nay xuống còn 22.650 VND. Nhờ NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung vào dự trữ ngoại hối, đồng VND tăng giá so với đồng USD đến nay kể từ đầu năm 2021. Dự kiến tỷ giá có thể sẽ đi ngang và biến động trong biên độ hẹp giai đoạn cuối năm.
- Tỷ giá USD ổn định ở mức cao trong bối cảnh giá năng lượng lên cao khiến các thị trường lo ngại về tình trạng lạm phát và lãi suất tăng, điều này có thể gây ra những trở ngại cho tăng trưởng và có tác động đến kế hoạch tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Trong viễn cảnh năm 2022, khi Fed bình thường hóa chính sách tiền tệ sẽ tăng lãi suất, đồng VND có thể đứng trước áp lực đối diện với một đồng bạc xanh mạnh hơn trên thị trường quốc tế, tỷ giá USD/VND sẽ đảo chiều về mức 23.000.

Biến động tỷ giá VND/USD



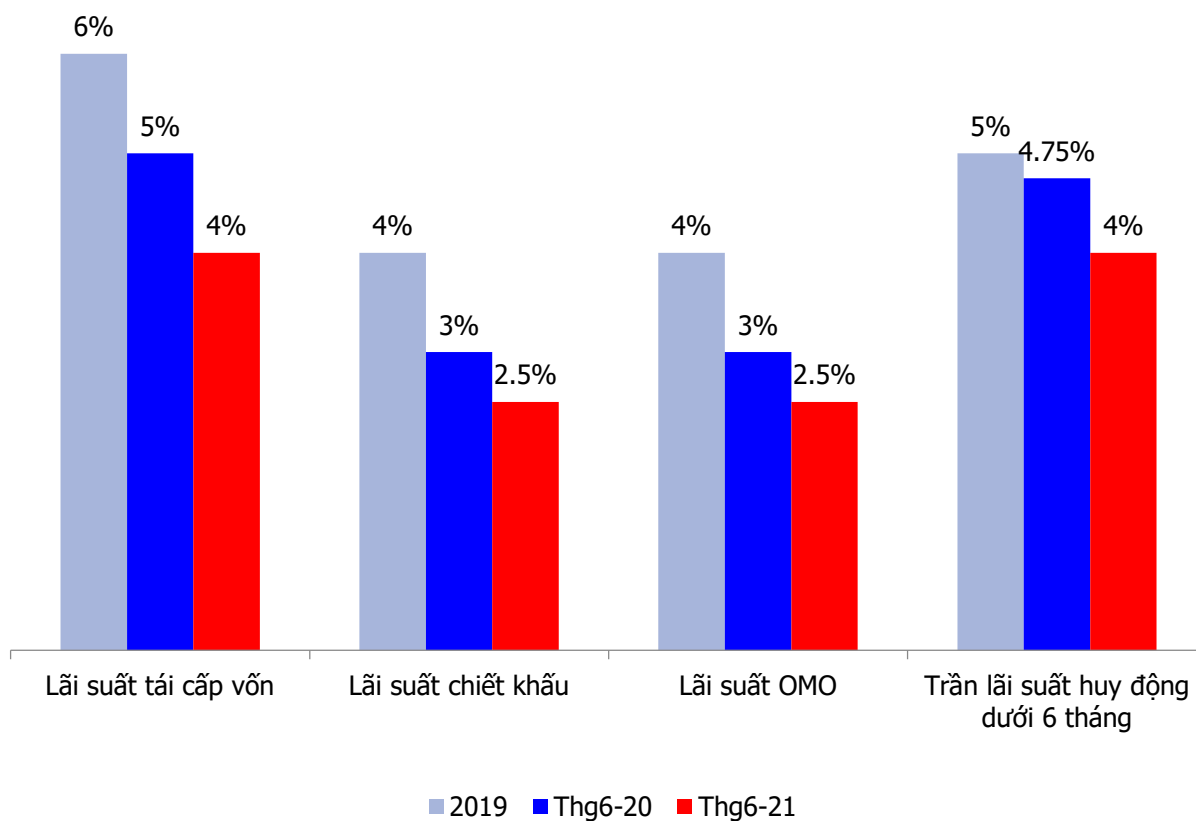
Diễn biến giá trị VND so với các đồng tiền lớn khác



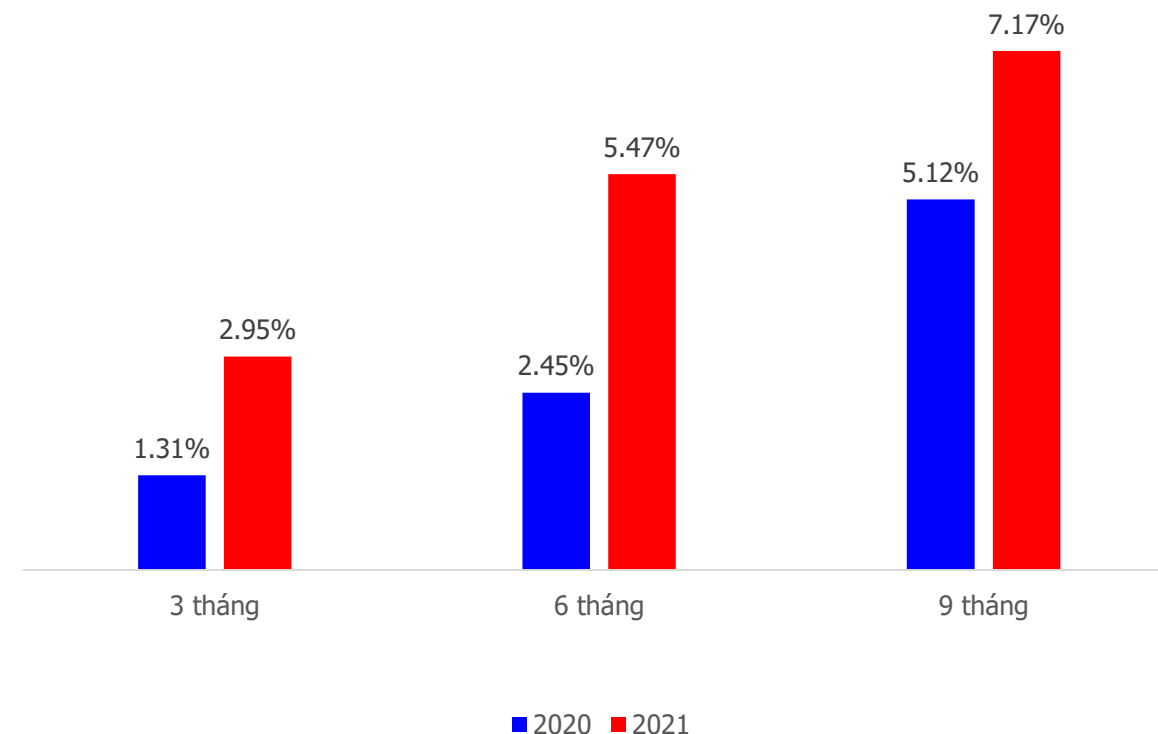
NHNN đã phát ra các tín hiệu thận trọng trong công tác điều hành

- Do thanh khoản hệ thống ngân hàng đang ở trạng thái dồi dào nên NHNN dự kiến vẫn giữ nguyên mặt bằng các mức lãi suất điều hành trong các tháng cuối năm và định hướng duy trì ổn định trong thời gian tới, tuy nhiên NHNN cũng đã đưa ra động thái phù hợp với biến động của thị trường theo xu hướng nới lỏng tiền tệ khi thay đổi chính sách mua vào USD từ kỳ hạn 6 tháng sang mua bán giao ngay.
- Để hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cơ quan điều hành cũng chỉ đạo, kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm cả với các khoản vay cũ. Theo nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng thương mại đã đồng thuận giảm lãi suất cho vay áp dụng lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021.

Mặt bằng các mức lãi suất điều hành của NHNN

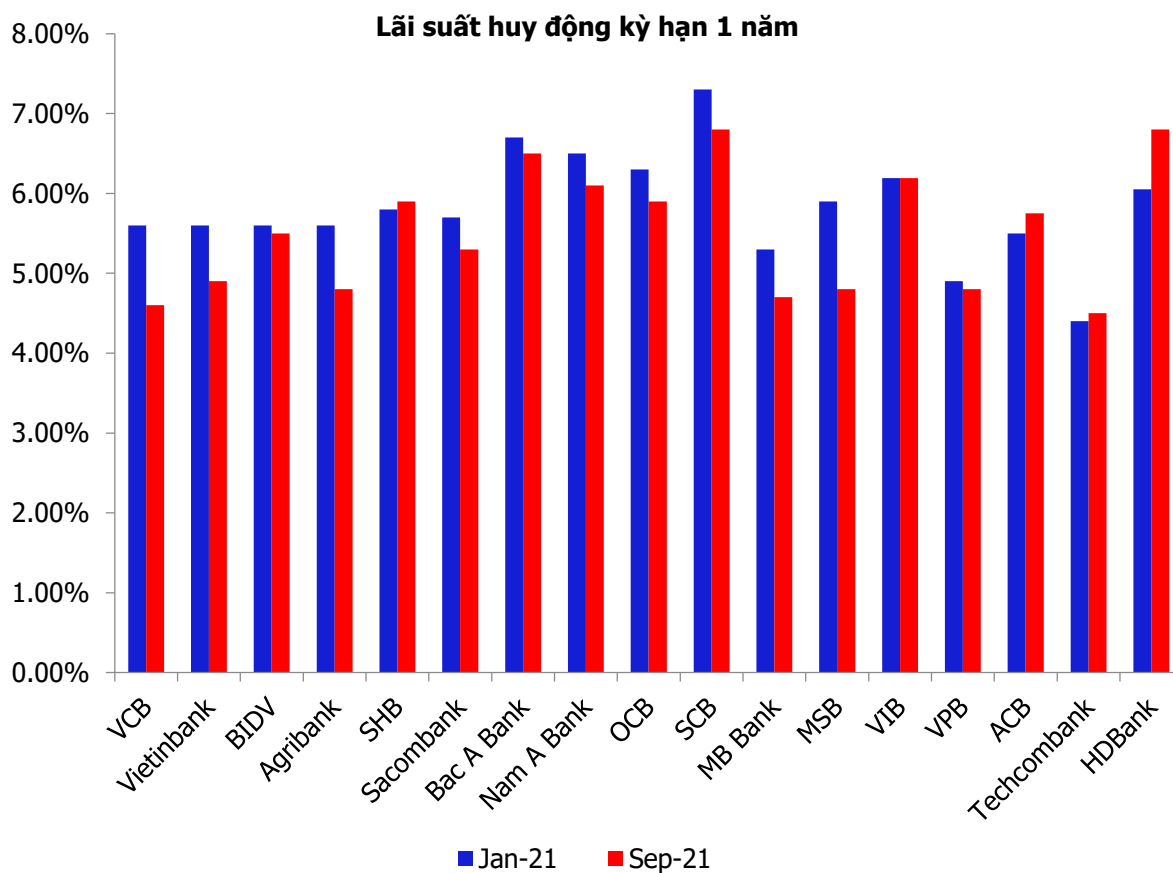


Tăng trưởng tín dụng



Mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức thấp, xu hướng tạo đáy và không giảm tiếp

- Tăng trưởng tín dụng trong 10 tháng đầu năm cao hơn cùng kỳ năm 2020 và đặc biệt ghi nhận ở mức 8,72% vào cuối tháng 10. Vào thời điểm cuối năm, nhu cầu tín dụng tăng, dư nợ tín dụng cũng tăng mạnh hơn, dự đoán tăng trưởng tín dụng sẽ đạt trên 12% cho cả năm 2021.
- Mặt bằng lãi suất huy động của các NHTM có dấu hiệu giảm trong 9 tháng đầu năm sau đó có xu hướng tạo đáy và duy trì ở mức thấp cho đến hết năm 2021 trong bối cảnh ngân hàng dồi dào thanh khoản và tín dụng tăng chậm do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Do duy trì mức lãi suất thấp nên mức huy động vốn chỉ tăng 4,28% trong quý 3, thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái là 7,48%. Dự đoán trong trung hạn từ năm 2022-2025 khi kinh tế trong nước và quốc tế hồi phục, lãi suất huy động có thể tăng trở lại khi nhu cầu vốn cho nền kinh tế tăng lên để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh phục hồi sau dịch bệnh.



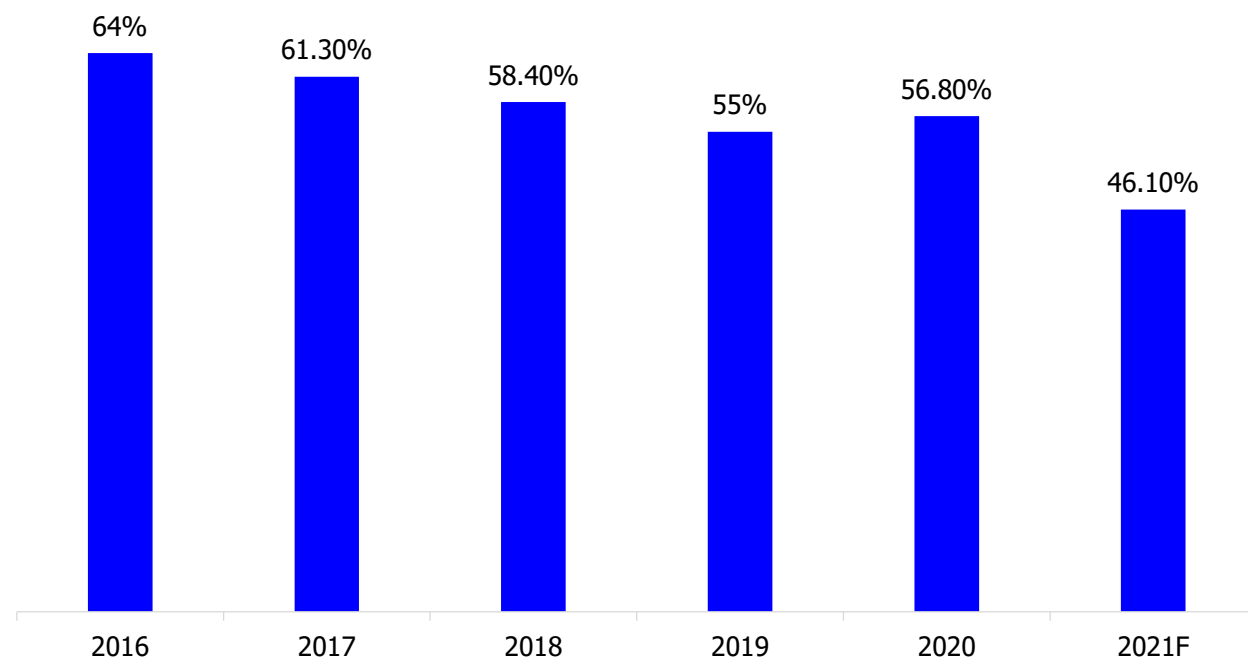
Lãi suất liên ngân hàng (Tháng 11/2021)

Thời hạn	Lãi suất BQ liên Ngân hàng (% năm)	Doanh số (Tỷ đồng)
Qua đêm	0,65	77.575
1 Tuần	0,72	16.599
2 Tuần	0,81	7.934
1 Tháng	1,30	885
3 Tháng	2,16	1.862
6 Tháng	2,80	262

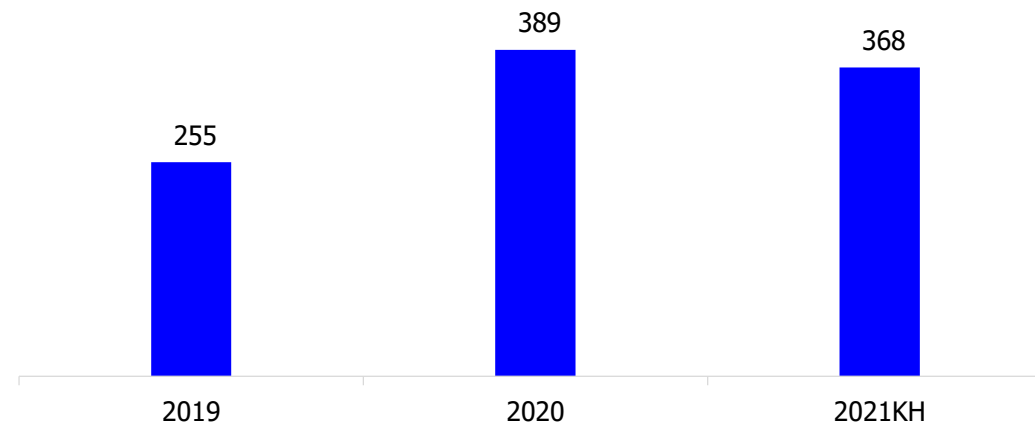
Chính phủ xem xét mở rộng các gói hỗ trợ chính sách tài khóa năm 2021

- Dịch bệnh gây khó khăn cho thu NSNN năm 2021 và cả năm 2022 song nhu cầu chi tiêu rất lớn để hỗ trợ và phục hồi kinh tế sau dịch bệnh, bội chi ngân sách của Việt Nam dự kiến là 4% GDP cho cả năm 2021 và 2022.
- Các chính sách sẽ được xem xét nhằm kích thích cả về phía cung và cầu. Chính sách tiền tệ được kỳ vọng vẫn sẽ là nới lỏng thông qua triển khai thực hiện một số công cụ như là cho phép doanh nghiệp được gia hạn thời gian trả nợ. Chính sách tài khóa sẽ hỗ trợ tổng cầu trong nước thông qua các biện pháp có lựa chọn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.
- Năm 2022 Chính phủ nhận định sẽ tiếp tục thực hiện nguyên tắc điều hành chính sách tài khóa là chủ động đồng thời linh hoạt trong ứng biến về ngắn hạn.

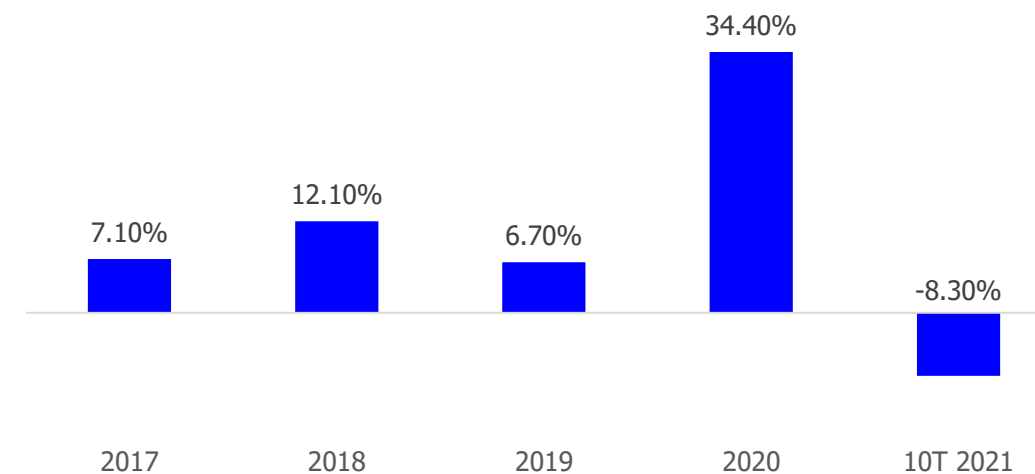
Nợ công/GDP Việt Nam năm 2021



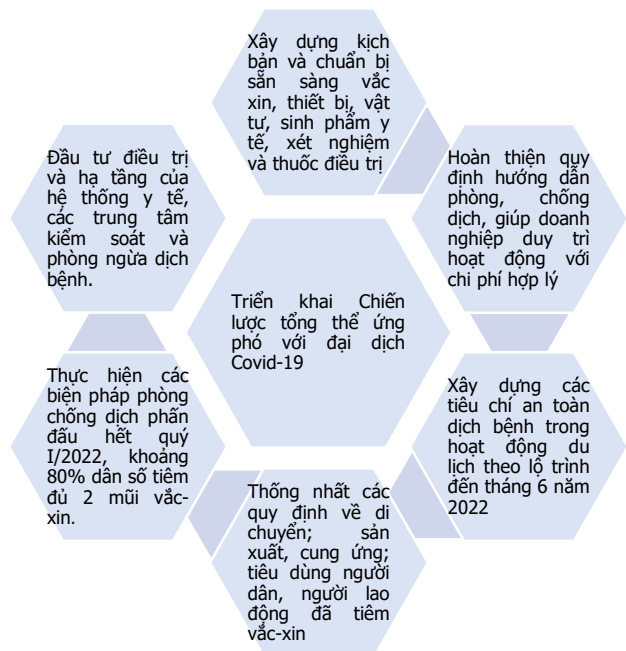
Chi trả nợ từ ngân sách



Tăng trưởng đầu tư từ nguồn NSNN



Chương trình tổng thể mở cửa nền kinh tế



Chương trình phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Hỗ trợ chung

- Giảm thuế, phí; cắt giảm lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng, cấp bù lãi suất cho các đối tượng ưu tiên.
- Tạo cơ chế, chính sách cho Tổng Công ty đầu tư và quản lý vốn nhà nước (SCIC) mua lại, đầu tư vào doanh nghiệp trong một số ngành quan trọng.

Chính sách mới

- Kéo dài thực hiện chính sách hiện hành trong năm 2021.
- Giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ; cho phép doanh nghiệp chuyển lỗ về trước.
- Kinh phí thực hiện chính sách khoảng 370.000 tỷ đồng.

Chương trình an sinh xã hội và việc làm

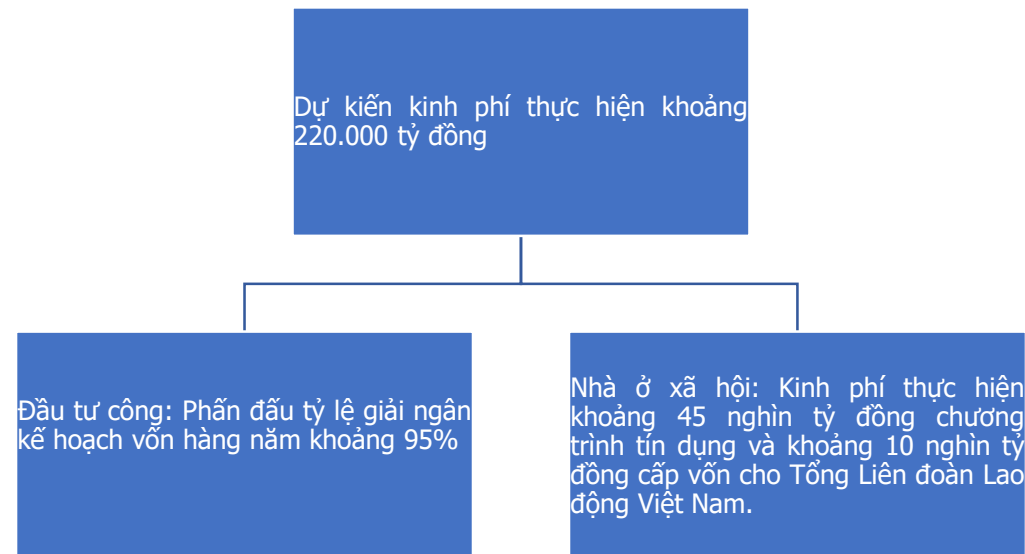
Hỗ trợ an sinh xã hội

- Hỗ trợ một lần người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động tự do với kinh phí dự kiến là 21.200 tỷ đồng
- Hỗ trợ một lần cho lao động có thu nhập thấp đang làm việc, lao động ngoại tỉnh đến làm việc trong các doanh nghiệp, KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao với kinh phí dự kiến là 12.000 tỷ đồng
- Hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm y tế của năm 2022 cho lao động mất việc làm, tạm nghỉ việc do ảnh hưởng của dịch nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

Hỗ trợ việc làm

- Hỗ trợ người đào tạo việc làm cho người lao động từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến năm 2023; hỗ trợ 100% chi phí đào tạo nghề cho lao động bị thất nghiệp bởi Covid-19

Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng



- Tổng quan ngành 2021 (snapshot/ key view)
- Phân tích cạnh tranh (competitive landscape)
- Cập nhật KQKD 9T.2021
- Tăng trưởng tín dụng
- Tăng trưởng huy động và cấu trúc huy động (funding structure)
- An toàn vốn
- Chất lượng tài sản
- Chất lượng lợi nhuận
- Thanh khoản
- Định giá
- Tầm nhìn Q4.2021 và 2022 (Luận điểm đầu tư và rủi ro ngành: Ngắn hạn vs Trung dài hạn)

Phân tích cạnh tranh

- Hiện tại, tính đến thời điểm tháng 11 năm 2021, danh sách các ngân hàng tại Việt Nam có tổng cộng 49 ngân hàng:
 - Ngân hàng Thương mại cổ phần: 31
 - Ngân hàng 100% vốn nhà nước: 4
 - Ngân hàng chính sách: 2
 - Ngân hàng liên doanh: 2
 - Ngân hàng 100% vốn nước ngoài: 9
 - Ngân hàng hợp tác xã: 1



NGÂN HÀNG BÁN LẺ



Chiến lược kinh doanh:

- Sở hữu công ty tài chính tiêu dùng
- Ứng dụng công nghệ và số hoá
- Mô hình chuyển đổi số hiện đại và hiệu quả

Nổi bật:

- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – VPB
- Ngân hàng Tiên Phong - TPB
- Ngân hàng Phương Đông - OCB

NGÂN HÀNG BÁN BUÔN



Chiến lược kinh doanh

- Tập khách hàng lớn và trung thành qua nhiều năm
- Lãi suất cho vay thấp, chiếm ưu thế hơn các ngân hàng khác
- Quy mô vốn và tài sản lớn, tình hình tài chính ổn định và dồi dào

Nổi bật:

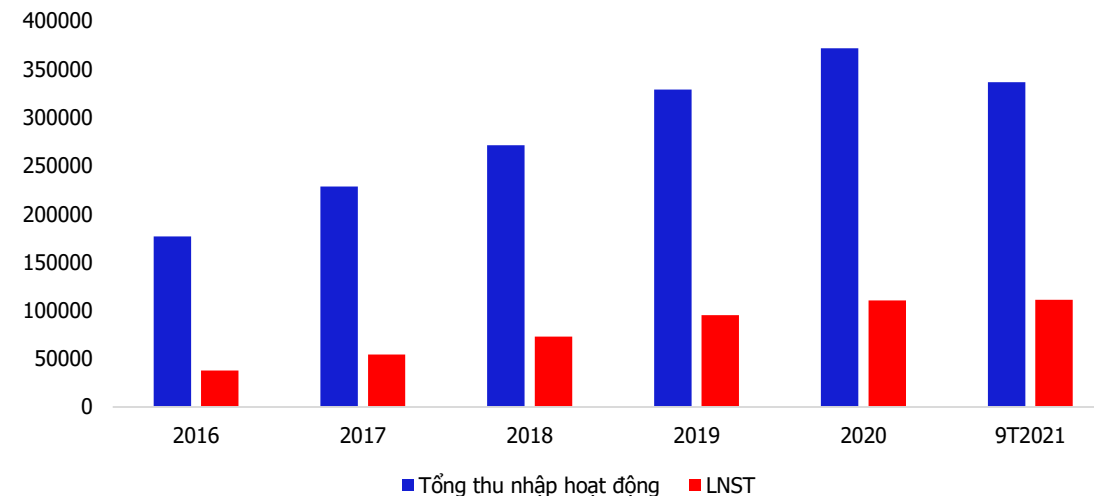
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - VCB
- Ngân hàng TMCP Công thương - CTG
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID

Kết quả kinh doanh

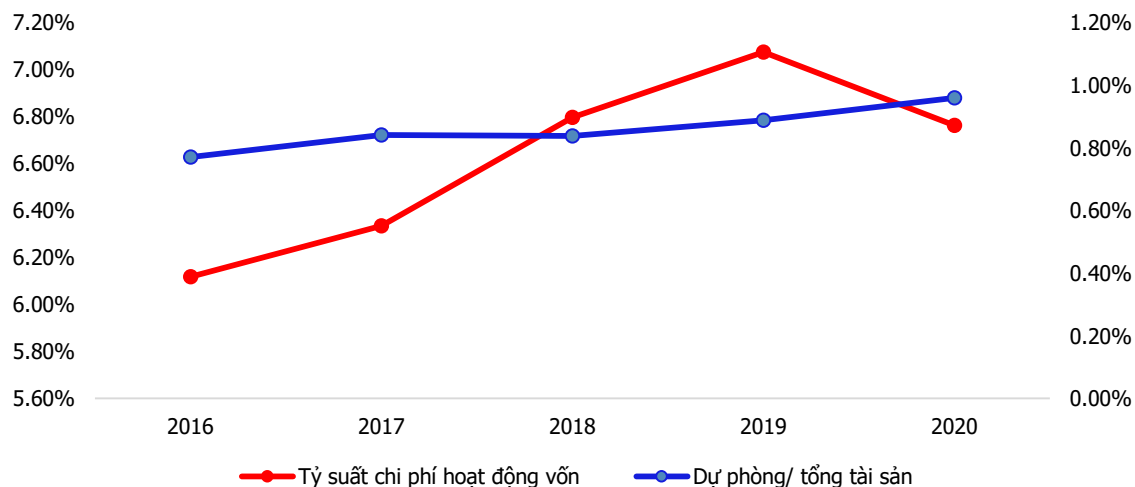
- Hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam duy trì tăng trưởng hai chữ số qua các năm 2016-2019 khoảng 18-24%, riêng 2020 do ảnh hưởng của Covid 19 tăng trưởng chỉ đạt 6.8%.
- Doanh thu và lợi nhuận Q3/2021 giảm khoảng 2% qoq so với Q2/2021 do tăng trưởng cho vay thấp và chi phí dự phòng tăng so với quý trước.
- Thu nhập lãi thuần đang có xu hướng dịch chuyển sang thu nhập ngoài lãi. Do các ngân hàng thực hiện giảm lãi suất cho vay theo chỉ thị của SBV, dẫn tới thu nhập lãi thuần giảm. Bên cạnh đó, thu từ dịch vụ môi giới, thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý, và đặc biệt thu từ hoạt động bảo hiểm tăng do những thương vụ banca thành công giữa các ngân hàng và công ty bảo hiểm đã giúp khoản thu nhập ngoài lãi tăng lên.
- Chi phí dự phòng tăng trong 2020, do nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, dẫn tới các khoản vay không được khách hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết cao hơn các năm trước. Cũng trong năm 2020, khi lãi suất cho vay và lãi suất huy động giảm, dẫn tới thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự giảm, khiến cho tỷ suất chi phí hoạt động giảm từ 7.1% xuống 6.7%.

Kết quả kinh doanh năm

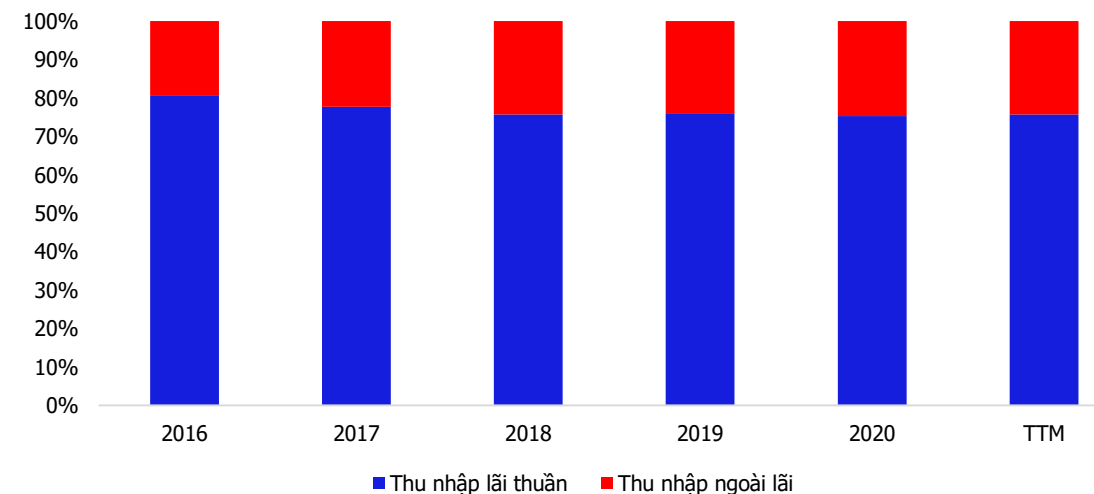
Đơn vị: tỷ đồng



Các chỉ số so sánh



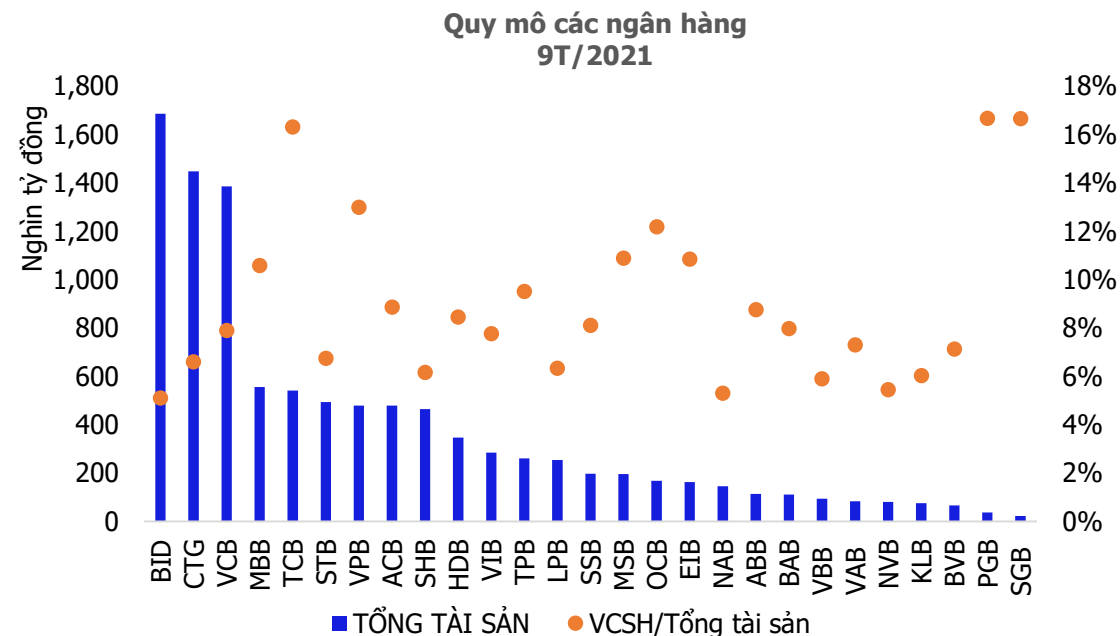
Cơ cấu doanh thu theo năm



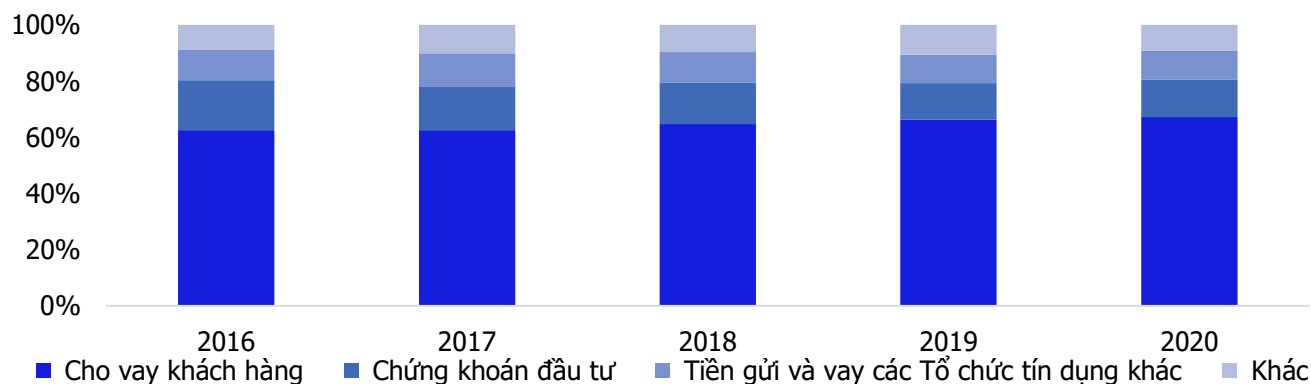
Tổng quan ngành ngân hàng

Tăng trưởng tín dụng, huy động và tài sản.

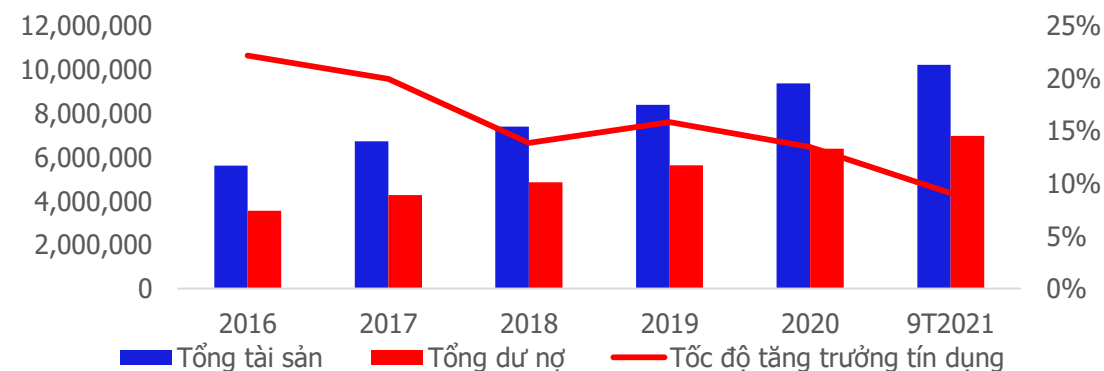
- Tổng dư nợ tín dụng tăng trung bình 15%/ năm trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020. 9 tháng đầu năm nay, tổng dư nợ tăng 9.1% so với cuối năm 2020, và 16% so với quý 3 năm 2020.
- Tổng tài sản của toàn ngành ngân hàng trong thời gian qua có sự thay đổi rõ rệt. Năm 2016, Tổng tài sản ngành ngân hàng đạt khoảng 5,600,000 tỷ đồng. Đến thời điểm cuối tháng 9 năm 2021, con số này đã tăng lên gấp 2 lần, đạt 10,200,000 tỷ đồng. Như vậy, trung bình mỗi năm tổng tài sản ngành tăng lên khoảng 12% từ năm 2016-2020.
- Cơ cấu tài sản của các ngân hàng không có nhiều dịch chuyển qua các năm. Cho vay khách hàng chiếm tỷ lệ lớn nhất khoảng 65%, tiếp theo là chứng khoán đầu tư chiếm khoảng 13-17%, tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác duy trì mức 10%.
- Xét về quy mô, 4 ngân hàng top luôn duy trì vị trí dẫn đầu là BID, CTG, VCB và MBB. Theo sau đó, các ngân hàng đang có sự xáo trộn về thứ tự. TCB đang tăng trưởng mạnh mẽ và vượt lên xếp thứ 5 về quy mô trong Q3/2021.



Cơ cấu tài sản theo năm

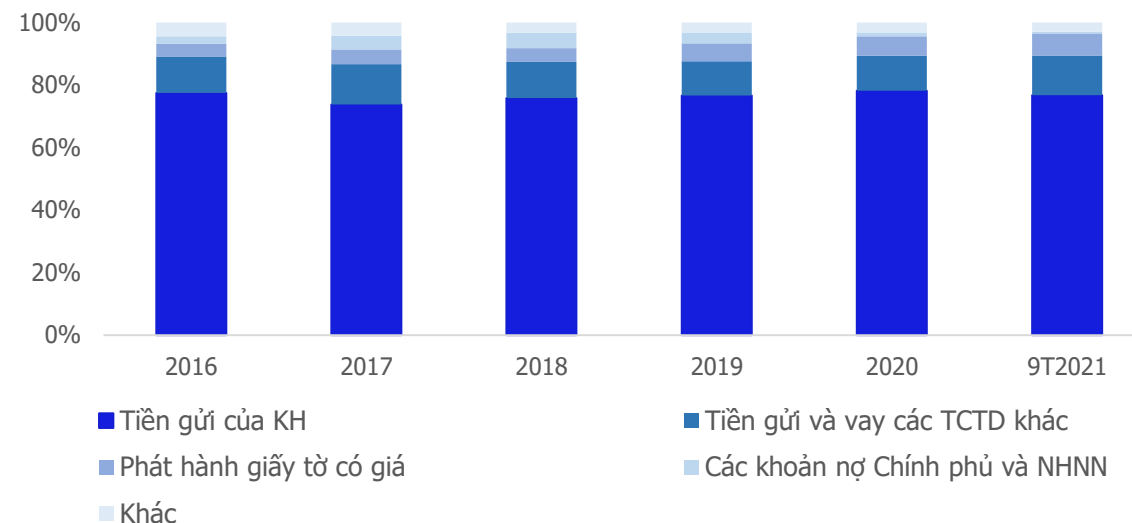


Tổng tài sản và dư nợ (tỷ đồng)

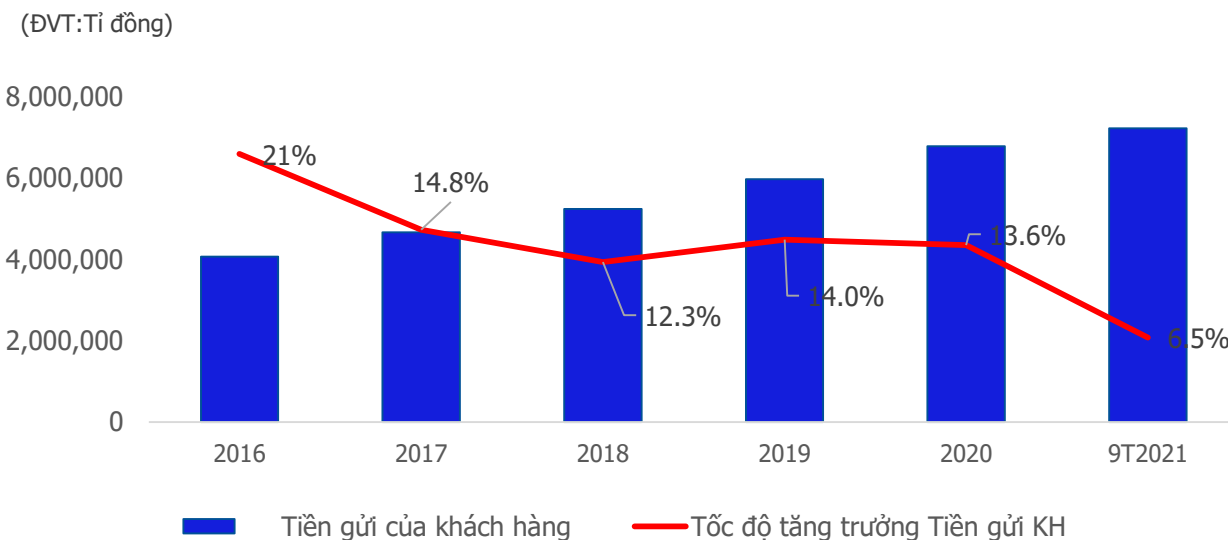


- Kênh huy động chính hàng năm của ngân hàng đến từ tiền gửi của Khách hàng, khi trung bình 5 năm qua đạt 76% trên tổng tài sản hàng năm. Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác được giữ khá ổn định ở ngưỡng 11% hàng năm.
- Có thể thấy, lượng tiền gửi khách hàng tăng lên khá ổn định ở khoảng 14% hàng năm. Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng bởi dịch covid 19, lượng tiền gửi này có sự sụt giảm ở mức độ tăng trưởng, khi chỉ tăng 6.5% trong 9 tháng đầu năm nay.
- Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn/ Tổng tiền gửi đạt trung bình 18% hàng năm. Tỷ lệ CASA (Tổng tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm/ Tổng tiền gửi) duy trì ổn định ở mức 25%, từ năm 2015 đến nay.

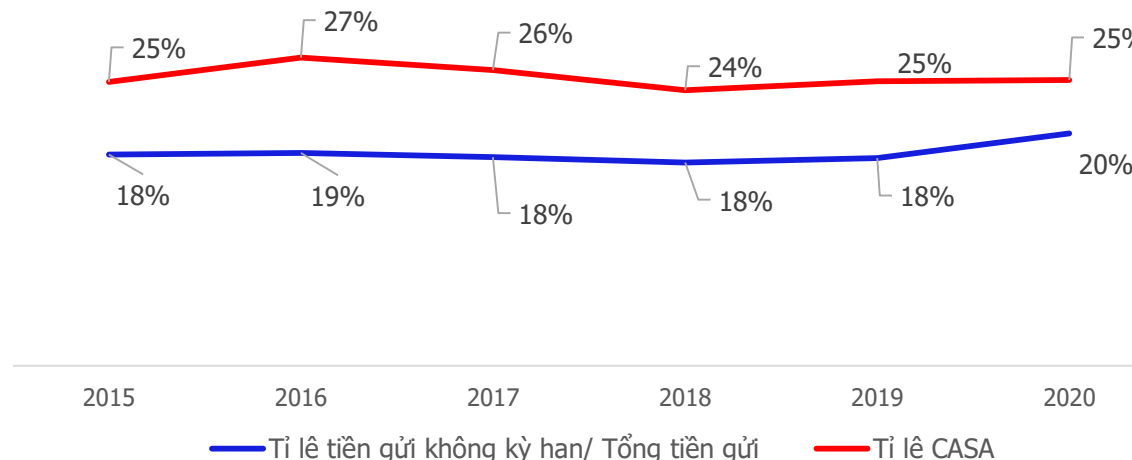
Cấu trúc huy động vốn



Tăng trưởng của Tiền gửi Khách hàng



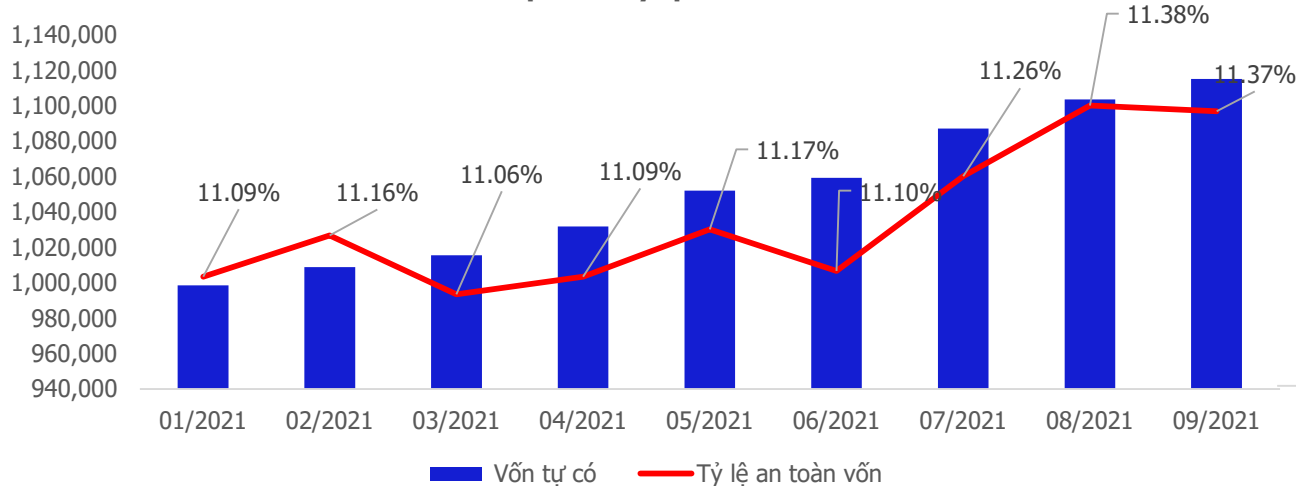
Tỷ lệ tiền gửi



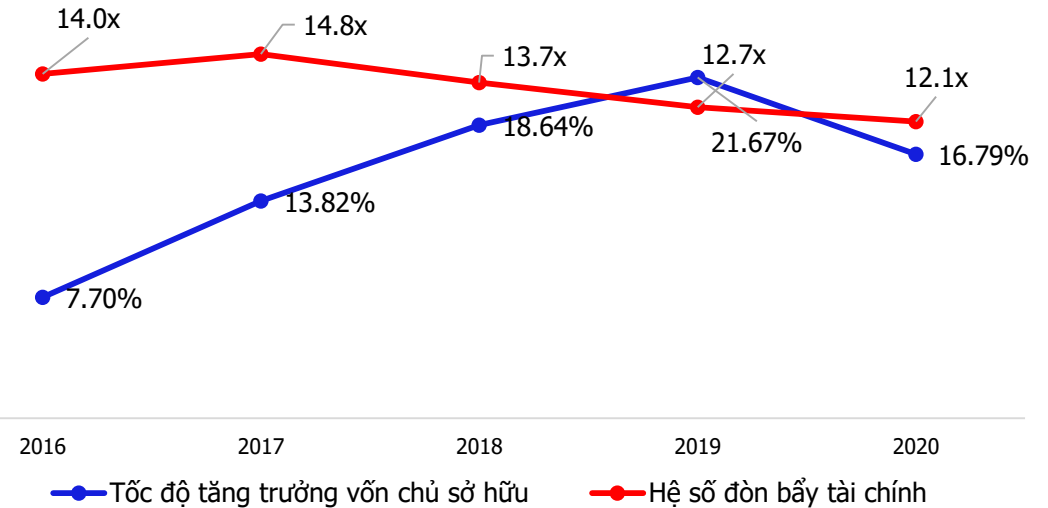
An toàn vốn

- Theo thông tư 23 của NHNN, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các ngân hàng hiện tại là 9% theo Basel II.
- Ở các nước trên thế giới, hệ thống ngân hàng chủ yếu cung cấp vốn ngắn hạn cho nền kinh tế, còn nguồn vốn trung - dài hạn sẽ do thị trường vốn đảm nhiệm. Tuy nhiên ở Việt Nam, do thị trường vốn, thị trường chứng khoán còn chưa phát triển, thể hiện đúng vai trò, vị thế của mình, nên việc cân đối vốn cho nền kinh tế, bao gồm cả vốn trung - dài hạn vẫn dựa nhiều vào hệ thống ngân hàng. Điều đó tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hệ thống ngân hàng khi mà nguồn vốn huy động của các ngân hàng chủ yếu là ngắn hạn.
- Hiện tại, các ngân hàng đều đã tự xây dựng khung quản trị rủi ro và ban hành các quy định về tỷ lệ an toàn vốn để đảm bảo tuân thủ các hạn mức NHNN đặt ra. Tuy tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống duy trì ở mức tích cực trong giai đoạn từ 2011-2021, vốn chủ sở hữu các ngân hàng mới chỉ tăng 9-10%, do đó nhu cầu gia tăng tiềm lực tài chính ở các NHTM là thiết yếu. Theo NHNN, tỷ lệ an toàn vốn tổng thể của các ngân hàng đã giảm từ 11.95% cuối năm 2019 còn 11.13% vào tháng 12/2020 và chạm 11.1% vào cuối tháng 6/2021. Các ngân hàng buộc phải tăng vốn để đáp ứng quy định của Basel II và tương lai là Basel III với mức xét chặt chẽ hơn. Việc vốn chủ sở hữu mở rộng cũng nâng cao năng lực cung ứng tín dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong bối cảnh nền kinh tế đang từng bước phục hồi sau dịch Covid-19.

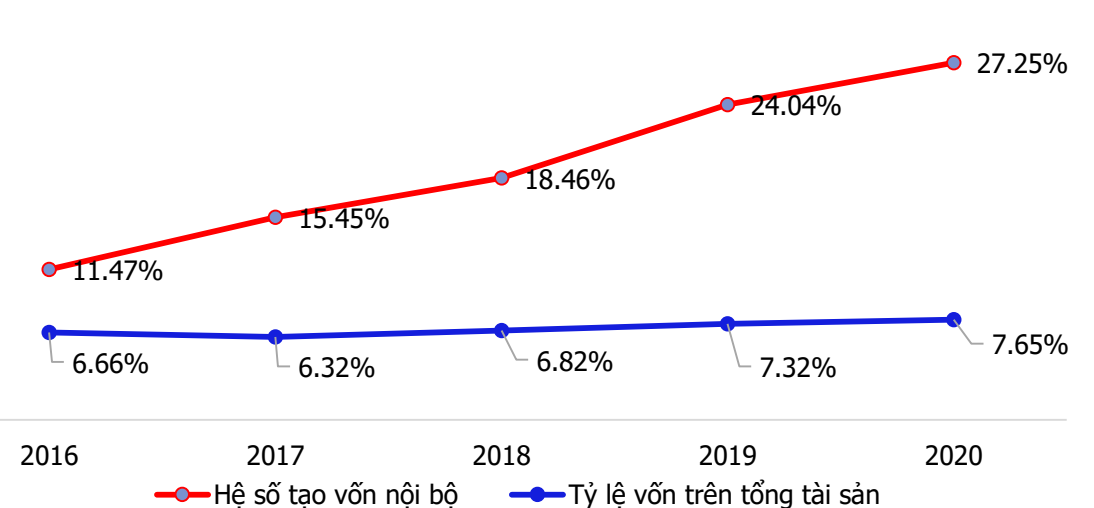
Vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn



Đòn bẩy tài chính và vốn chủ sở hữu



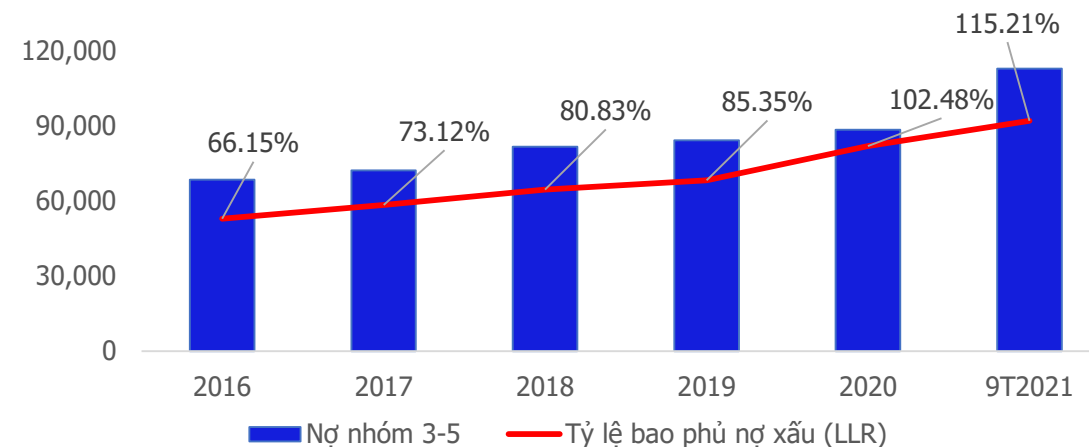
LDR và hệ số giữa tiền gửi và tài sản



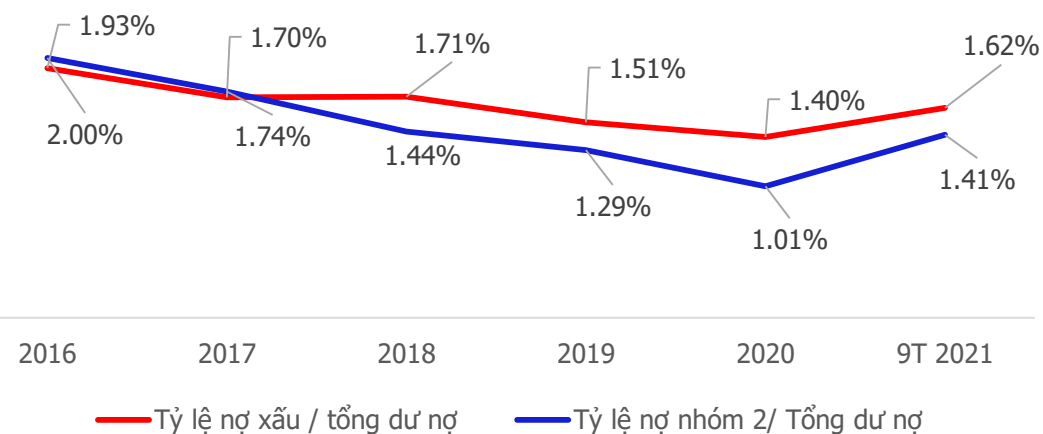
Chất lượng tài sản có sự cải thiện qua hàng năm.

- Trong giai đoạn từ năm 2016-2020, tỉ lệ nợ xấu NPL và tỉ lệ nợ nhóm 2 có xu hướng giảm. Việc tích cực giảm tỉ lệ nợ xấu hàng năm cho thấy chất lượng tài sản của ngân hàng có sự cải thiện qua từng năm.
- Từ năm 2020 đến nay, dưới áp lực của nền kinh tế cũng như diễn biến dịch bệnh phức tạp, tỉ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 có xu hướng tăng trở lại, tuy nhiên các tỉ lệ vẫn được giữ ở trong ngưỡng an toàn. Tỉ lệ bao phủ nợ xấu có sự tăng trưởng mạnh qua các năm.
- Dự phòng rủi ro vốn được coi như "của để dành" của các ngân hàng, là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của các tổ chức tín dụng. Việc xác trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được căn cứ vào việc phân loại nợ tại ngân hàng.
- Theo Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 03/2021/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, ngân hàng bắt buộc phải trích 30% dự phòng phần dư nợ tái cơ cấu vào cuối năm nay và 100% trong 2 năm tới.
- Chính vì vậy, việc chủ động trích lập dự phòng qua hàng năm và đặc biệt là trong thời gian quan cho thấy sự chủ động từ phía ngân hàng trước những rủi ro của nền kinh tế trong tương lai và giảm áp lực lên kết quả kinh doanh các năm sau, cũng như dùng khoản chi phí này để thoái nợ với VAMC do cuộc khủng hoảng kinh tế trước đó.
- Tỉ lệ đầu tư tài sản cố định/ tổng tài sản có xu hướng giảm, tại thời điểm 9 tháng đầu năm 2021. Tổng tài sản cố định của các ngân hàng không có quá nhiều sự thay đổi qua hàng năm. Điều này phù hợp với xu hướng chuyển đổi ngân hàng số của nhiều ngân hàng.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu



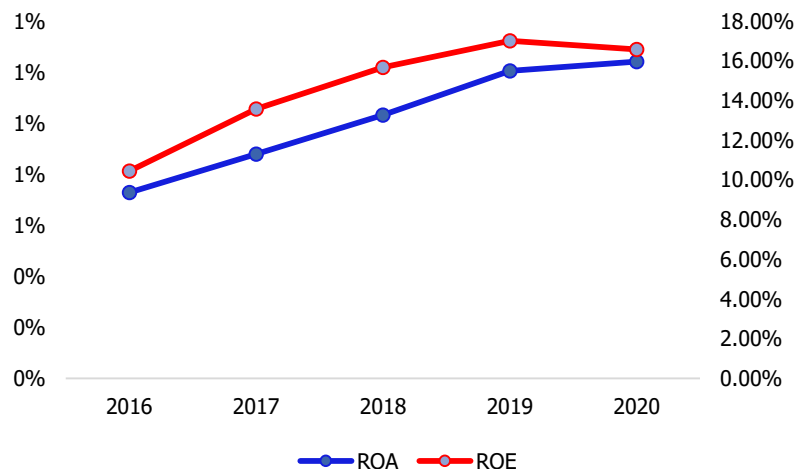
Tỷ lệ nợ xấu



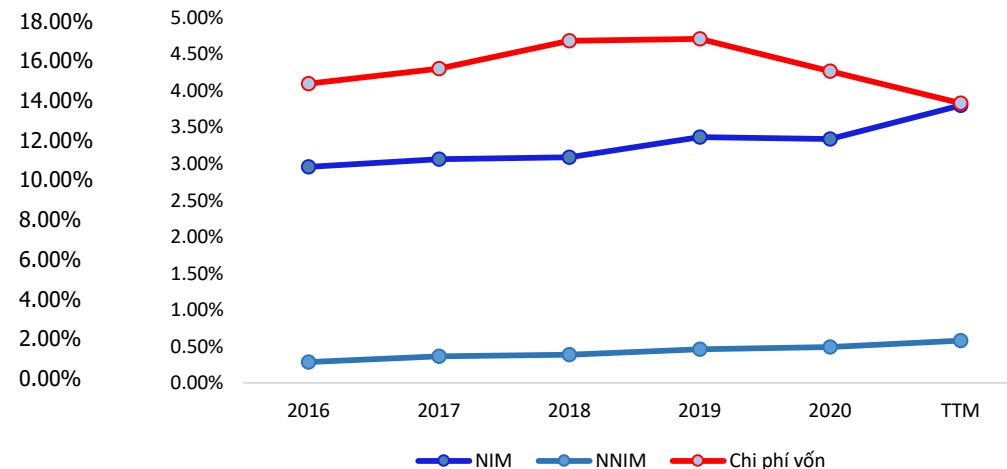
Chất lượng lợi nhuận

- Tỷ lệ NIM toàn ngành duy trì quanh mức 3-3.3% từ 2016-2020. Trong 2020, dù chịu ảnh hưởng của Covid 19, nhưng tỷ lệ NIM vẫn duy trì ở mức 3.34%, chỉ giảm nhẹ so với 2019 (3.37%). Năm 2020, trong 27 ngân hàng, có 12 ngân hàng có tỷ lệ NIM đạt trên trung bình toàn ngành (3.3%).
- Danh mục cho vay của toàn ngành có sự dịch chuyển sang ngành bất động sản và tư vấn (+47%), dịch vụ tài chính (+89%), và thương mại (+18.5%). Mảng cho vay bất động sản thường là cho vay dài hạn và có lãi suất cao hơn các mảng khác. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam được dự kiến hồi phục trong 2022, GDP được dự kiến tăng mạnh trở lại 6-6.5%. Chính vì vậy chúng tôi đánh giá NIM có động lực tăng trưởng trong dài hạn.
- Tỷ lệ NIM trong Q3/2021 giảm do các ngân hàng cắt giảm lãi suất để hỗ trợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ ít nhất là đến cuối năm; vì vậy, NIM sẽ cải thiện nhẹ trong Q4/2021 khi nhu cầu tín dụng tăng trở lại.
- Việc tăng vốn đều đặn các năm từ 2016-2020 tạo tiền đề giúp lợi nhuận của các ngân hàng tăng trưởng trên 30% trong 2016-2019, riêng 2020 tăng trưởng đạt trên 15% do ảnh hưởng của dịch bệnh.
- Tỷ lệ CIR giảm dần qua các năm do việc kiểm soát chi phí tốt hơn giúp thu nhập hoạt động tăng nhiều hơn mức tăng của chi phí hoạt động. Chi phí được kiểm soát tốt đến từ việc ngân hàng đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào quản lý vận hành.

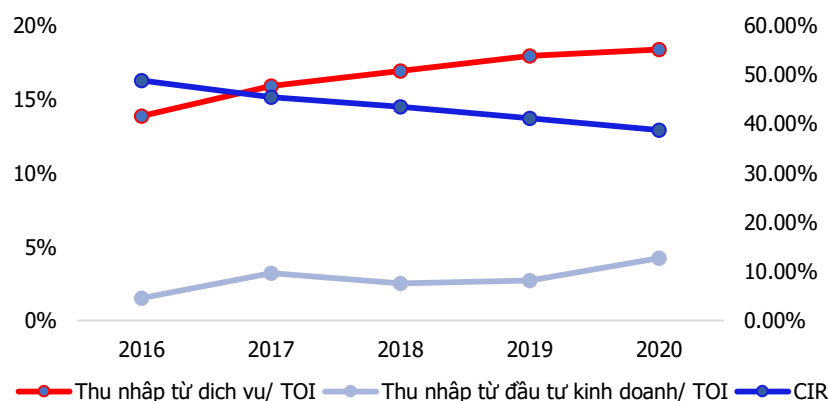
ROA và ROE



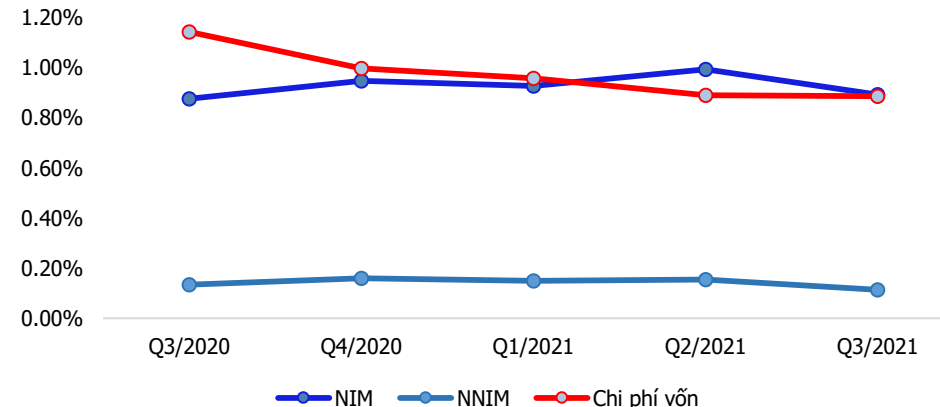
NIM, NNIM và chi phí vốn theo năm



Một số chỉ tiêu so sánh



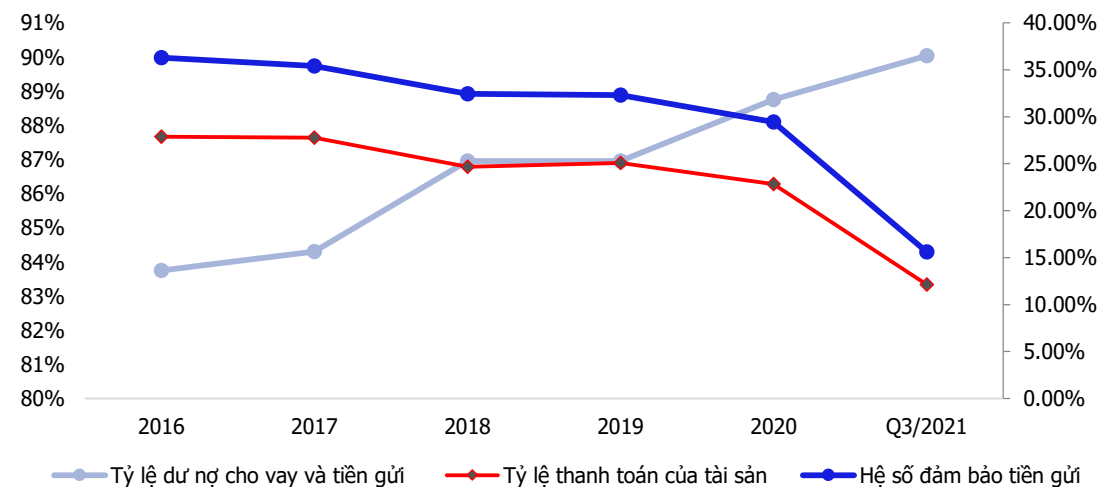
NIM, NNIM và chi phí vốn theo quý



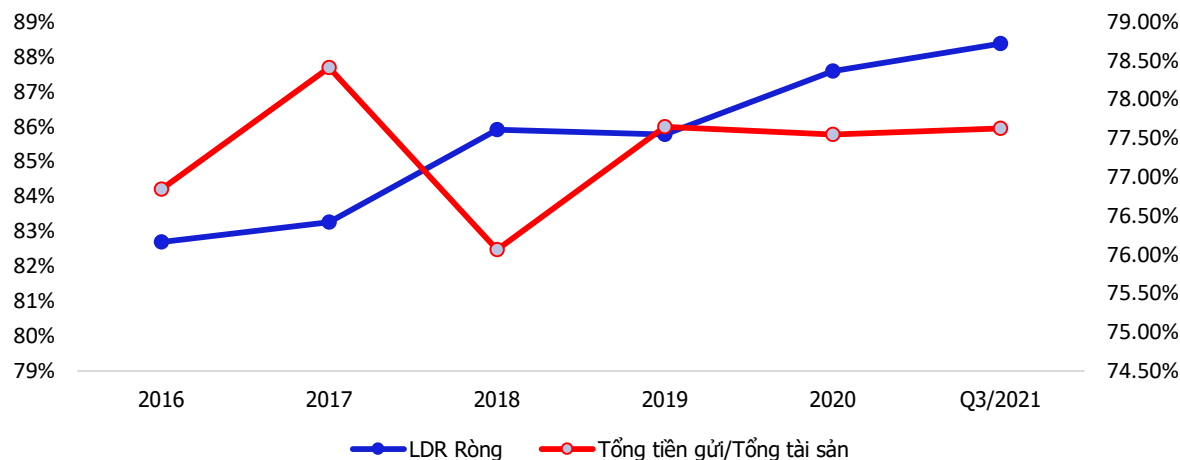
Các chỉ số về thanh khoản

- Thanh khoản của toàn ngành ngân hàng có chiều hướng đi xuống tại thời điểm kết thúc Q3/2021. Tỷ lệ thanh toán của tài sản giảm từ 22.83% xuống chỉ còn 12.12%, chủ yếu là do lượng tài sản thanh khoản của các ngân hàng đã giảm khoảng 35% so với thời điểm cuối năm 2020.
- Tổng tiền gửi tại 30/09/2021 đã tăng hơn 22% so với thời điểm 31/12/2020, trong khi tổng dư nợ cho vay có mức gần 24%, do đó, chỉ số về dư nợ và tiền gửi gần như tương đương với cuối năm 2020.
- Trong khi đó, dư nợ trung và dài hạn chỉ tăng ở mức gần 8.3%, một phần do các NHTM siết chặt hơn các chính sách về cho vay cũng như nhu cầu vay dài hạn để đầu tư cho xây dựng và mở rộng sản xuất đã suy giảm khá nhiều sau thời gian giãn cách kéo dài.
- Xét trên tổng thể toàn ngành ngân hàng, các chỉ số về thanh khoản vẫn đang ở mức cho phép và không tiềm tàng quá nhiều rủi ro đáng chú ý.

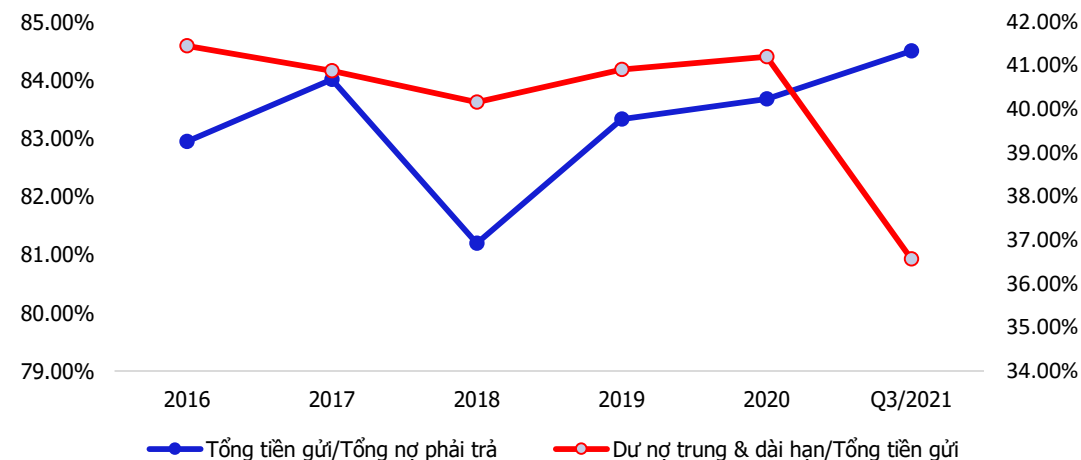
Các chỉ tiêu về tiền gửi



LDR và hệ số giữa tiền gửi và tài sản



Dư nợ và tiền gửi

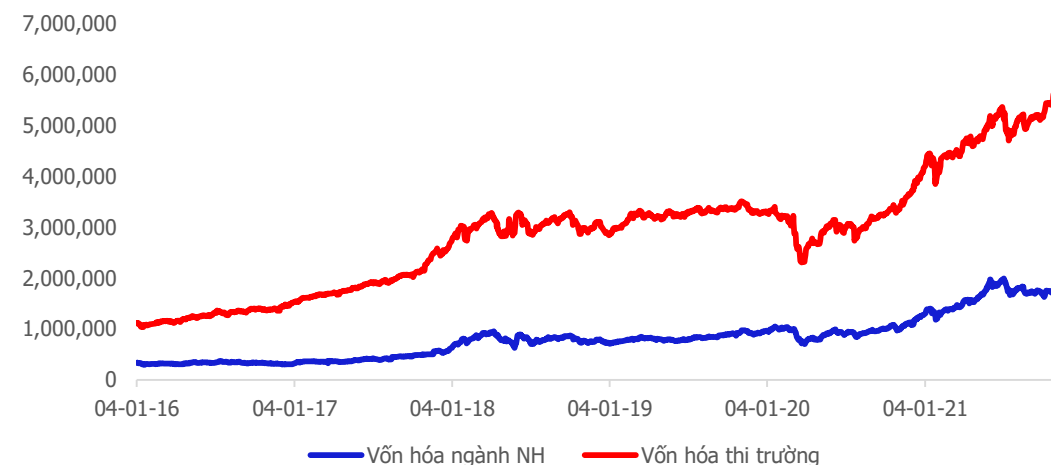


Định giá và tầm nhìn

- Vốn hóa nhóm ngành ngân hàng có mức tăng trưởng ổn định trong thời kỳ từ năm 2016 đến 2019 trước khi bắt đầu tăng mạnh từ tháng 4/2020 theo xu hướng thị trường và đạt đỉnh vào tháng 6/2021. Ở thời điểm hiện tại (11/2021), cổ phiếu dòng ngân hàng đã tăng trở lại sau một đợt giảm và tích lũy đi ngang, kéo tổng vốn hóa nhóm ngành ngân hàng lên hơn 1.865 triệu tỷ VNĐ.
- Định giá toàn ngành ngân hàng đạt đỉnh lịch sử vào tháng 4/2018 với mức P/B toàn ngành lên đến 3.42x trước khi giảm mạnh về khoảng 2.41x chỉ trong một tháng. Trong khi đó, trước thời điểm nhóm ngành ngân hàng bước vào sóng tăng mạnh từ tháng 4/2020, P/B toàn ngành đang ở mức rất hấp dẫn là 1.29x. Hiện tại P/B trung bình của ngành đã đạt 2.26x, cao hơn so với mức P/B trung bình của giai đoạn 2016-2021 là 1.93x, nhưng dư địa tăng còn lớn, đặc biệt khi VN-Index tiếp tục tiến tới những đỉnh cao mới và vốn hóa ngành ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất thị trường, sự tăng trưởng vốn hóa của thị trường gắn liền mật thiết với tăng trưởng vốn hóa của ngành ngân hàng.
- Hiện tại, so với mức định giá ngành ngân hàng của các nước khu vực châu Á, định giá ngành ngân hàng tại VN đang ở mức khá cao so với các nước khác. Tuy nhiên với những tin tích cực về hoạt động tăng vốn của các NHTM trong thời gian tới, chúng tôi tin rằng tỷ lệ P/B toàn ngành sẽ được cải thiện và quay về mức hấp dẫn hơn

Quốc gia	P/B	P/E
VN	2.26	13.02
Indonesia	0.90	11.90
Thái Lan	0.70	9.30
Ấn Độ	1.40	22.00
Singapore	1.10	11.80
TQ	0.40	4.70
HQ	0.40	3.90
Nhật Bản	0.40	6.90
Malaysia	0.90	422.20

Vốn hóa ngành NH và vốn hóa TT



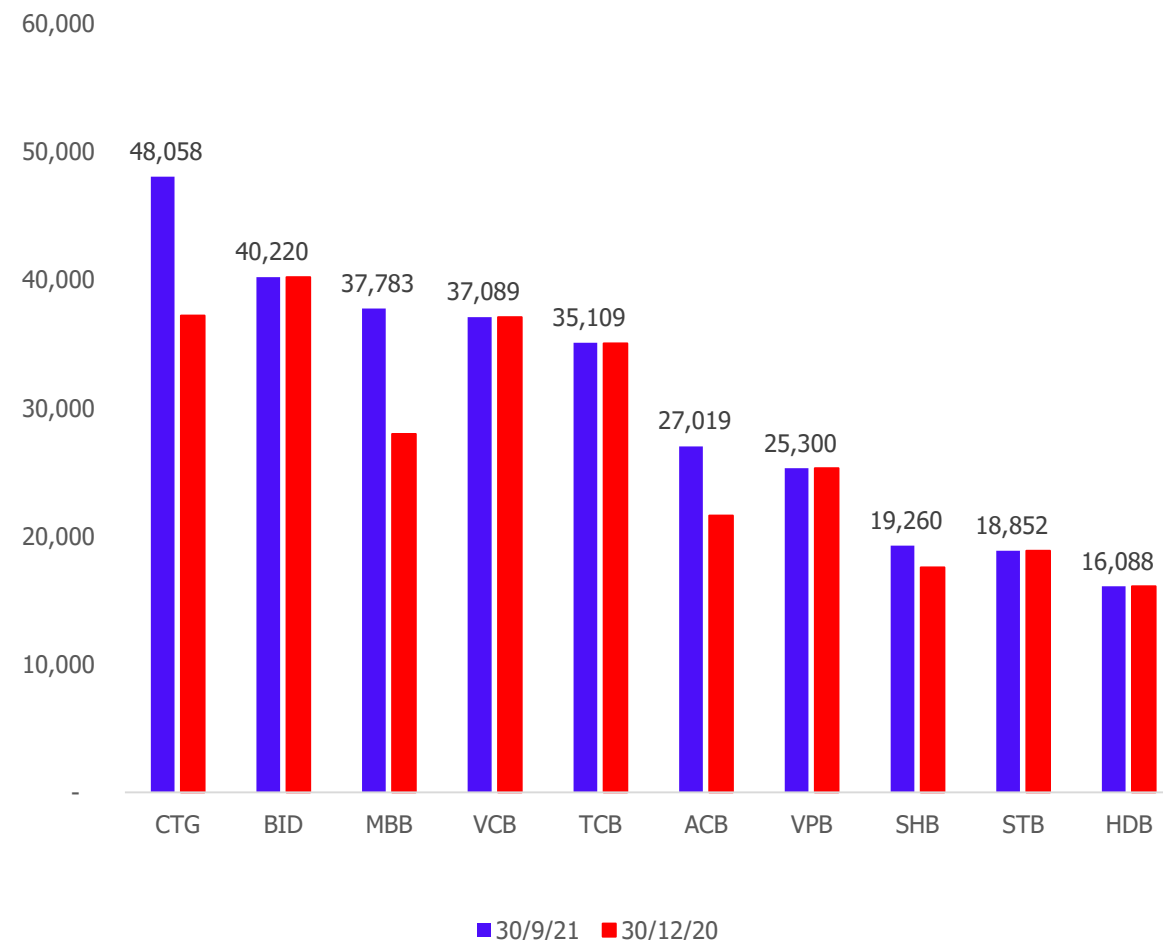
P/E và P/B của ngành ngân hàng qua các năm



Tâm nhìn và Triển vọng

- Bên cạnh đẩy mạnh sản phẩm, dịch vụ thì tăng vốn điều lệ cũng là một trong những yếu tố làm tăng năng lực, sức cạnh tranh. Đồng thời, quản trị rủi ro trong các hoạt động ngân hàng được tốt hơn. Hơn nữa, với quy định của nhà nước về tỷ lệ vốn an toàn (CAR), các ngân hàng này đang liên tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng vốn điều lệ của mình lên. Điều này khiến cho cuộc đua tăng vốn điều lệ ngân hàng trở nên hấp dẫn và có sự thay đổi nhanh chóng trong năm 2021.
- Trong năm 2020, hệ thống ngân hàng đã được bổ sung thêm hơn 33.000 tỷ đồng vốn điều lệ. Theo đó đến cuối năm 2020, đã có 18 ngân hàng ghi nhận vốn điều lệ đạt trên 10.000 tỷ đồng, nhiều ngân hàng nhỏ vẫn đang chật vật tăng vốn, hiện có gần 10 ngân hàng vốn điều lệ dưới 5.000 tỷ đồng.
- Trong năm 2021, các ngân hàng đều có kế hoạch tăng vốn điều lệ “khủng”. BIDV là ngân hàng dẫn đầu về vốn điều lệ với 48.058 tỷ đồng, tiếp sau là BIDV, Vietcombank, Techcombank, Agribank, MB Bank, VP Bank...
- Chậm nhất đến ngày 1/1/2023, các ngân hàng phải thực hiện tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II được quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Tính đến nay đã có 16/35 ngân hàng đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41. Không chỉ để đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn, việc tăng vốn cũng góp phần tăng cường năng lực tài chính cho các ngân hàng, gia tăng nguồn vốn trung dài hạn để mở rộng hoạt động kinh doanh khi mà tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn được siết chặt lại theo lộ trình tại Thông tư 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020 của Ngân hàng nhà nước. Theo đó, cuộc đua tăng vốn của các ngân hàng sẽ chưa dừng lại và còn tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2022 để các ngân hàng tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính, cải thiện chất lượng tài sản về chất, tăng khả năng sinh lời gắn liền với quản trị rủi ro.
- Quý 4/2021, nền kinh tế được mở cửa trở lại, kéo theo sự tăng trưởng nhu cầu tín dụng. Chúng tôi kỳ vọng rằng kết thúc năm 2021, ngành ngân hàng đạt mức dư nợ tín dụng khoảng 13% cả năm, tương đương với các năm trước đó. Mức dư nợ tín dụng 13% trong dự đoán được hỗ trợ mạnh mẽ bởi những phê duyệt mới nhất của NHNN cho gia tăng chỉ tiêu tín dụng ở một số NHTM. Đặc biệt, diễn biến tăng vốn trong thời gian qua từ các NHTM khiến chúng tôi
- Bước sang 2022, hoạt động nâng vốn điều lệ cũng như cải thiện hệ số CAR trong thời gian qua, cùng với sự “bình thường mới” của các tỉnh thành và gói hỗ trợ kinh tế lên tới 800 nghìn tỷ đồng được dự kiến triển khai trong thời gian tiếp theo sẽ giúp nhu cầu sản xuất kinh doanh dần phục hồi và mở rộng, tác động tích cực lên tăng trưởng tín dụng. Lãi suất cho vay cũng được kỳ vọng sẽ gia tăng trở lại sau thời gian được hỗ trợ, nới rộng NIM của các NHTM.

Quy mô vốn điều lệ

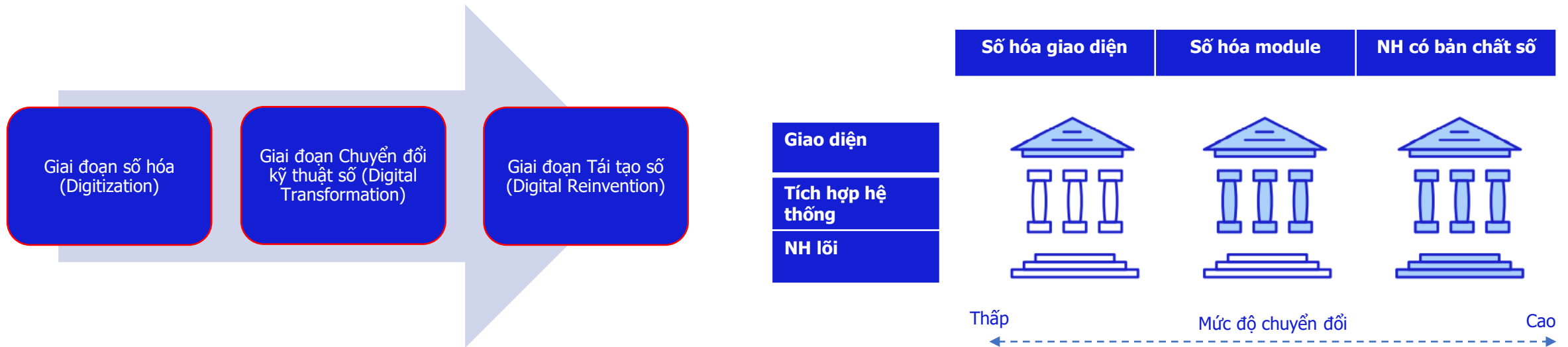


- Chuyển đổi số
- Xu hướng phát triển nhóm ngành tài chính phi ngân hàng
 - Tài chính tiêu dùng
 - Xu hướng sản phẩm
 - Thị trường TPDN
- M&A

Tài chính toàn diện và sự phát triển của Ngân hàng số

- Số liệu thống kê cho thấy 94% ngân hàng thương mại Việt Nam đã đầu tư vào chuyển đổi số, 40% ngân hàng đã đưa chuyển đổi số thành tầm nhìn chiến lược trong 5 - 10 năm tới. Cơ hội chuyển đổi số của các ngân hàng thương mại đang mở rộng.
- Ngân hàng là một trong những ngành tiên phong chuyển đổi số để chủ động thích ứng với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững: Theo "Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" của NHNN, mục tiêu hướng đến vào năm 2025 đảm bảo 60% tổ chức tín dụng có tỉ trọng doanh thu từ kênh số đạt trên 30%.

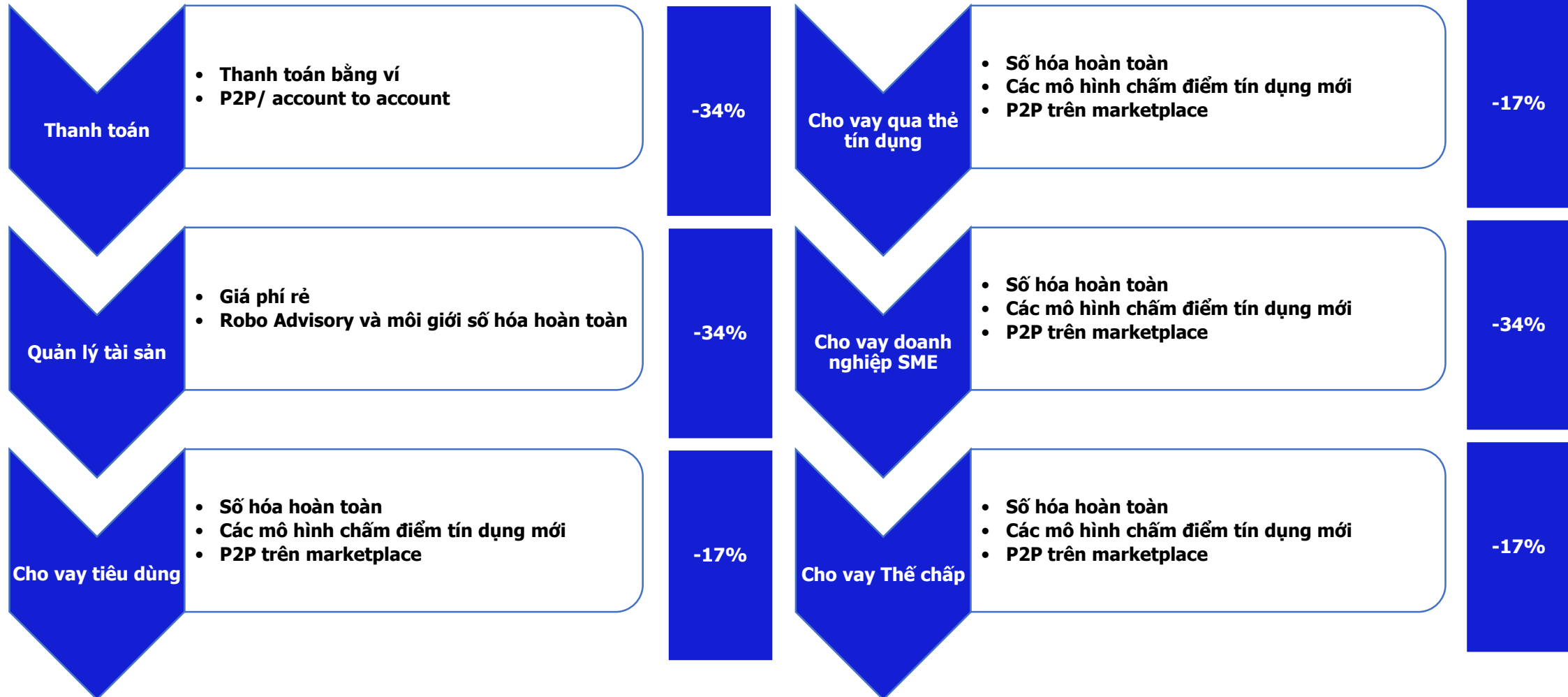
Giai đoạn chuyển đổi số của Ngân hàng



Chuyển đổi số là xu thế tất yếu

Bối cảnh 2025: Doanh thu có sự dịch chuyển ...

- Dự kiến một phần ba doanh thu ngân hàng truyền thống sẽ được quản lý bởi các mô hình kinh doanh mới.



... với động lực chuyển đổi từ thượng tầng và nhân khẩu học

Các động lực đã và đang dẫn đến cuộc cách mạng ngân hàng số ở châu Á và Việt Nam:

- Hiện tại, có 59% người Việt Nam có tài khoản ngân hàng, 67% sử dụng internet và 70% sử dụng điện thoại thông minh.
- Việt Nam có tốc độ tăng trưởng về Mobile Banking đạt là 200% và hiện có khoảng 30 triệu người sử dụng hệ thống thanh toán ngân hàng mỗi ngày. Đồng thời, Việt Nam hiện đã có 70 tổ chức tín dụng, chưa kể các đơn vị trung gian thanh toán như ví điện tử đã triển khai cung ứng các dịch vụ thanh toán qua internet, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động.

Tầng lớp trung lưu

- Nền kinh tế số của ĐNA sẽ đạt 300 tỷ USD vào 2025, trong đó Việt Nam đạt 52 tỷ USD.

Dân số trẻ với tỷ lệ thâm nhập dịch vụ số cao

- Trong 2020, Việt Nam có lượng người dùng số mới cao nhất khu vực ĐNA (chiếm 41% tổng số người tiêu dùng).

Siêu ứng dụng (super app)

- Sự gia tăng các siêu ứng dụng đã tạo ra chuỗi GTGT hàng hóa và dịch vụ trên 1 nền tảng duy nhất.

Chính sách quản lý

- CQQL và Chính phủ đã và đang từng bước thực hiện mở cửa hệ thống NH cho các thành phần mới gia nhập và các mô hình phân phối khác nhau.

Ngân hàng đang thay đổi tư duy Chiến lược ...

Đổi mới tư duy chiến lược từ “hạn chế bị ảnh hưởng” sang “chủ động đổi mới”.

Hệ sinh thái

- Thành công phụ thuộc vào sự hợp tác giữa các thành viên của hệ sinh thái, trong đó mỗi bên đóng vai trò thiết yếu khác nhau.

Open Banking

- Các nền tảng tài chính – ngân hàng lấy KH làm tâm giúp KH tiếp cận nhiều tổ chức tài chính – ngân hàng khác nhau thông qua một kênh duy nhất trở thành xu thế.

Công nghệ mới

- Công nghệ mới hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo đột phá, đáp ứng nhu cầu ngày càng phức tạp của KH.

Kiến trúc hệ sinh thái số

Dịch vụ Ngân hàng cơ bản

Dịch vụ Ngân hàng bổ sung

Dịch vụ đời sống/ phụ trợ

... với kết quả là các hình thái Ngân hàng số khác nhau

Ngân hàng truyền thống

Phương án chuyển đổi ngân hàng số được lựa chọn tùy thuộc vào:

- Xu hướng thị trường
- Định hướng chiến lược phát triển
- Mức độ trưởng thành số hóa bao gồm kênh số, sản phẩm số, quy trình vận hành, kiến trúc số, hệ sinh thái...
- Hàng lang pháp lý về ngân hàng số.

Ngân hàng số Neo-Bank



Ngân hàng không chi nhánh



Quan hệ đối tác lớn mạnh



Một điểm tiếp xúc



Hỗ trợ 24/7 trên ứng dụng



Giá cả hấp dẫn

... với kết quả là các hình thái Ngân hàng số khác nhau

Ngân hàng truyền thống

Phương án chuyển đổi ngân hàng số được lựa chọn tùy thuộc vào:

- Xu hướng thị trường
- Định hướng chiến lược phát triển
- Mức độ trưởng thành số hóa bao gồm kênh số, sản phẩm số, quy trình vận hành, kiến trúc số, hệ sinh thái...
- Hàng lang pháp lý về ngân hàng số.

Ngân hàng số Neo-Bank



Ngân hàng không chi nhánh



Quan hệ đối tác lớn mạnh



Một điểm tiếp xúc



Hỗ trợ 24/7 trên ứng dụng



Giá cả hấp dẫn

Chuyển đổi số tại các ngân hàng truyền thống tại Việt Nam ...

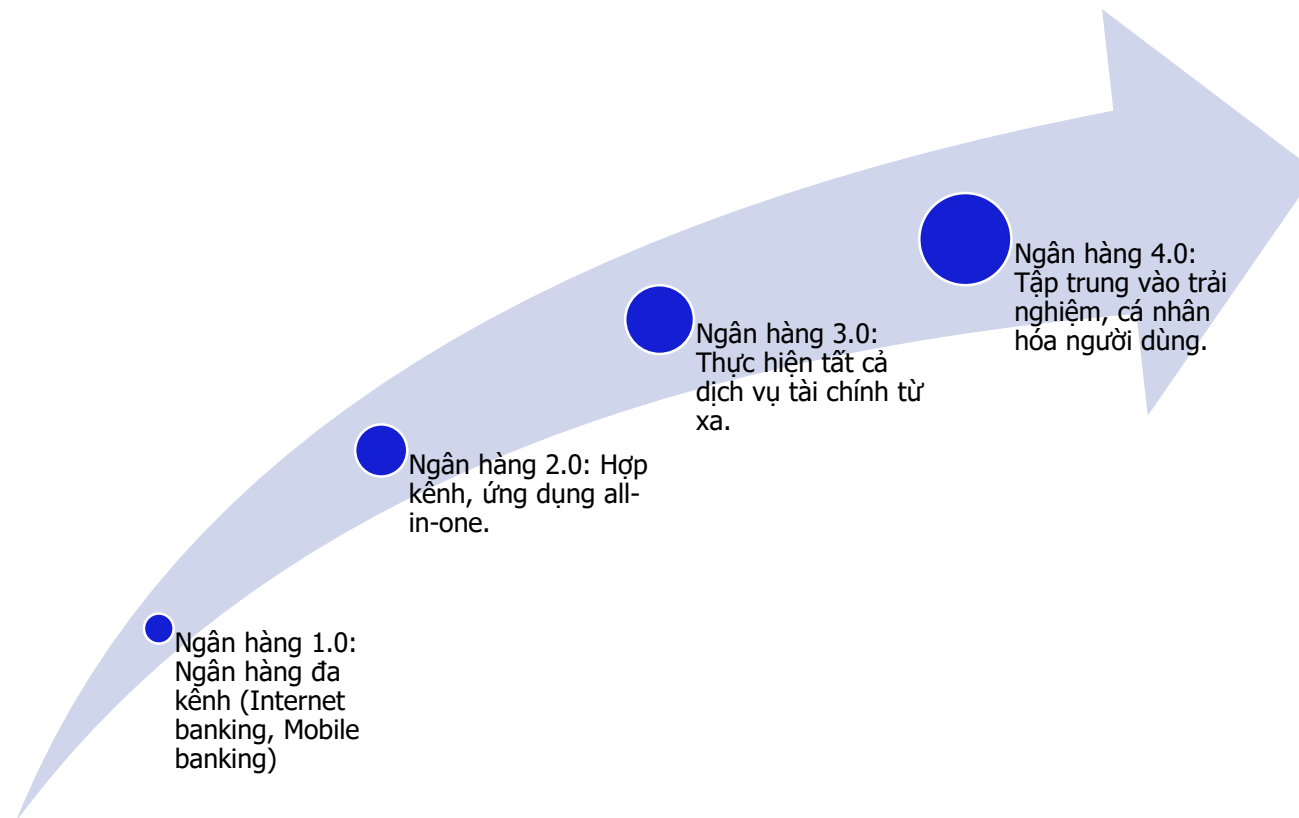
Số hóa toàn Ngân hàng

- Số hóa kênh phân phối và sản phẩm.
- Tinh giản và tối ưu hóa các quy trình.
- Xây dựng hệ sinh thái đa dạng

Mô hình ngân hàng số chuyên biệt

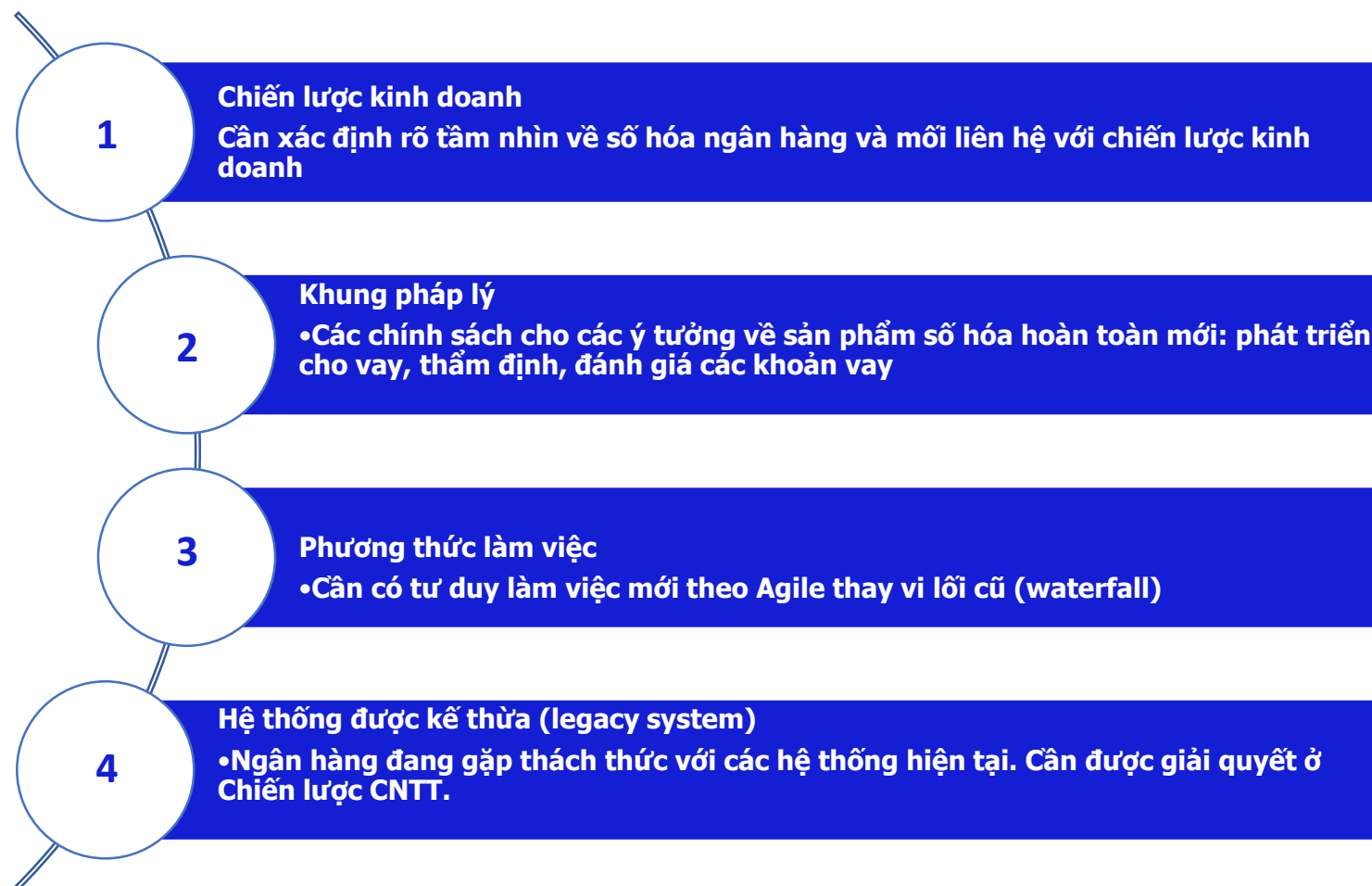
Thành lập mô hình ngân hàng số chuyên biệt:

- Nhóm khách hàng mới,
- Sản phẩm số hóa hoàn toàn,
- Thương hiệu mới,
- Hệ thống back-end mới.



... vẫn cần nhiều cân nhắc khi thực hiện

Một số vướng mắc cần khai thông khi ngân hàng Việt Nam chuyển đổi số.



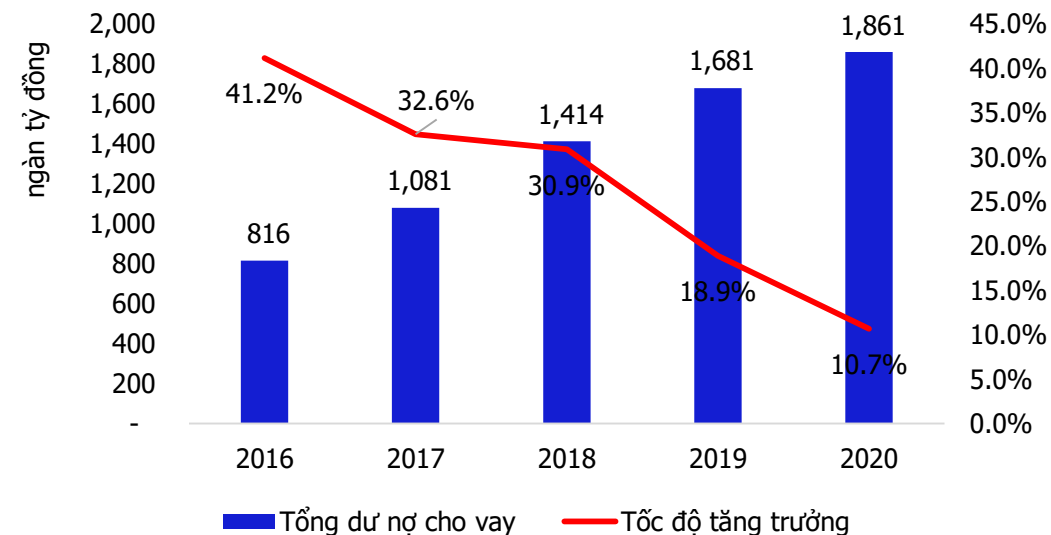
Các ngân hàng đang chuyển đổi số thế nào?

- Khi ngân hàng số là xu thế bắt buộc, ngân hàng nào cũng có chiến lược phát triển thì mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng lớn. Tuy nhiên, với những ngân hàng tham gia vào sâu trong chuyển đổi số, tiện ích tạo cho người dùng được tiện lợi nhất, nhanh, hiệu quả, an toàn thì hệ sinh thái của ngân hàng đó được khách hàng trải nghiệm nhiều nhất và đem đến nhiều lợi ích cho ngân hàng và cổ đông.

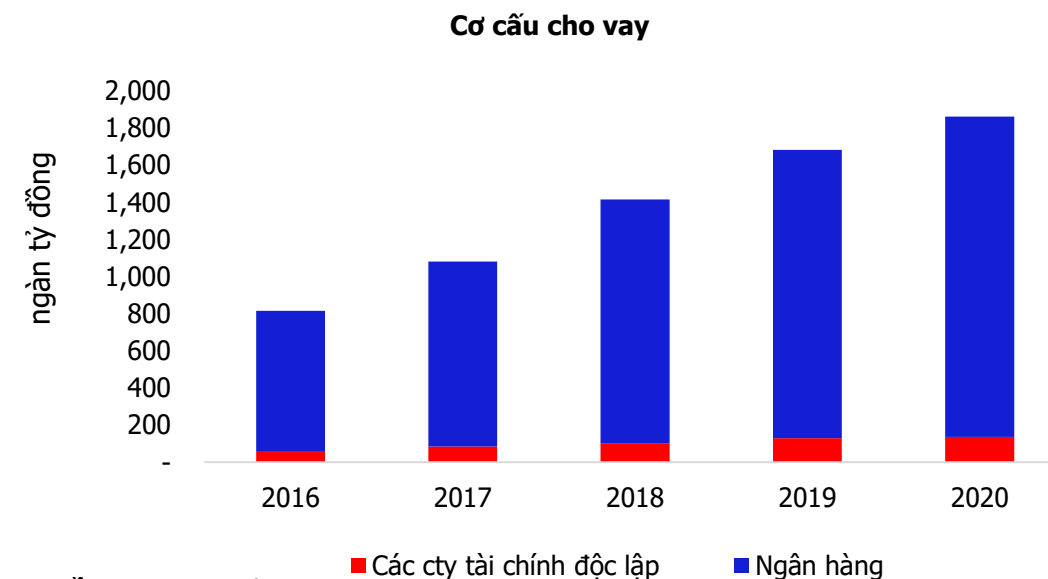
STT	Ng.hàng	Xu hướng đầu tư công nghệ
1	TCB	<ul style="list-style-type: none">▪ Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng hệ thống ngân hàng lõi, cũng như là ngân hàng tiên phong trong dịch vụ ngân hàng trực tuyến và điện tử.▪ Hệ thống ATM thế hệ mới tích hợp mọi tiện ích phục vụ 24/7 hay bộ đôi nền tảng F@st i-bank - F@st Mobile liên tục được nâng cấp.▪ iTCBLife - công cụ số ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ tư vấn bảo hiểm chuyên nghiệp giúp NH thăng hạng mảng dịch vụ bảo hiểm và CASA.
2	TPB	<ul style="list-style-type: none">▪ Ngân hàng tự động TPBank LiveBank đã được triển khai từ năm 2017.▪ Ngân hàng đầu tiên trong ĐNA cho phép khách hàng rút tiền, giao dịch bằng khuôn mặt và vân tay mà không yêu cầu thẻ hay bất kỳ giấy tờ tùy thân nào.▪ Kiện toàn ngân hàng số toàn năng VPBank NEO, cung cấp dịch vụ tài chính đa dạng.
3	VPB	<ul style="list-style-type: none">▪ Đẩy mạnh chuỗi các dịch vụ số hóa sản phẩm thế chấp, rút ngắn thời gian xử lý khoản vay.▪ Tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ số cho khách hàng SME (từ eKYC đến giải pháp thanh toán EcomPay – Simplify và giải ngân online). LC Blockchain đầu tiên phát hành thành công.
4	MBB	<ul style="list-style-type: none">▪ Từ 2016, MB xác định đầu tư nền tảng cho cá nhân (AppMB) và cho doanh nghiệp (BizMB).▪ Nghiên cứu và triển khai mô hình smartbank, gộp khoảng 30 loại dịch vụ được thực thi tại Smartbank, qua đó giúp giải quyết vấn đề chuyển từ online sang offline.
5	VCB	<ul style="list-style-type: none">▪ Giữa tháng 7/2020, chính thức ra mắt dịch vụ VCB Digibank – nền tảng thanh toán đa kênh tích hợp dựa trên việc hợp nhất các nền tảng giao dịch.▪ Ngân hàng tiên phong hợp tác với Cổng DVCQG trong việc phát triển cơ chế đăng nhập một lần giữa Cổng DVCQG với hệ thống thanh toán của ngân hàng.▪ Triển khai thành công cổng thanh toán trực tuyến các dịch vụ công cấp độ 4 trên Cổng Dịch vụ Công Quốc gia.
6	BID	<ul style="list-style-type: none">▪ Triển khai hệ thống đăng ký trực tuyến BIDV Smart Banking, nghiên cứu áp dụng công nghệ OCR, nhận dạng khuôn mặt, livecheck.▪ Tích hợp tính năng mua sắm tại Winmart và ra mắt nền tảng BIDV Home - mở ra hệ sinh thái kết nối khách hàng BIDV với thị trường địa ốc.▪ Kế hoạch xây dựng ứng dụng "chatbot" đa nhiệm.
7	CTG	<ul style="list-style-type: none">▪ Trang bị camera nhận diện, thu thập thông tin, kết hợp với ứng dụng trí tuệ nhân tạo đã giúp rút ngắn thời gian giao dịch, tăng trải nghiệm cho khách hàng.

Triển vọng tăng trưởng dài hạn tích cực dù không còn tăng trưởng quá cao

- Đại dịch Covid-19 đã làm giảm tốc độ tăng trưởng của thị trường Cho vay tiêu dùng của thị trường Việt Nam. Năm 2020, quy mô thị trường đạt hơn 1,863 ngàn tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 10.7%, thấp hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng kép 27.3% trong giai đoạn 2016-2019. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay tiêu dùng trong tổng dư nợ của hệ thống ngân hàng được nâng lên đáng kể từ mức chỉ đạt 14.8% trong năm 2016 đã nâng lên mức hơn 20% trong năm 2020.
- Trong cơ cấu cho vay tiêu dùng, tỷ trọng các khoản vay tiêu dùng từ bank vẫn đang chiếm tỷ trọng chủ lực với hơn 92.7%. Đây cũng là mảng đem lại động lực tăng trưởng chính cho toàn ngành cho vay tiêu dùng trong thời gian đại dịch, khi mà tăng trưởng tín dụng của các công ty tiêu dùng độc lập bị ảnh hưởng nặng nề. Cụ thể, mảng cho vay tiêu dùng của ngân hàng đạt tốc độ tăng trưởng hơn 11.7%, cao hơn gấp đôi so với con số chỉ 5% của các công ty tài chính tiêu dùng độc lập trong năm 2020.
- Điều này được lý giải vì các ngân hàng sở hữu tệp khách hàng có sức khỏe tài chính tốt hơn hẳn so với các công ty tài chính độc lập, do vậy khi dịch bệnh xảy ra, nhu cầu của nhóm khách hàng của ngân hàng bị ảnh hưởng ít hơn và vẫn có được nhu cầu tín dụng cao hơn.
- Trong Q4/2021, với việc nền kinh tế được mở cửa trở lại, cộng với nhu cầu chi tiêu cho nhiều dịp lễ cuối năm và việc hầu hết các cơ sở kinh tế sẽ gia tăng kích cầu nhằm bù đắp cho 2 quý vừa rồi, chúng tôi dự báo nhu cầu tín dụng tiêu dùng sẽ bùng nổ trong giai đoạn này và kéo dài đến năm 2022.
- Trong trung và dài hạn, với việc nền kinh tế Việt Nam tiếp tục là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, kéo theo nhu cầu tín dụng cho mảng bán lẻ tiếp tục tăng cao, do đó chúng tôi dự báo bức tranh tăng trưởng của ngành cho vay tiêu dùng vẫn rất khả quan, mặc dù có thể sẽ khó để đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao như trong giai đoạn 2014-2019.



Nguồn: FiinResearch



Nguồn: FiinResearch

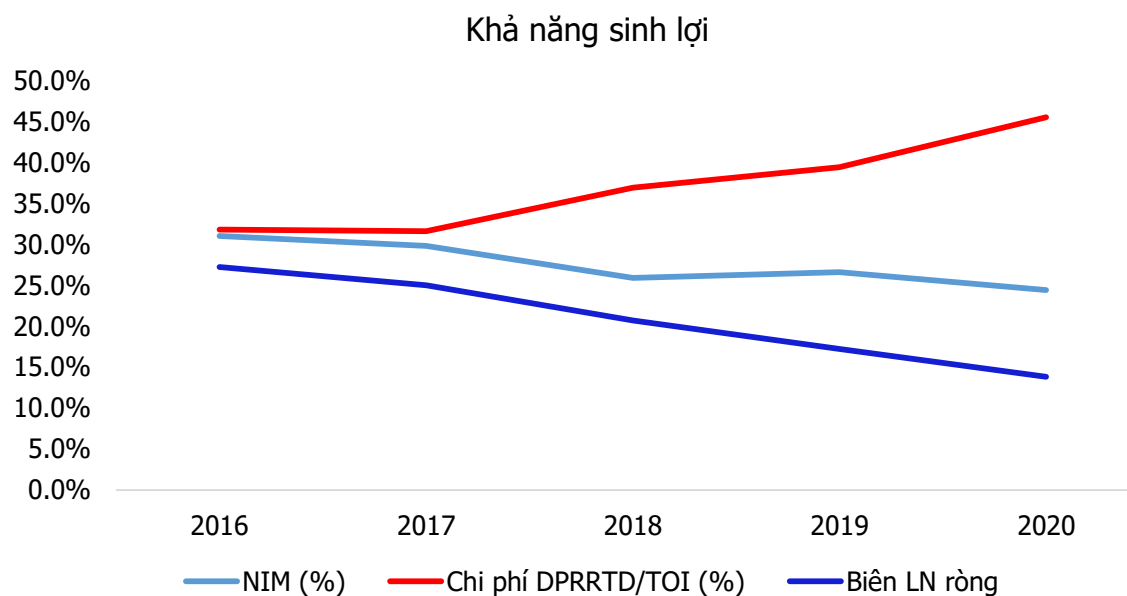
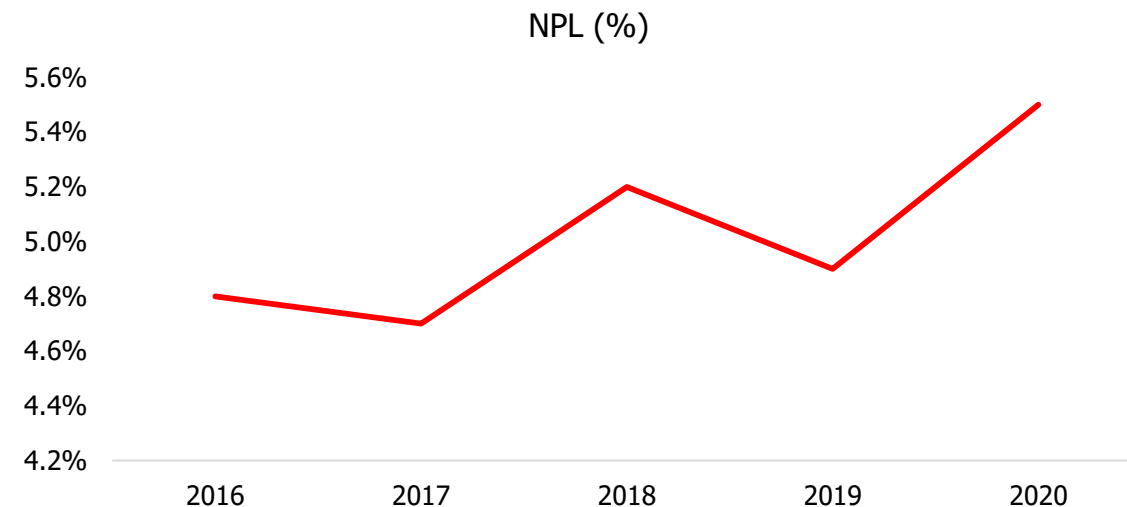
Nguồn: Fiin Research

Chất lượng tài sản giảm dần, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh

- Chất lượng các khoản vay suy giảm, đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát. Tỷ lệ nợ xấu của lĩnh vực cho vay tiêu dùng nhìn chung cao hơn ngân hàng khá nhiều và có dấu hiệu tăng dần qua các năm. Trong thời gian đại dịch, tỷ lệ này tiếp tục gia tăng, do phần lớn khách hàng cho vay tiêu dùng là các cá nhân có thu nhập trung bình thấp, đối tượng bị ảnh hưởng nặng nhất và khả năng trả nợ bị suy giảm đáng kể nhất bởi đại dịch.
- Trong năm 2021, với việc dịch Covid-19 bùng phát vào Q2 và kéo dài đến đầu Q3 dẫn đến thời gian giãn cách xã hội kéo dài hơn 4 tháng đã khiến nhu cầu tiêu dùng bị suy giảm nghiêm trọng đi cùng với thu nhập người dân cũng bị ảnh hưởng đáng kể, chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu của thị trường cho vay tiêu dùng sẽ tiếp tục gia tăng.

Thu nhập suy giảm

- Với việc tốc độ tăng trưởng của quy mô thị trường chậm lại đi cùng với tỷ lệ nợ xấu đang có xu hướng tăng lên, điều này đã ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi của toàn ngành nói chung. Cụ thể, Biên lợi nhuận từ lãi (NIM) của toàn ngành đã giảm từ mức 30.6% trong năm 2016 xuống còn 24.4% trong năm 2020. Trong thời gian đại dịch, các TCTD tín dụng đều phải thực hiện giảm lãi suất theo hướng dẫn của NHNN nhằm hỗ trợ các KH bị ảnh hưởng, do đó NIM chắc chắn sẽ có sự suy giảm dù cho môi trường lãi suất là đang thấp. Hơn thế, với việc chất lượng tài sản bị suy giảm kéo theo gánh nặng chi phí trích lập dự phòng tang cao khiến cho biên lợi nhuận ròng của toàn ngành suy giảm đáng kể.



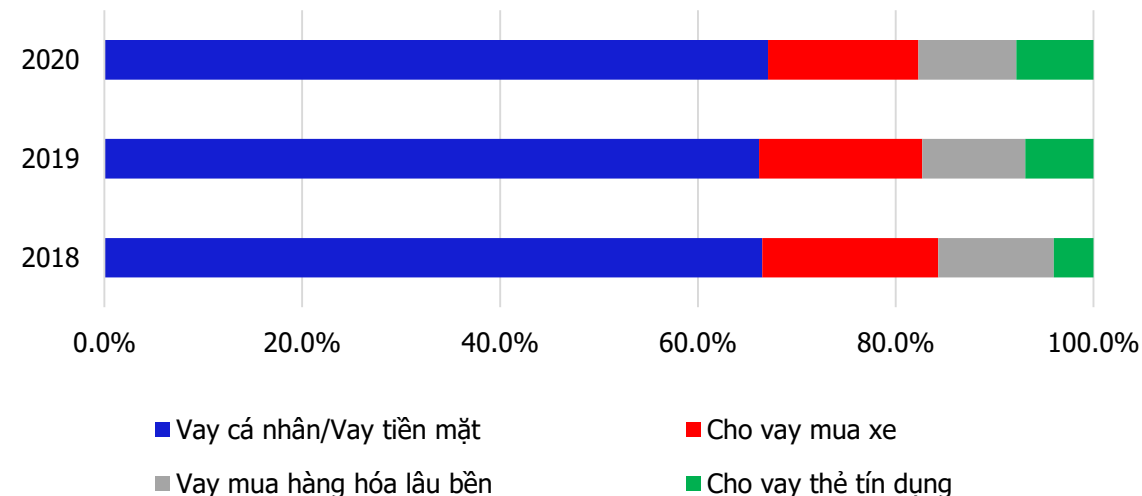
Cơ cấu cho vay không có nhiều khác biệt so với trước

- Cơ cấu cho vay trong ngành cho vay tiêu dùng không có quá nhiều khác biệt trong giai đoạn 2018-2020. Trong đó, các khoản cho vay cá nhân và cho vay tiền mặt vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 65%. Cho vay mua xe xếp thứ 2 về tỷ trọng với hơn 15% và đang có xu hướng giảm dần. Tăng trưởng mạng nhất phải kể đến cho vay thẻ tín dụng của các công ty tài chính đã tăng tỷ trọng gấp đôi từ khoảng 4% năm 2018 lên xấp xỉ 8% năm 2020
- Trong trung và dài hạn, chúng tôi dự báo loại hình cho vay tiền mặt và thẻ tín dụng sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ chốt trong việc dẫn dắt tăng trưởng của ngành nhờ vào thủ tục đơn giản và có thể tiếp cận được các phân khúc khách hàng thấp nhất, nơi mà các ngân hàng thường bỏ qua vì khả năng trả nợ chưa cao. Tuy nhiên, hiện nay đang ngân hàng đều đang thực hiện chuyển đổi số và giảm thiểu thủ tục nhằm mở rộng thị phần bán lẻ, do đó, các công ty tài chính độc lập sẽ phải chịu cạnh tranh lớn hơn.

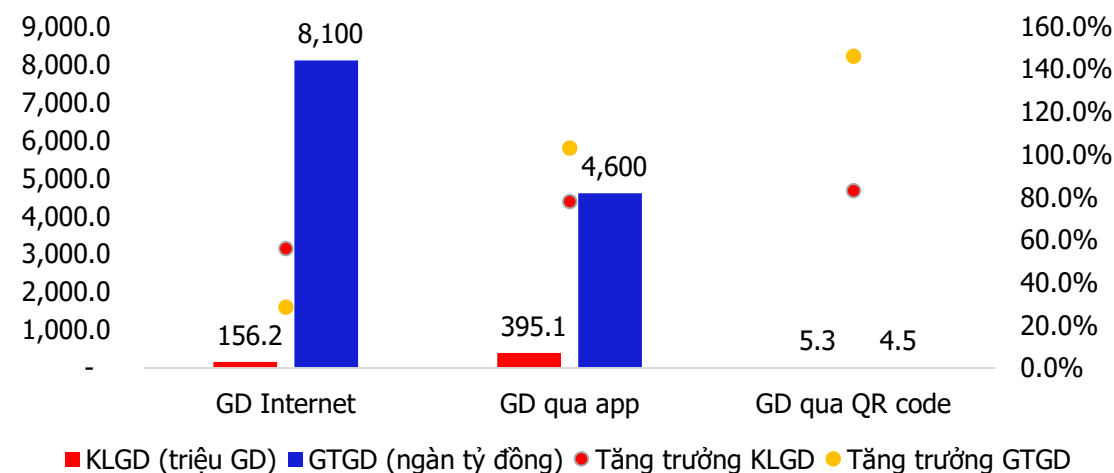
Chuyển đổi số và M&A là xu hướng chính trong tương lai

- Chuyển đổi số gần như là một xu hướng tất yếu trong ngành tài chính nói chung và cho vay tiêu dùng nói riêng. Với đặc thù tệp khách hàng chủ yếu là cá nhân và phần lớn là người có thu nhập trung bình thấp, nên hầu như việc các công ty tài chính luôn muốn tối ưu hóa thủ tục đơn giản nhất có thể. Hơn nữa, việc các ngân hàng có tiềm lực tài chính lớn muốn thúc đẩy mảng bán lẻ cũng đã đầu tư rất nhiều vào chuyển đổi số, dẫn đến các công ty tài chính đều phải thực hiện chuyển đổi số nhằm tăng sức mạnh cạnh tranh của mình. Điều này càng được thể hiện rõ trong đại dịch khi mà hiệu quả của chuyển đổi số được phát huy tối đa
- Trong trung dài hạn, khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục có tăng trưởng cao, kéo theo đó là thu nhập người dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao. Do đó, tiềm năng của ngành tài chính tiêu dùng sẽ còn rất lớn, và đây có thể là lý do mà các ông lớn trong ngành tài chính thế giới liên tục tiến hành thu tóm các công ty tài chính hàng đầu Việt Nam, mở màn là việc thu mua 49% FECredit của SMFG trong năm 2021.

Cơ cấu cho vay tiêu dùng



Tình hình giao dịch số



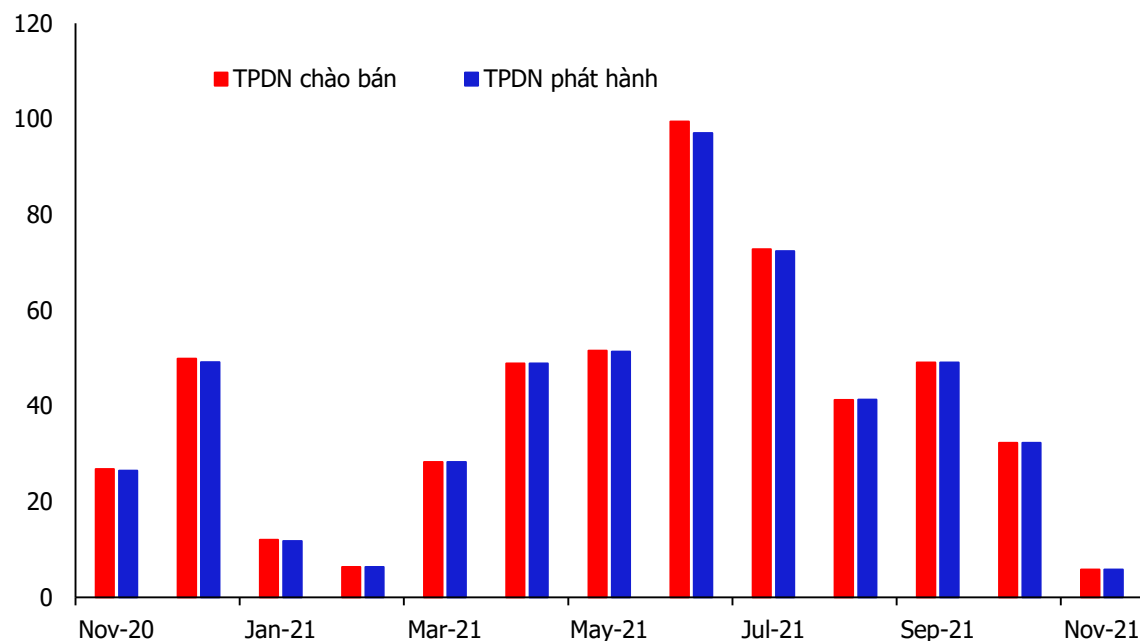
- Hình thức Buy Now Pay Later (tạm dịch Mua trước trả sau) là một hình thức cho vay ngắn hạn giúp người tiêu dùng có thể mua được hàng hóa mà không cần phải thanh toán toàn bộ số tiền. Thay vào đó, người tiêu dùng có thể chia nhỏ các khoản thanh toán của mình ra nhiều tuần hoặc nhiều tháng khác nhau. Ưu điểm lớn nhất của BNPL nằm ở việc phương thức này không yêu cầu người tiêu dùng phải sở hữu thẻ tín dụng hoặc hạn mức cho vay của ngân hàng hay các tổ chức tài chính. Hơn nữa, với thủ tục đơn giản và được thao tác trên các ứng dụng di động sẽ giúp việc phổ cập Internet và smartphone trong dân trở nên phổ biến hơn.
- Quy mô thị trường BNPL tại Việt Nam năm 2020 đạt hơn 207 triệu USD và được dự báo sẽ tăng hơn 137% trong năm 2021, đạt hơn 491 triệu USD. Thị trường này được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với mức tăng trưởng kép hàng năm CAGR=36.5% trong giai đoạn 2021-2028 nhờ vào sự phổ biến của thương mại điện tử và phát triển nền kinh tế số.
- Một số tổ chức cho vay BNPL lớn tại thị trường Việt Nam như Fundiin, Litnow, Grab hay Afterpay. Trong đó, điển hình là Grab kết hợp với Credit Saison, cổ đông chiến lược của HD Saison, cung cấp dịch vụ BNPL được tích hợp trên app cho khách hàng dựa trên xếp hạng tín nhiệm và độ trung thành của khách hàng với công ty. Hay gần đây nhất là sự tham gia của tổ chức cho vay BNPL lớn nhất tại Indonesia, Kredivo, vào thị trường Việt Nam bằng thương vụ hợp tác với Phoenix Holdings.
- Tuy vậy, vẫn có những quan ngại đối với hoạt động cho vay này. Thứ nhất, hoạt động cho vay này đòi hỏi người tiêu dùng phải thanh toán đúng hạn các khoản tiền, nếu không sẽ bị phạt và sẽ không đủ điều kiện cấp tín dụng cho những lần mua sau. Điều này khiến hầu hết người tiêu dùng quan ngại vì có thể sẽ phải trả cao hơn so với giá của hàng hóa vì phí phạt. Thứ hai, các khung pháp lý của Việt Nam vẫn đưa ra cách nhìn cẩn trọng đối với loại hình cho vay này và đưa ra cảnh báo rằng những hình thức tín dụng đen có thể mượn danh nghĩa cho vay BNPL tiếp cận người đi vay, từ đó gây thiệt hại cho người đi vay và mất lòng tin đối với hệ thống tài chính

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp

- Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp giảm nhẹ trong quý 3 khi nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng Covid thứ 4. Tuy nhiên, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp được huy động thành công trong 9 tháng đầu năm đạt trên 406 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020. Kỳ hạn bình quân các trái phiếu phát hành trong kỳ là 4,13 năm, trong khi lãi suất bình quân là 8,3%/năm. Trái phiếu của nhóm ngân hàng dẫn đầu khối lượng phát hành chiếm 35% lượng phát hành, tiếp sau đó là nhóm bất động sản với 33%.
- Thông tư của 16/2021/TT-NHNN vừa được ban hành quy định tổ chức tín dụng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp khi có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất của Ngân hàng Nhà nước

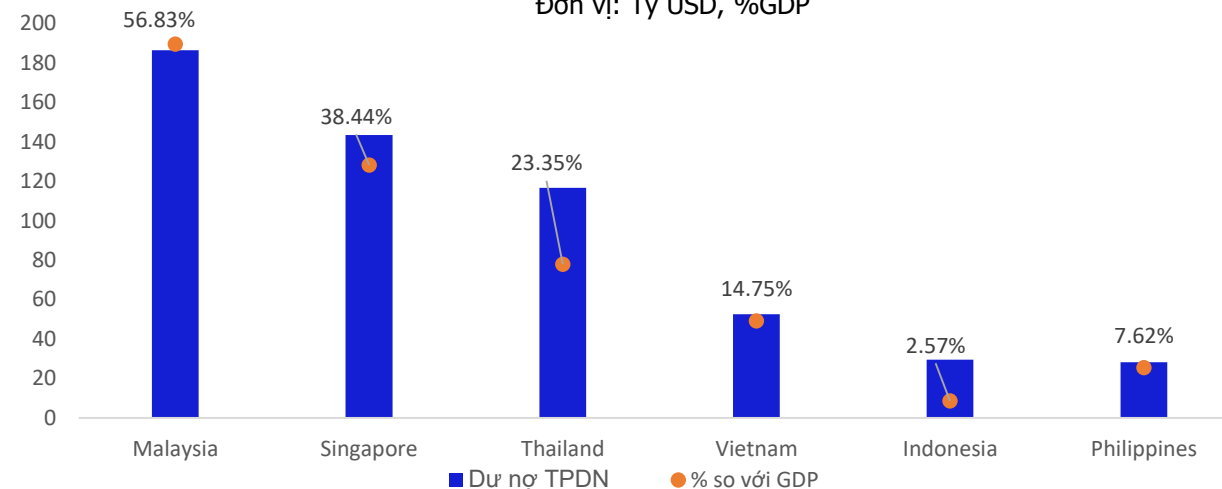
Khối lượng TPDN chào bán và phát hành năm 2021

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

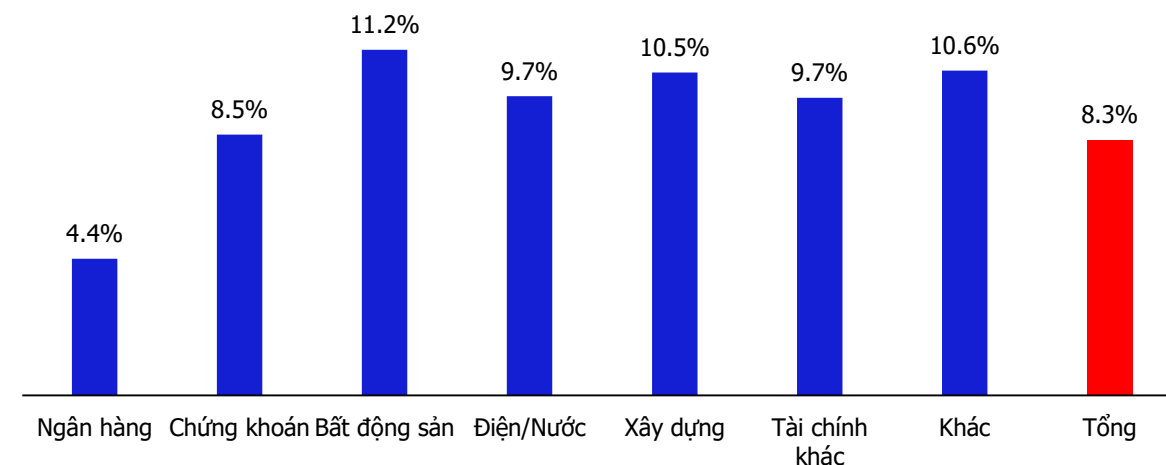


Quy mô TPDN so với các nước trong khu vực Q3/2021

Đơn vị: Tỷ USD, %GDP



Lãi suất trung bình theo nhóm doanh nghiệp năm 2021 (%/năm)



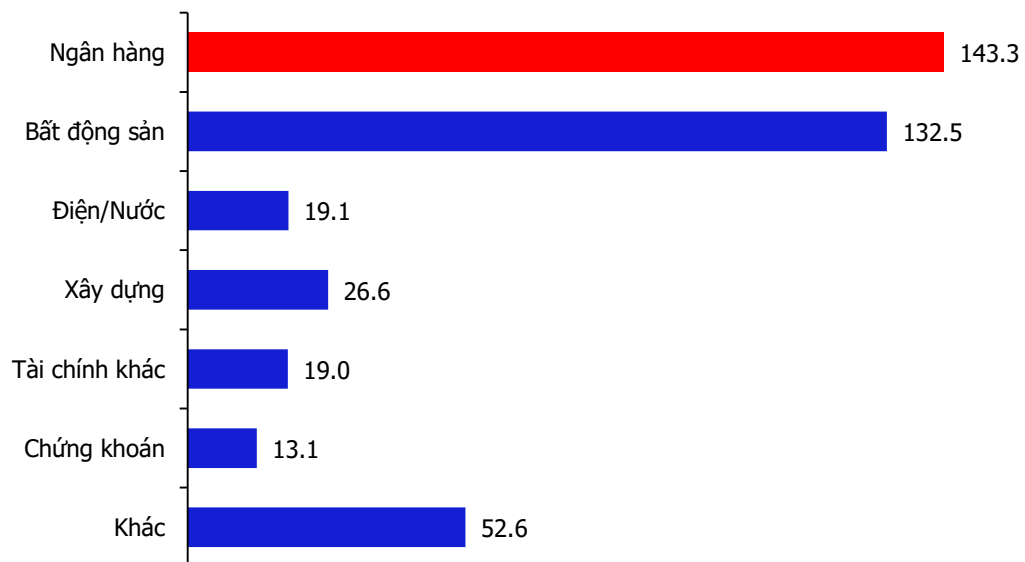
Nguồn: HNX, Fiinpro, MBS tổng hợp

Thị trường TPDN sơ cấp

- TPDN phát hành bởi các ngân hàng phần lớn được sở hữu bởi các ngân hàng khác và và một số định chế tài chính khác. Điều này thể hiện sự dư thừa thanh khoản nói chung của hệ thống liên ngân hàng trong khi các ngân hàng đều có nhu cầu tăng vốn cấp 2 nhằm bổ sung năng lực nguồn vốn trung và dài hạn nhằm tài trợ cho việc tái cấu trúc nợ COVID vốn có kỳ hạn dài hơn và cải thiện tỉ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn theo qui định hiện hành của NHNN.
- Trước đây theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-NHNN, tổ chức tín dụng không được mua trái phiếu phát hành trên sơ cấp của tổ chức tín dụng khác nên các công ty chứng khoán thường đứng ra làm trung gian, mua trái phiếu ngân hàng trên thị trường sơ cấp, sau đó bán lại cho các tổ chức tín dụng khác. Hiện tại, quy định này đã được gỡ bỏ nên các ngân hàng thương mại đã có thể trực tiếp mua trái phiếu của nhau trên thị trường sơ cấp từ ngày 17/5/2021. Trong khi các ngân hàng mua trái phiếu có thiên hướng nắm giữ thì các công ty chứng khoán sau khi mua vào đã bán ra hầu hết cho nhà đầu tư thứ cấp.
- Do việc thắt chặt đối tượng mua từ phát hành riêng lẻ, các công ty chứng khoán đóng vai trò tư vấn, bảo lãnh phát hành và đầu tư một phần trái phiếu nhằm đảm bảo sự thành công của các đợt phát hành cho doanh nghiệp mà họ tư vấn.

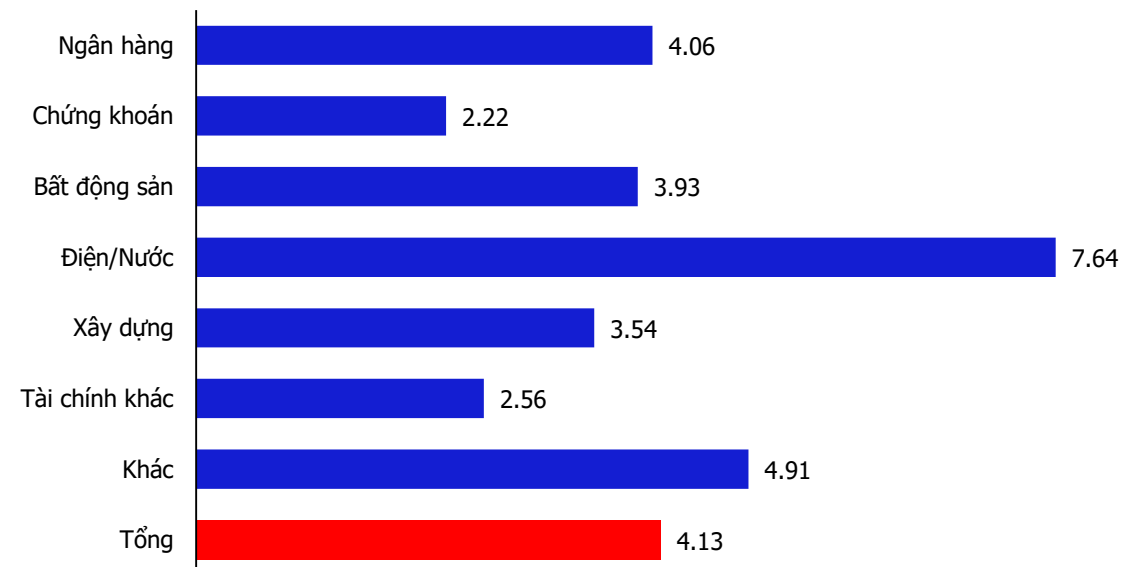
Cơ cấu nhóm ngành phát hành TPDN năm 2021

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Kỳ hạn trung bình trái phiếu phát hành năm 2021

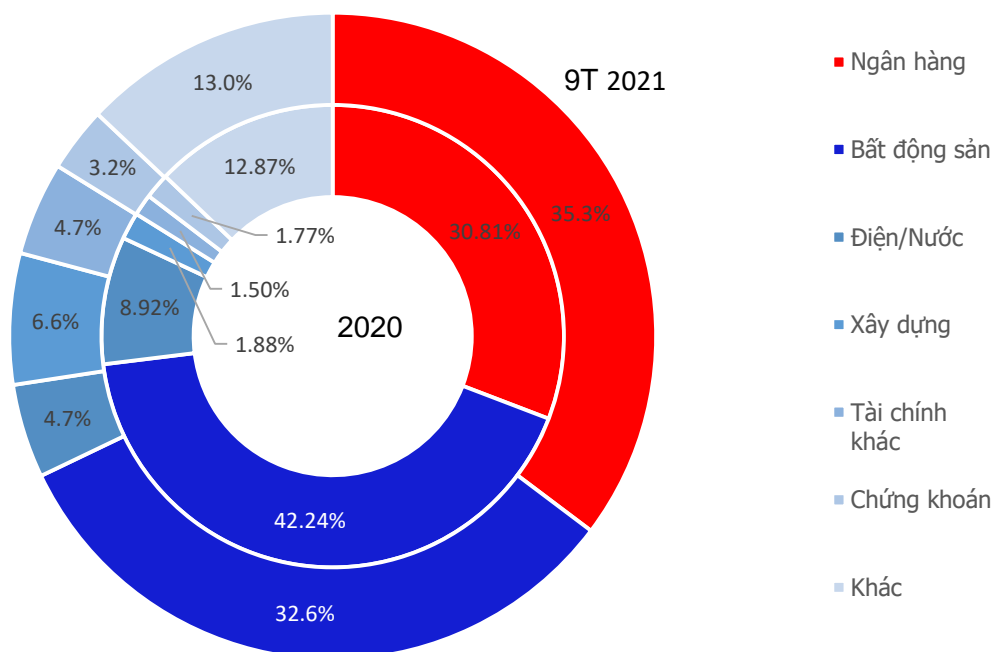
Đơn vị: Năm



Thị trường thứ cấp

- Mặc dù thị trường thứ cấp tập trung chưa hình thành, các trái phiếu hiện niêm yết có thanh khoản khá tốt. Ước tính 83,2 nghìn tỷ TPĐN (tương đương khoảng 30% lượng TPĐN phát hành mới) được phân phối thứ cấp trong 6T2021 từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng ra công chúng.
- Số dư TPĐN doanh nghiệp phi ngân hàng tại các ngân hàng không chứng kiến nhiều biến động dù ngân hàng cũng tham gia khá tích cực trên thị trường TPĐN sơ cấp. Điều này phản ánh rằng trong khi các ngân hàng mua TPĐN của các đơn vị phát hành phi ngân hàng bao gồm bất động sản nhằm mục đích giữ đến ngày đáo hạn trong khi các CTCK chủ yếu thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và phân phối trái phiếu thay vì giữ trên bảng cân đối kế toán của họ. Ước tính giá trị TPĐN phi ngân hàng được phân phối lại bởi Công ty chứng khoán và Ngân hàng trong 6T2021 khoảng hơn 80 nghìn tỷ VND, tương ứng với 30% lượng TPĐN phát hành mới trong 6T2021.

Cơ cấu phát hành trái phiếu doanh nghiệp của các ngành 2020 và 9T 2021



Bên phát hành và nhà đầu tư trên thị trường sơ cấp TPĐN 6T2021

Đơn vị: Nghìn tỷ VND

Bên phát hành	Bên mua						Tổng
	Ngân hàng	CTCK	Tổ chức trong nước	Tổ chức nước ngoài	Cá nhân	Không rõ	
Ngân hàng	17.3	43.8	10.1	-	1.5	2	74.7
Bất động sản	28.8	45.2	22.6	1	3.1	2.1	102.8
Định chế tài chính khác	5.7	0.4	1.1	-	2.3	1.5	11
Khác	13.2	20.7	19.7	2.3	11.5	2.9	70.3
Tổng	65	110.1	53.5	3.3	18.4	8.5	258.8

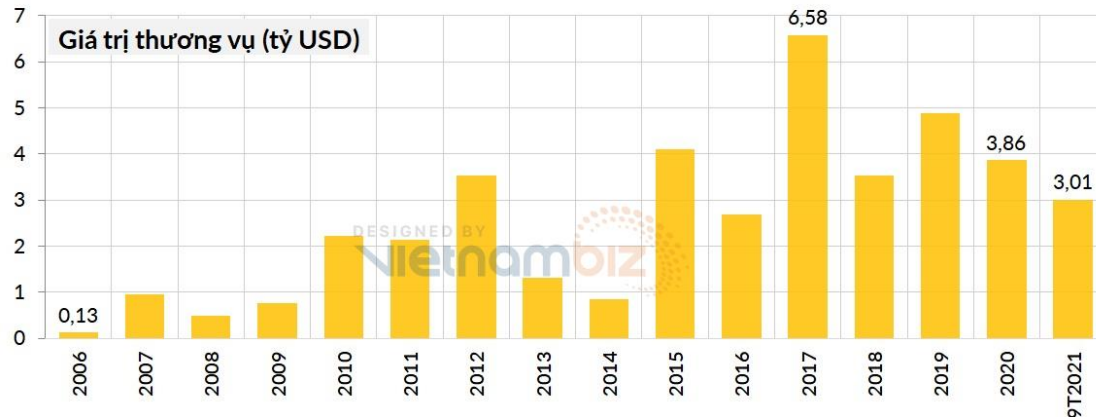
Danh mục ngân hàng phát hành trái phiếu năm 2021

Tên	Tổng giá trị phát hành (Tỷ VNĐ)	Lãi trái phiếu (%)	Kỳ hạn (tháng)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	20.800	3,5%-7,4%	12-36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	18.787	6,03%-6,9%	72-180
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	17.030	3,9%-4,2%	18-84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	13.100	2,83%-4,1%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt	11.150	3,6%-7,3%	24-84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	9.000	2,6%-4,2%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	7.850	3,8%-4,2%	24
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	7.500	2,84%-4%	24-36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	7.100	4%-7,775%	36-84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	6.569	6,03%-6,75%	72-180
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	6.000	3,7%-7,58%	18-84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	5.000	3,7%-4%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	3.000	2,9%-3,8%	12-36
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.989	6,53%-6,88%	24-120
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	2.700	4,20%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	2.200	4,10%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.250	7,03%-7,225%	84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	686	7,4%-7,8%	84
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	500	4,30%	36
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	100	7,60%	84

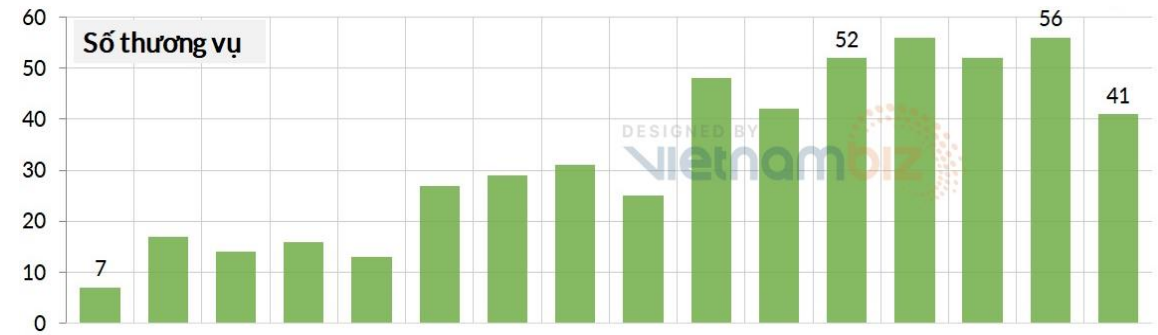
Thị trường lấy lại đà tăng nhờ NĐTNN

- Theo thống kê của hãng luật White & Case, trong 9 tháng đầu năm 2021, Việt Nam có 41 thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) doanh nghiệp với tổng giá trị 3.01 tỷ USD, trong đó riêng ngành dịch vụ tài chính ghi nhận 1.47 tỷ USD.
- Covid-19 làm thị trường M&A lắng xuống, nhưng các thương vụ M&A dự kiến sẽ nở rộ từ Q4.2021 với sự tham gia của các tổ chức tài chính nước ngoài
 - FE Credit hưởng lợi từ sự cộng hưởng với SMBC theo sau "siêu thương vụ" 2.8 tỷ USD: Tháng 10/2021 VPBank thành công thương vụ chuyển nhượng 49% vốn điều lệ Fe Credit cho đối tác SMBC với giá 1.4 tỷ USD. Trong dài hạn, FE Credit được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ dòng vốn chi phí thấp từ SMBC qua đó gia tăng NIM và lợi nhuận. Bên cạnh đó, kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu của tổ chức tài chính top 3 Nhật Bản này cũng sẽ giúp FE Credit hưởng lợi khi cải thiện quy trình quản trị rủi ro và phát triển sản phẩm mới cũng như thâm nhập các thị trường giàu tiềm năng như Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan.
 - Ngân hàng Bank of Ayudhya của Thái Lan chi 69 triệu USD mua lại SHB Finance. Tại 31/12/2020, tổng dư nợ tại SHB Finance là 3,689 tỷ VND (tăng 35% YoY), LNST đạt 56 tỷ, giảm 34% YoY. Thương vụ này sẽ giúp ngân hàng đến từ Thái Lan tiếp cận khoảng 200.000 khách hàng của SHB Finance, giúp mở rộng hiện diện tại khu vực Đông Nam Á.
 - Các thương vụ kỳ vọng từ Q4.2021 trở đi: FCCOM, HAFIC.
 - ✓ Maritime đang đàm phán đối tác nước ngoài sau khi thương vụ với Hyundai Card không thành. Tại 31/12/2020, tổng dư nợ (100% tiền mặt) là 322 tỷ, trong đó 28.4 tỷ VND là nợ xấu. NPL gia tăng làm LNST FCCOM giảm 64% YoY, đạt 2.3 tỷ VND.
 - ✓ HAFIC đang là tâm điểm chú ý của nhiều tổ chức trong và ngoài nước. TPBank (Việt Nam), AFS (Nhật Bản), KB Kookmin Card (Hàn Quốc) đều đang thể hiện sự quan tâm với CTTC Handico (HAFIC) dù công ty đang bị NHNN kiểm soát đặc biệt từ 2015.

Quy mô hoạt động M&A tại Việt Nam



Quy mô hoạt động M&A tại Việt Nam



Chính sách trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19

Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các quy định
03/2021/TT-NHNN	02/04/2021	<p>Thông đốc NHNN Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2020/TT-NHNN).</p>	<p>1/ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. - Cơ cấu lại thời hạn trả nợ. - Miễn, giảm lãi, phí. - Giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ. - Trích lập dự phòng rủi ro. <p>2/ Quy định chuyển tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các hợp đồng, thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết về thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, thỏa thuận nêu trên được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và các quy định có liên quan của Thông tư này.
04/2021/TT-NHNN	05/04/2021	<p>Thông đốc NHNN Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay và việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.</p>	<p>1/ Phạm vi điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - NHNN tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ. - Tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của VNA đã được NHNN thực hiện tái cấp vốn theo quy định. <p>2/ Đối tượng áp dụng.</p> <p>3/ Số tiền tái cấp vốn.</p> <p>4/ Lãi suất tái cấp vốn.</p> <p>5/ Tài sản bảo đảm</p> <p>6/ Thời hạn tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn.</p> <p>7/ Giải ngân tái cấp vốn.</p> <p>8/ Trình tự tái cấp vốn, giải ngân tái cấp vốn.</p> <p>9/ Trả nợ vay tái cấp vốn.</p> <p>10/ Xử lý khi tổ chức tín dụng không trả nợ vay tái cấp vốn đúng hạn.</p> <p>11/ Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và trích lập dự phòng rủi ro.</p> <p>12/ Trách nhiệm của tổ chức tín dụng.</p> <p>13/ Trách nhiệm các đơn vị thuộc NHNN.</p>

Chính sách trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19

Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các qui định
10/2021/TT-NHNN	21/07/2021	<p>1/ Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.</p>	<p>1/ Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: NHNN tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là tái cấp vốn).</p> <p>2/ Số tiền tái cấp vốn: Tổng số tiền tái cấp vốn tối đa 7.500 tỷ đồng (bảy nghìn năm trăm tỷ đồng).</p> <p>3/ Lãi suất tái cấp vốn.</p> <p>4/ Thời hạn tái cấp vốn, giải ngân tái cấp vốn: Thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày, tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>5/ Tài sản bảo đảm.</p> <p>6/ Trình tự tái cấp vốn.</p> <p>7/ Trả nợ vay tái cấp vốn.</p> <p>8/ Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>9/ Trách nhiệm các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.</p>
14/2021/TT-NHNN	07/09/2021	<p>1/ Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2020/TT-NHNN).</p>	<p>1/ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu lại thời hạn trả nợ. - Miễn, giảm lãi, phí. <p>2/ Thay thế Phụ lục của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN.</p>

Cập nhật chính sách mới

Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các qui định
02/2021/TT-NHNN	31/03/2021	Hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ trong nước giữa các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với nhau và giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với khách hàng. Giao dịch ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với NHNN được thực hiện theo quy định riêng của NHNN. Không điều chỉnh đối với giao dịch ngoại tệ trên thị trường quốc tế.	<ol style="list-style-type: none"> 1/ Nguyên tắc thực hiện giao dịch. 2/ Loại hình và phạm vi giao dịch được phép. 3/ Đồng tiền giao dịch và tỷ giá giao dịch. 4/ Kỳ hạn của giao dịch. 5/ Phương thức giao dịch. 6/ Phí giao dịch. 7/ Thời gian giao dịch. 8/ Nội dung thỏa thuận giao dịch.
01/2021/TT-NHNN	01/04/2021	Quy định việc phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi; phát hành, chào bán trái phiếu (phát hành trái phiếu) trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để huy động vốn trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.	<ol style="list-style-type: none"> 1/ Đối tượng áp dụng. 2/ Đối tượng phát hành giấy tờ có giá. 3/ Đối tượng mua giấy tờ có giá. 4/ Hình thức phát hành. 5/ Đồng tiền phát hành và thanh toán. 6/ Mệnh giá của giấy tờ có giá. 7/ Lãi suất. 8/ Thời hạn, ngày phát hành và ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá. 9/ Nguyên tắc phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi. 10/ Nguyên tắc phát hành trái phiếu. 11/ Yêu cầu của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền. 12/ Quy trình phát hành và thanh toán giấy tờ có giá. 13/ Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu. 14/ Sử dụng giấy tờ có giá làm tài sản bảo đảm. 15/ Chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá và xử lý các trường hợp rủi ro khác. 16/ Thanh toán giấy tờ có giá. 17/ Quy định nội bộ.

Cập nhật chính sách mới

Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các qui định
08/2021/TT-NHNN	06/07/2021	<p>Thông đốc NHNN Việt Nam ban hành Thông tư quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Thông tư này quy định về cho vay đặc biệt của NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>1/ Đối tượng áp dụng: tổ chức tín dụng, bảo hiểm tiền gửi VN, Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>2/ Các trường hợp cho vay đặc biệt.</p> <p>3/ Nguyên tắc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt.</p> <p>4/ Chuyển khoản cho vay tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt.</p> <p>5/ Thẩm quyền ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt.</p> <p>6/ Mục đích sử dụng khoản vay đặc biệt.</p> <p>7/ Số tiền cho vay đặc biệt.</p> <p>8/ Thời hạn cho vay đặc biệt.</p> <p>9/ Lãi suất.</p> <p>10/ Tài sản bảo đảm đối với khoản cho vay đặc biệt do NHNN xem xét, quyết định.</p> <p>11/ Điều kiện tài sản bảo đảm.</p> <p>12/ Gia hạn cho vay đặc biệt.</p> <p>13/ Trả nợ vay đặc biệt.</p> <p>14/ Trình tự NHNN xem xét, quyết định cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản.</p>
09/2021/TT-NHNN	07/07/2021	<p>Thông đốc NHNN Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thông đốc NHNN Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở (sau đây gọi là Thông tư số 42/2015/TT-NHNN).</p>	<p>1/ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung khoản 3 vào Điều 14: đối với bán (phát hành) tín phiếu NHNN qua nghiệp vụ thị trường mở, NHNN thực hiện theo phương thức đấu thầu lãi suất; NHNN bán (phát hành) tín phiếu NHNN theo phương thức đấu thầu khối lượng trong trường hợp NHNN cần thông báo lãi suất tín phiếu NHNN nhằm thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ.” - Sửa đổi, bổ sung Điều 15: Trước mỗi phiên đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở, NHNN (Sở giao dịch) thông báo mua hoặc bán giấy tờ có giá cho các thành viên. Đối với phiên bán (phát hành) tín phiếu NHNN, ngoài việc thông báo cho các thành viên, Sở giao dịch đăng tải thông báo bán (phát hành) tín phiếu NHNN trên Cổng Thông tin điện tử NHNN chậm nhất vào 13 giờ 30 phút ngày đấu thầu. - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 25: đề xuất và trình Trưởng Ban điều hành quyết định về loại giấy tờ có giá mua/bán, khối lượng mua/bán, phương thức mua/bán, phương thức đấu thầu, phương thức xét thầu, thời hạn mua/bán và lãi suất áp dụng khi mua/bán giấy tờ có giá; thông báo cho Sở giao dịch các nội dung trên sau khi được Trưởng Ban điều hành phê duyệt.” - Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 25: Tổ chức thực hiện phiên giao dịch mua, bán giấy tờ có giá giữa NHNN với các thành viên theo phê duyệt của Trưởng Ban điều hành; thực hiện đăng tải thông báo bán (phát hành) tín phiếu NHNN theo quy định tại Thông tư này.” <p>2/ Trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p>

Cập nhật chính sách mới

Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các qui định
11/2021/TT-NHNN	30/07/2021	<p>Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>1/ Phạm vi điều chỉnh: quy định về việc phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng đối với các tài sản có (sau đây gọi tắt là nợ) phát sinh từ các hoạt động sau: Cho vay; Cho thuê tài chính; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bao thanh toán; Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng; Trả thay theo cam kết ngoại bảng v.v...</p> <p>2/ Đối tượng áp dụng.</p> <p>3/ Thu thập số liệu, thông tin khách hàng và công nghệ thông tin.</p> <p>4/ Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.</p> <p>5/ Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro.</p> <p>6/ Báo cáo về quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro.</p> <p>7/ Thời điểm, trình tự phân loại, trích lập dự phòng rủi ro.</p>
12/2021/TT-NHNN	30/07/2021	<p>Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước.</p>	<p>1/ Phạm vi điều chỉnh: quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước (sau đây gọi là giấy tờ có giá) chưa đến hạn thanh toán mà bên mua nhận chuyển giao quyền sở hữu và không kèm theo cam kết bán, mua lại giấy tờ có giá hoặc bảo lưu quyền truy đòi (sau đây gọi là mua, bán giấy tờ có giá).</p> <p>2/ Đối tượng áp dụng</p> <p>3/ Nguyên tắc mua, bán giấy tờ có giá.</p> <p>4/ Thông tin giao dịch.</p> <p>5/ Quy định nội bộ.</p>
13/2021/TT-NHNN	23/08/2021	<p>Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2013/TT-NHNN).</p>	<p>1/ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN: Giảm 50% mức phí thanh toán tại điểm 1.1, 1.2 Mục 1 "Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng" tại Phần III "Phí dịch vụ thanh toán trong nước" Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2021 đến hết ngày 30/6/2022.</p>

Cập nhật chính sách mới

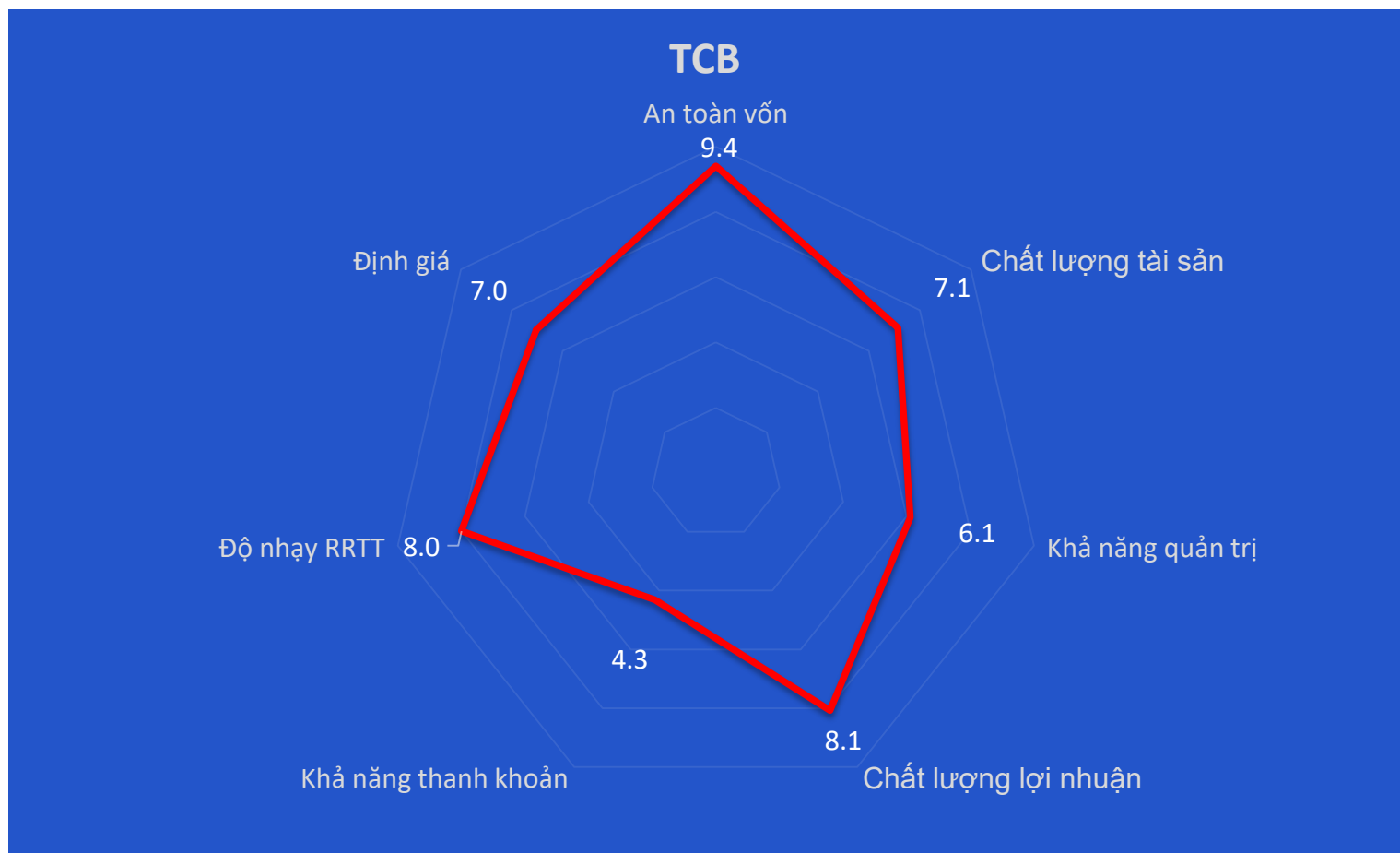
Thông tư	Thời gian	Nội dung	Các qui định
15/2021/TT-NHNN	30/09/2021	<p>Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Thông tư 16/2012/TT-NHNN).</p>	<p>1/ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung khoản 1b vào sau khoản 1a Điều 15: Đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ đề nghị cấp phép theo cơ chế một cửa quốc gia thì gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến cổng thông tin một cửa quốc gia để được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. - Bổ sung khoản 5 vào Điều 15: Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo cơ chế một cửa quốc gia. - Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 16 - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 - Sửa đổi, bổ sung khoản 1a Điều 20. <p>2/ Thay thế một số cụm từ, Phụ lục của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.</p>
16/2021/TT-NHNN	30/09/2021	<p>Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>1/ Phạm vi điều chỉnh. 2/ Đối tượng áp dụng. 3/ Nguyên tắc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp. 4/ Trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện giao dịch mua, bán. 5/ Quy định nội bộ. 6/ Trách nhiệm của tổ chức tín dụng khi thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp. 7/ Giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp. 8/ Phân loại, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp. 9/ Hạch toán kế toán, thống kê và lưu giữ hồ sơ mua, bán trái phiếu doanh nghiệp. 10/ Điều khoản chuyển tiếp.</p>

Tác động của thông tư 16:

- + Giảm lượng giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trên thị trường liên ngân hàng.
- + Với qui định thời gian mua lại trái phiếu doanh nghiệp đã bán tối thiểu là 12 tháng thì các ngân hàng phải cân nhắc cẩn trọng vì sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến room tín dụng được qui định theo NHNN.
- + Danh mục trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng sẽ bớt rủi ro hơn với những qui định mới như: tổ chức tín dụng mua - bán trái phiếu doanh nghiệp phải có hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, doanh nghiệp phát hành không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng trong vòng 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để cơ cấu lại các khoản nợ hay có mục đích để góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác.
- + Chất lượng tài sản của ngân hàng được kiểm soát chặt chẽ hơn các ngân hàng có tỉ lệ nợ xấu quá cao (trên 3%) sẽ không được phép mua trái phiếu doanh nghiệp.

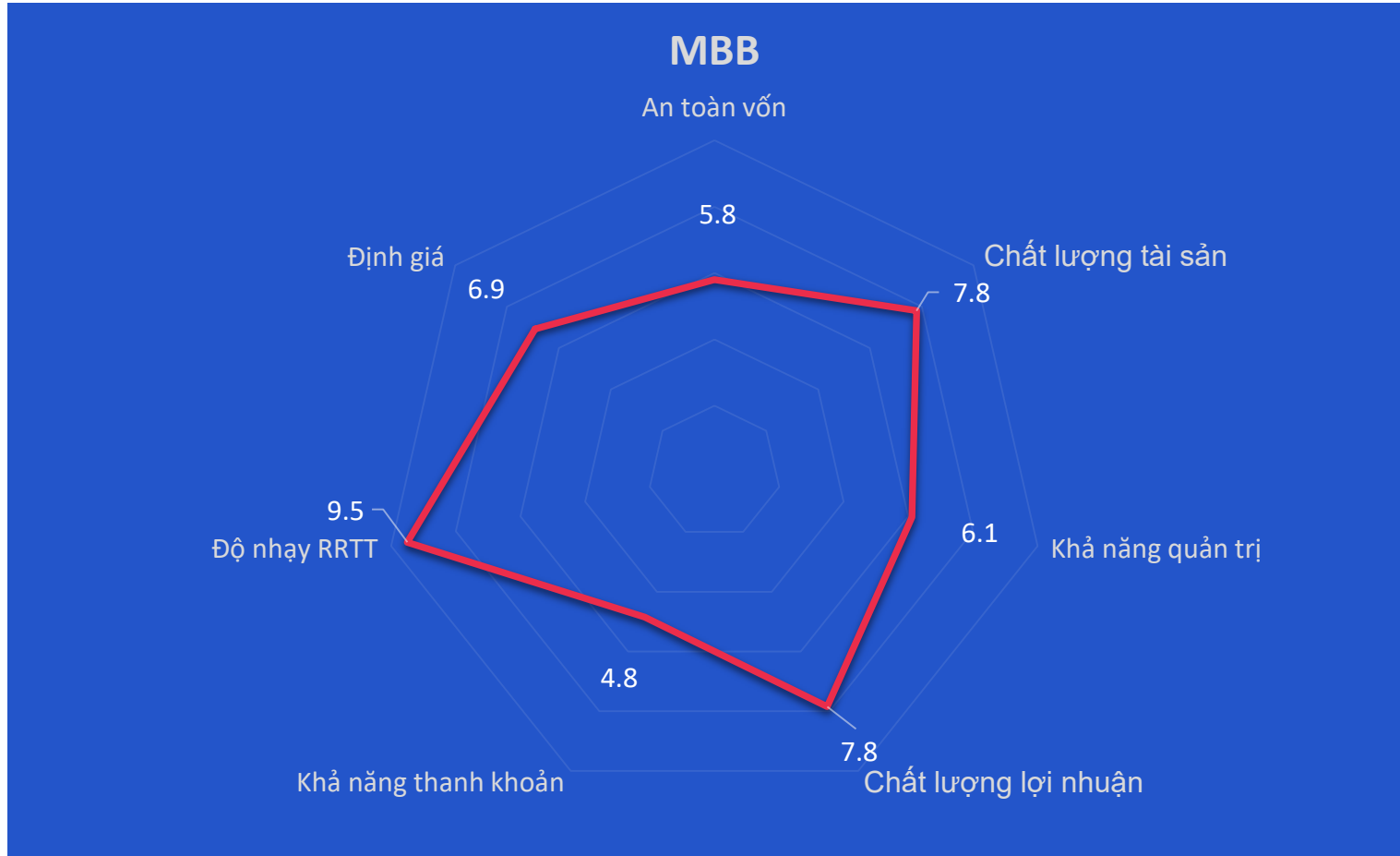
- Trong phần tiếp theo, chúng tôi dựa vào **hệ thống Định hạng Cổ phiếu ngành Ngân hàng** với nền tảng là khung phân tích CAMELS để đưa ra xếp hạng và khuyến nghị tương ứng.
- Phương pháp phân tích CAMELS: do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được thông qua năm 1987, CAMELS đã và đang được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới.
- Ở Việt Nam, NHNN cũng ban hành thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 dùng khung CAMELS để quy định về việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Với phương pháp chấm điểm và định hạng hiện tại, bất cứ mã nào đạt từ 60 điểm trở lên (trên thang điểm 100) đều xứng đáng được cân nhắc đưa vào danh sách theo dõi ("watchlist") đầu tư, cụ thể:
 - Từ 60 điểm trở lên: Mua
 - Từ 50 – 60 điểm: Cân nhắc Mua
 - Từ 40 – 50 điểm: Cân nhắc Bán
 - Dưới 40 điểm: Bán.
- Các cơ hội đầu tư điển hình:
 - TCB
 - MBB
 - CTG
 - VPB
 - VIB

- Theo hệ thống Định hạng Cổ phiếu, TCB được chấm tổng điểm 74.2/100, xếp hạng thứ 1/27 toàn ngành. EPS cơ bản hiện là 4,965 VNĐ, giá trị sổ sách là 24,960 VNĐ. Theo nhận định của chúng tôi, giá trị nội tại của TCB đạt 75,400 VNĐ, cao hơn so với giá thị trường 50,000 VNĐ. Xét về các yếu tố mức độ an toàn vốn, chất lượng tài sản, khả năng quản trị, chất lượng lợi nhuận và độ nhạy với rủi ro thị trường TCB đều vượt trội so với trung bình ngành. Dù khả năng thanh khoản còn phải cải thiện, tuy nhiên điểm định giá vẫn rất tốt vì mức định giá ngân hàng vượt trội thị giá, hàm ý tiềm năng tăng giá hấp dẫn trong tương lai.

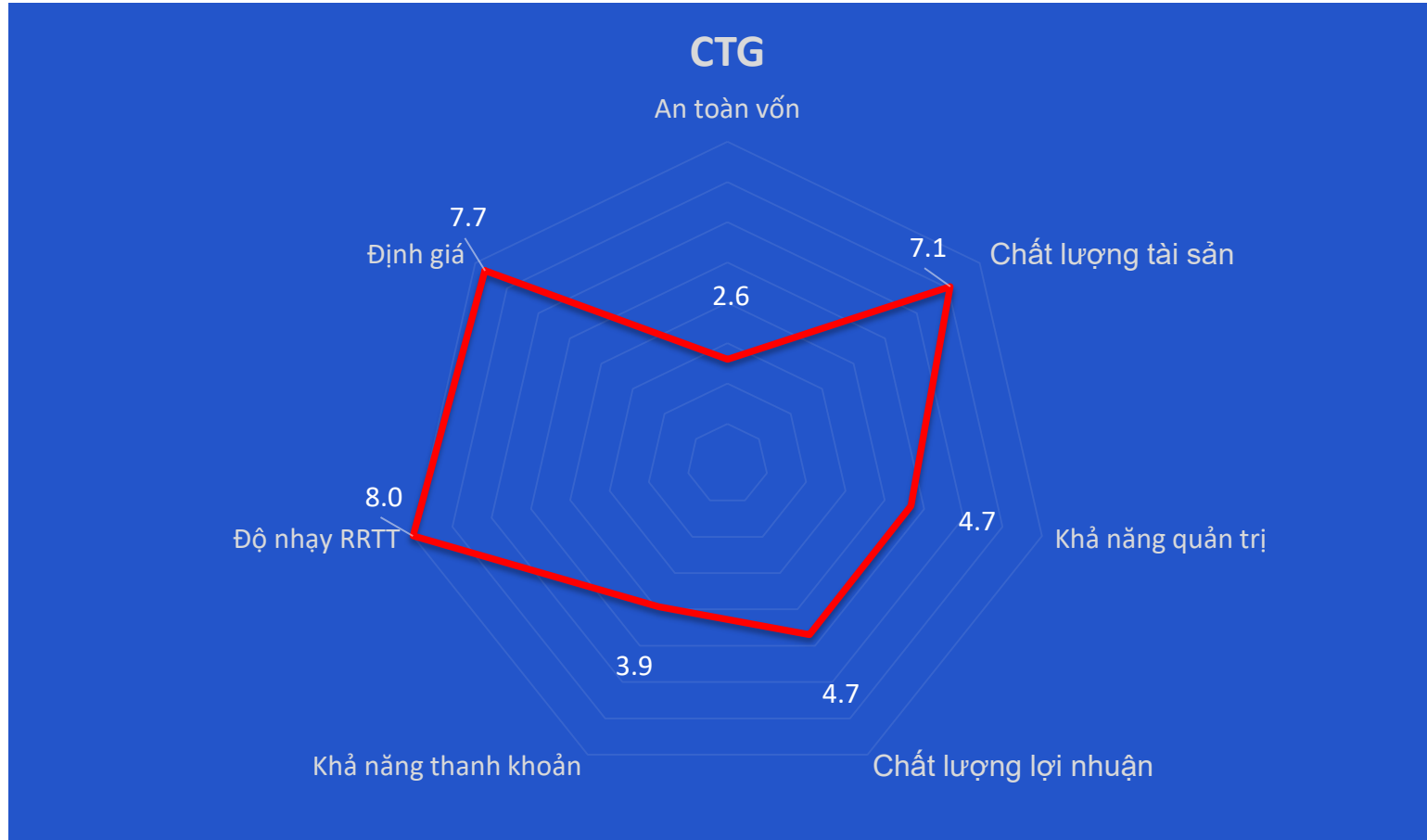


CƠ HỘI ĐẦU TƯ 2: “CỔ PHIẾU TUYỆT VỜI TẠI MỨC GIÁ TUYỆT VỜI”

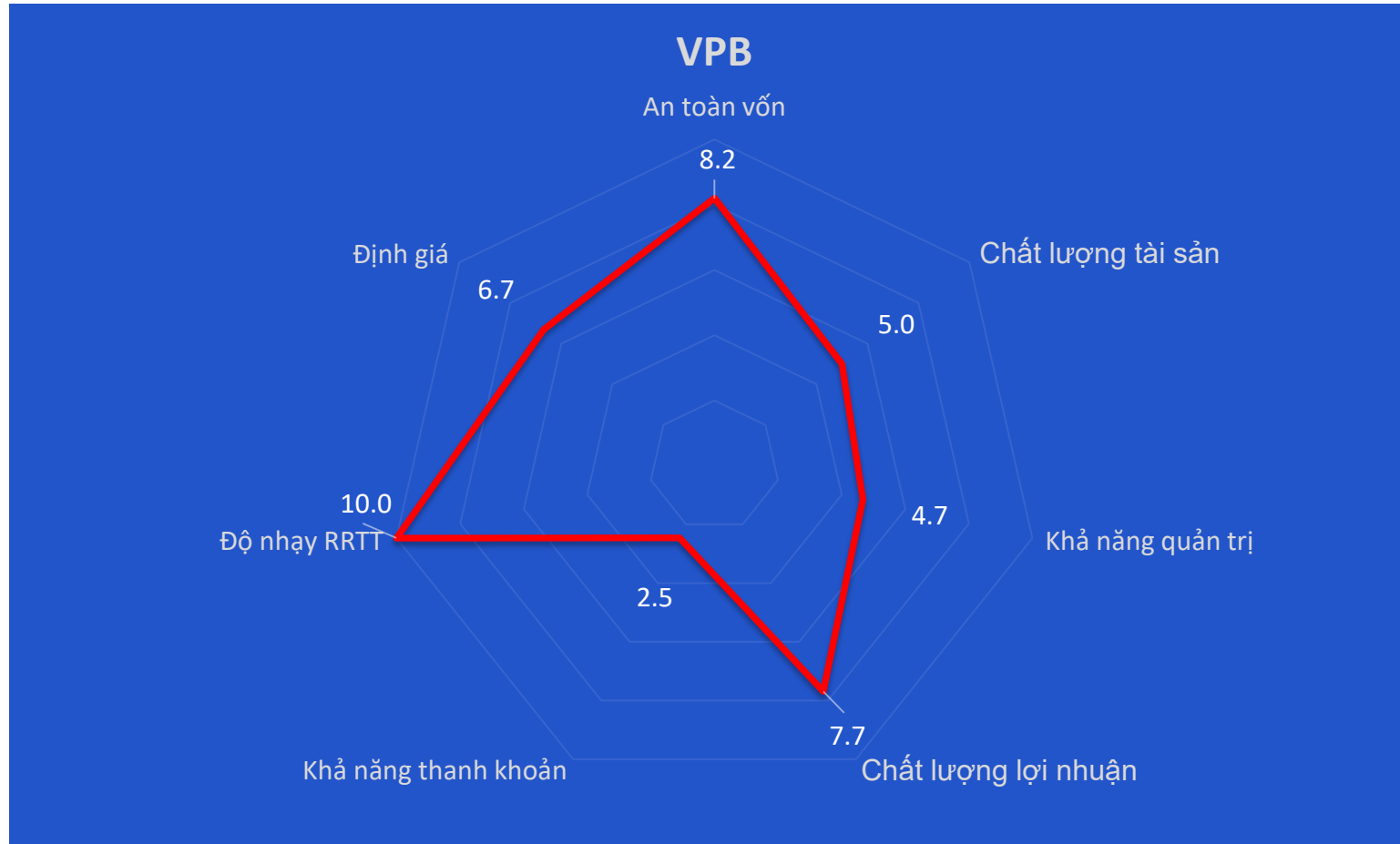
- Theo hệ thống Định hạng Cổ phiếu, MBB được chấm tổng điểm 73.8/100, xếp hạng thứ 2/27 toàn ngành. EPS cơ bản hiện là 2,943 VNĐ, giá trị sổ sách là 14,851 VNĐ. Theo nhận định của chúng tôi, giá trị nội tại của MBB đạt 44,800 VNĐ, cao hơn so với giá thị trường 28,400 VNĐ. Xét về các yếu tố mức độ an toàn vốn, chất lượng tài sản, khả năng quản trị, chất lượng lợi nhuận và độ nhạy với rủi ro thị trường MBB đều vượt trội so với trung bình ngành. Dù khả năng thanh khoản chỉ ở mức trung bình ngành, điểm định giá vẫn rất tốt vì mức định giá ngân hàng vượt trội thị giá, hàm ý tiềm năng tăng giá hấp dẫn trong tương lai.



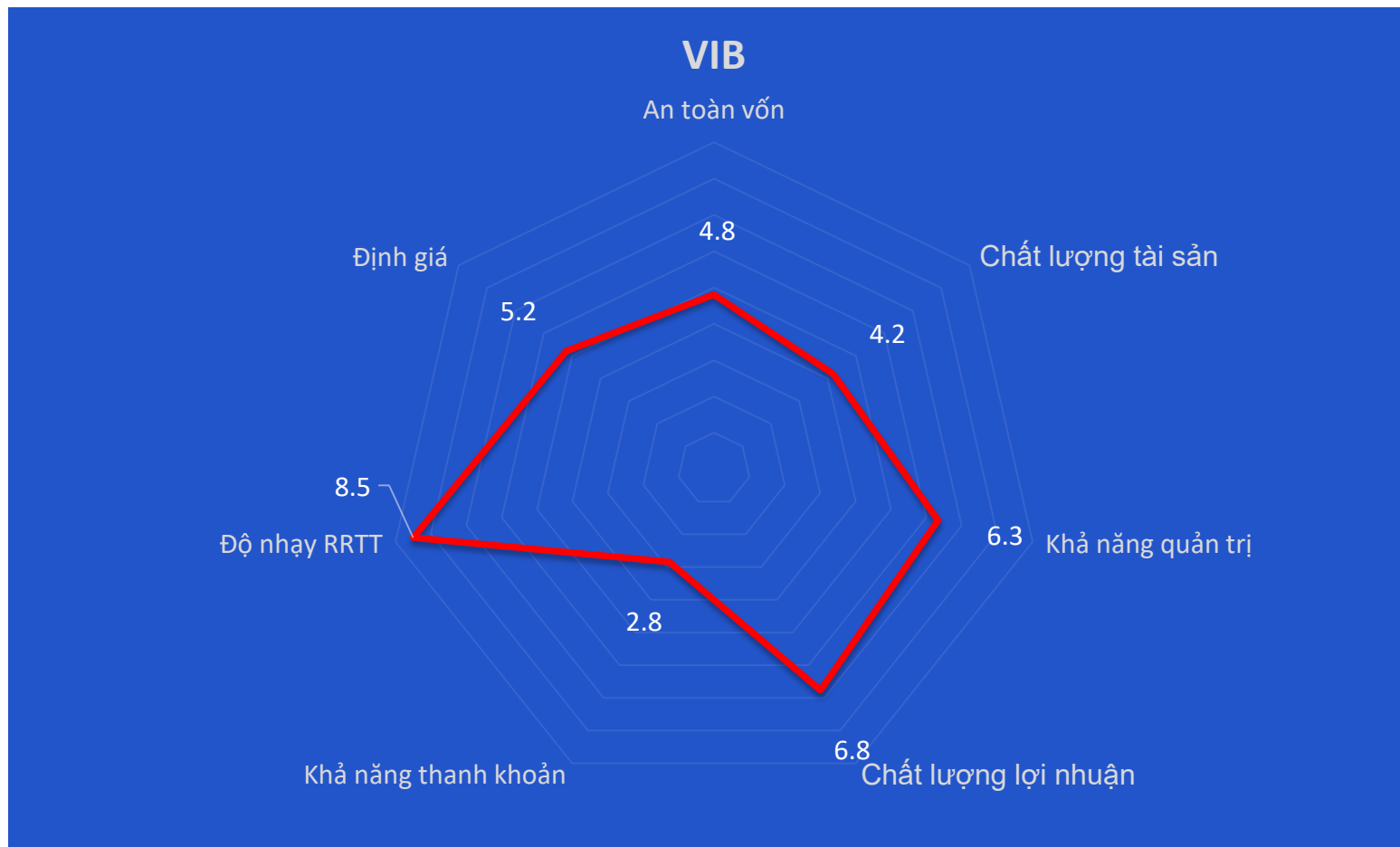
- Theo hệ thống Định hạng Cổ phiếu, CTG được chấm tổng điểm 64.8, xếp hạng thứ 9/27 toàn ngành. EPS cơ bản hiện là 3,439 VNĐ, giá trị sổ sách là 19,762 VNĐ. Theo nhận định của chúng tôi, giá trị nội tại của CTG đạt 41,850 VNĐ, cao hơn so với giá thị trường 33,000 VNĐ. Xét về các yếu tố chất lượng tài sản, khả năng quản trị, chất lượng lợi nhuận và độ nhạy với rủi ro thị trường CTG đều từ xấp xỉ đến vượt trội so với trung bình ngành. Dù mức độ an toàn vốn và khả năng thanh khoản còn cần cải thiện, điểm định giá vẫn rất tốt vì mức định giá ngân hàng vượt trội thị giá, hàm ý tiềm năng tăng giá trong tương lai.



- Theo hệ thống Định hạng Cổ phiếu, VPB được chấm tổng điểm 65.1, xếp hạng thứ 8/27 toàn ngành. EPS cơ bản hiện là 2,772 VNĐ, giá trị sổ sách là 14,019 VNĐ. Theo nhận định của chúng tôi, giá trị nội tại của VPB đạt 53,800 VNĐ, cao hơn so với giá thị trường 35,750 VNĐ. Xét về các yếu tố mức độ an toàn vốn, chất lượng tài sản, chất lượng lợi nhuận và độ nhạy với rủi ro thị trường VPB đều vượt trội so với trung bình ngành. Dù khả năng thanh khoản cần cải thiện, tuy nhiên upside cho VPB còn tương đối khả quan do giá thị trường vẫn tương đối thấp so với định giá ngân hàng.



- Theo hệ thống Định hạng Cổ phiếu, VIB được chấm tổng điểm 59.6, xếp hạng thứ 11/27 toàn ngành. EPS cơ bản hiện là 3,665 VNĐ, giá trị sổ sách là 14,267 VNĐ. Theo nhận định của chúng tôi, giá trị nội tại của VIB đạt 54,800 VNĐ, cao hơn so với giá thị trường 41,800 VNĐ. Xét về các yếu tố khả năng quản trị, chất lượng lợi nhuận, và độ nhạy với rủi ro thị trường VIB đều vượt trội so với trung bình ngành. Điểm định giá ở mức trung bình tuy nhiên upside cho VIB còn tương đối khả quan do giá thị trường vẫn tương đối thấp so với định giá ngân hàng.



Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Trọng Việt Hoàng Hoang.NguyenTrong@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huynh Huyinh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Trần Minh Phương Phuong.TranMinh@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Vật liệu xây dựng

Hoàng Ngân Giang Giang.HoangNgan@mbs.com.vn

Trái phiếu

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 15\%$
GIỮ	Từ -15% đến $+15\%$
BÁN	$\leq -15\%$

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỢT SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn